

NỀN TẢNG VỮNG CHẮC  
TƯƠNG LAI

**VỮNG BỀN**

BÁO CÁO **2013**  
THƯỜNG NIÊN

# NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013



04 - 35

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

**06** Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

**07** Thông tin chung

- 08 Tâm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
- 10 Lịch sử phát triển
- 12 Các lĩnh vực hoạt động và mạng lưới
- 16 Nhân sự chủ chốt
- 22 Định hướng phát triển
- 26 Các rủi ro
- 30 Các giải thưởng tiêu biểu
- 32 Các chỉ số cơ bản (KPIs)
- 34 Thông tin dành cho cổ đông

36 - 63

BÁO CÁO 2013 VÀ KẾ HOẠCH 2014

**40** Báo cáo của Tổng Giám đốc

- 40 Tổng quan nền Kinh tế 2013
- 41 Diễn biến Thị trường chứng khoán Việt Nam
- 42 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2013
- 50 Phân tích tình hình tài chính
- 52 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
- 54 Mục tiêu và cam kết hành động 2014

**60** Báo cáo của Hội đồng Quản trị

- 60 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
- 61 Đánh giá của HĐQT về Ban Tổng Giám Đốc
- 63 Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2014

64 - 75

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

**66** Hội đồng Quản trị

**70** Ban Kiểm soát

**74** Những giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

76 - 93

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

**80** Thông điệp của Tổng Giám đốc về phát triển bền vững

**82** Tổng quan hoạt động phát triển bền vững tại BVSC

**92** Những chỉ tiêu cơ bản về phát triển bền vững tại BVSC trong năm 2013


94 - 155

CÁC BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**96** Báo cáo tài chính

- 100 Bảng cân đối kế toán
- 103 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 104 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 139 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

**“Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) là công ty chứng khoán hàng đầu và uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư chuyên nghiệp cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài.”**



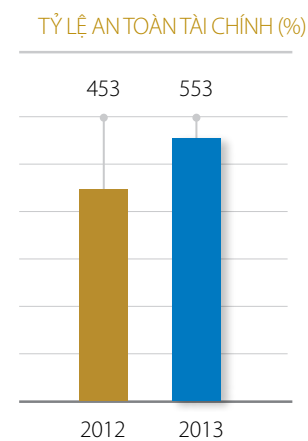
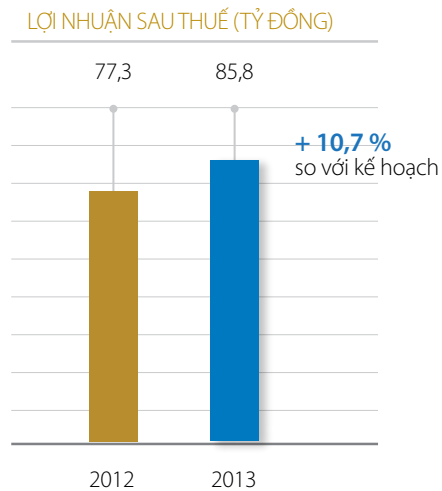
Vun đắp  
**KHỞI ĐẦU**  
thành quả DÀI LÂU

---

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	06
Thông tin chung	07
Tâm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi	08
Lịch sử phát triển	10
Các lĩnh vực hoạt động và mạng lưới	12
Nhân sự chủ chốt	16
Định hướng phát triển	22
Các rủi ro	26
Các giải thưởng tiêu biểu	30
Các chỉ số cơ bản (KPIs)	32
Thông tin dành cho cổ đông	34

# THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



**Chúng tôi tin tưởng rằng năm 2014 và những năm tiếp theo BVSC sẽ tiếp tục đạt được những thành công trong hoạt động kinh doanh, tạo nên một “Tương lai vững bền” cho cổ đông, các khách hàng, đối tác và người lao động của Công ty.**

*Với nền tảng vững chắc và sự quyết tâm cao của toàn bộ đội ngũ lãnh đạo và nhân viên BVSC, đặc biệt với sự tin tưởng của các Quý cổ đông và khách hàng, BVSC tiếp tục khẳng định vị thế công ty chứng khoán hàng đầu trên TTCK Việt Nam.*

*Kính gửi Quý Cổ đông, khách hàng và các đối tác của BVSC,*

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC), tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành đến Quý Cổ đông, khách hàng và các đối tác đã tin nhiệm và đồng hành cùng BVSC trong năm 2013 và trong chặng đường gần 15 năm qua.

Năm 2013 trong bối cảnh thị trường chứng khoán khá thuận lợi, biên độ hồi phục khá tích cực, tăng trưởng cả về điểm số và thanh khoản, BVSC đã phát huy tối đa nền tảng vững chắc và sự quyết tâm cao của toàn bộ đội ngũ lãnh đạo và nhân viên. Đặc biệt với sự tin tưởng và ủng hộ của các Quý cổ đông và khách hàng, BVSC đã gặt hái được những kết quả kinh doanh tốt, để tiếp tục khẳng định vị thế là công ty chứng khoán hàng đầu trên TTCK Việt Nam: tổng doanh thu đạt 207,4 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 85,8 tỷ đồng, tăng lần lượt 12,7% và 10,7% so với kế hoạch được Đại hội cổ đông thông qua. Với kết quả này, thu nhập trên cổ phiếu (EPS) của Công ty đạt 1.188 đồng, tăng 10,9% so với năm 2012 và là một trong top 5 Công ty chứng khoán có hệ số EPS cao nhất trên thị trường. Bên cạnh đó, trong năm 2013, BVSC đã tiếp tục duy trì vị trí trong TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ lớn nhất tại HNX, giữ vị trí số 1 về giao dịch trái phiếu tại HSX, đồng thời là 1 trong 6 công ty chứng khoán tiêu biểu HNX; và là đơn vị tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009 - 2013.

Bước sang năm 2014, thị trường chứng khoán Việt Nam được dự báo sẽ có triển vọng tăng trưởng với các định hướng và các giải pháp của Chính phủ trong việc tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nên tăng tiếp tục tái cơ cấu nền kinh tế, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp. Năm 2014 cũng là năm đánh dấu một chặng đường 15 năm hình thành và phát triển của BVSC song hành cùng với Thị trường chứng khoán Việt Nam. Với một **“Nền tảng vững chắc”** được hình thành từ 3 trụ cột lớn bao gồm Nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm, kiến thức và nhiệt huyết, Hệ thống Công nghệ tiên tiến và mạng lưới khách hàng đã đồng hành cùng BVSC trong suốt 15 năm qua, chúng tôi tin tưởng rằng, trong năm 2014 và những năm tiếp theo, BVSC sẽ tiếp tục đạt được những thành công trong hoạt động kinh doanh, tạo nên một **“Tương lai vững bền”** cho cổ đông, các khách hàng, đối tác và người lao động của Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị BVSC, tôi xin gửi tới Quý Cổ đông, các Khách hàng và đối tác lời cảm ơn trân trọng nhất vì đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng BVSC. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành tới toàn thể CBNV BVSC vì những nỗ lực đóng góp vào sự thành công của Công ty trong năm 2013 nói riêng và trong suốt chặng đường 15 năm qua.

TM.HĐQT  
CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN ĐỨC TUẤN

## GIỚI THIỆU CÔNG TY

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)** là công ty chứng khoán hàng đầu và uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư chuyên nghiệp cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài.

Được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn tài chính bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 26/11/1999
- Vốn điều lệ: 722.339.370.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013: 1,212,053,905,365 đồng.
- Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội.
- Điện thoại: 04.39288080. ; Fax: 04.39289888.
- Website: [www.bvsc.com.vn](http://www.bvsc.com.vn)
- Email: [info-bvsc@baoviet.com.vn](mailto:info-bvsc@baoviet.com.vn)
- Mã cổ phiếu: BVS, được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

## TÂM NHÌN

- Giữ vững vị trí là Công ty chứng khoán hàng đầu, mang đến những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng và sự hài lòng nhất cho cổ đông;
- Tạo môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp và hiệu quả nhất cho đội ngũ cán bộ nhân viên của Công ty;
- Tạo điều kiện cho cán bộ chủ động phát huy tối đa năng lực và khả năng sáng tạo trong công việc.

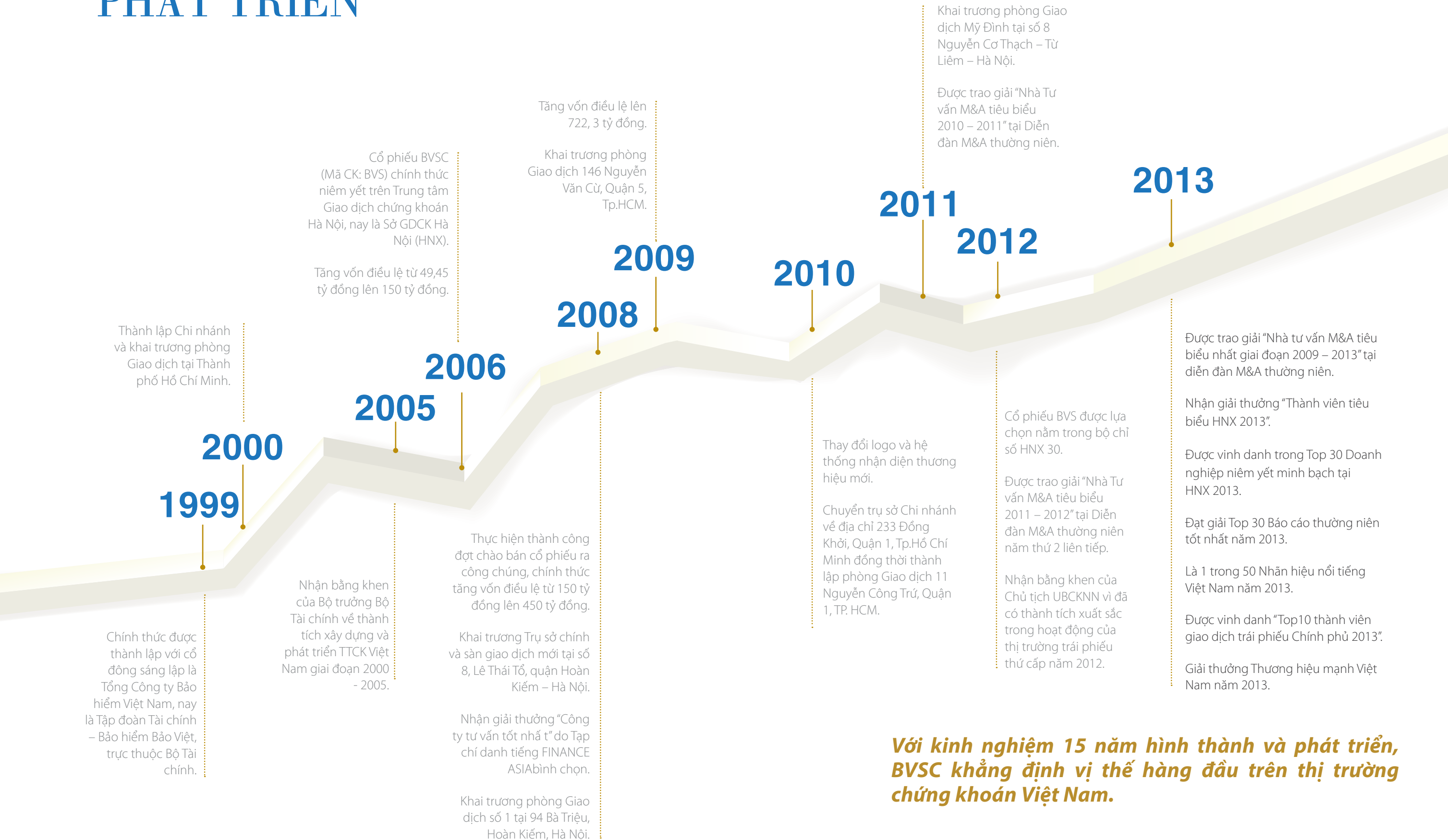
## SỨ MỆNH

- Trao "Niềm tin vững chắc" cho Nhà đầu tư, Doanh nghiệp bằng "Cam kết vững bền".

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Uy tín là tài sản quan trọng nhất của Công ty;
- Đạo đức nghề nghiệp là phẩm chất quan trọng nhất của nhân viên;
- Tuân thủ và kiểm soát rủi ro;
- Phục vụ khách hàng tốt nhất để phát triển.

# LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



**Với kinh nghiệm 15 năm hình thành và phát triển, BVSC khẳng định vị thế hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.**

# CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

**Với cam kết lấy khách hàng làm trọng tâm trong chiến lược phát triển, BVSC đã và đang thực hiện đầu tư đồng bộ về công nghệ thông tin, nguồn nhân lực, nghiên cứu phát triển sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng.**

## DỊCH VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

### • MÔI GIỚI DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Là Công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập tại Việt Nam, trong hơn 14 năm hình thành và phát triển, BVSC luôn giữ vững vị thế là một trong những Công ty chứng khoán uy tín hàng đầu trên thị trường. Hiện có khoảng trên 44 ngàn khách hàng mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại BVSC. Công ty luôn là 1 trong 2 công ty chứng khoán có thị phần môi giới Trái phiếu lớn nhất; đồng thời liên tục giữ vững vị trí nằm trong TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới CP&CCQ lớn nhất trên thị trường.

### • MÔI GIỚI DÀNH CHO KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Trong nhiều năm qua BVSC là đối tác tin cậy của các tổ chức tài chính chuyên nghiệp trong và ngoài nước như Merrill Lynch, UBS, JP Morgan, NOMURA, Dragon Capital, Vina Capital, East Spring....

Với cam kết lấy khách hàng làm trọng tâm trong chiến lược phát triển của mình, BVSC đã và đang thực hiện đầu tư đồng bộ về công nghệ thông tin, nguồn nhân lực, nghiên cứu phát triển sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của các tổ chức.



### • LƯU KÝ

BVSC cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho người đầu tư bao gồm ký gửi chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, cầm cố chứng khoán, cho tặng, thừa kế chứng khoán cũng như các giao dịch chứng khoán lô lẻ. Dịch vụ lưu ký do BVSC cung cấp được thực hiện một cách nhanh chóng, thuận tiện và cẩn trọng trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của UBCKNN và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

## HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

BVSC sử dụng nguồn vốn của mình thực hiện đầu tư vì mục tiêu lợi nhuận. BVSC thực hiện hoạt động tự doanh trên cơ sở tuân thủ triệt để nguyên tắc không xung đột với lợi ích của khách hàng.

## DỊCH VỤ TƯ VẤN DOANH NGHIỆP VÀ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, BVSC cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ bao gồm Dịch vụ thị trường vốn; Dịch vụ



## HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Với đội ngũ chuyên gia phân tích có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm, nhạy bén và thường xuyên bám sát diễn biến thị trường, hoạt động Phân tích và Tư vấn đầu tư của BVSC những năm qua được đánh giá cao không chỉ ở tính đa dạng của các sản phẩm phân tích mà còn là chất lượng sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của khách hàng đầu tư, thể hiện ở tính chính xác, khách quan và cập nhật.

Hiện nay, BVSC cung cấp một chuỗi các sản phẩm phân tích khá đa dạng và toàn diện từ các sản phẩm phân tích vĩ mô, nhận định thị trường, báo cáo trái phiếu, báo cáo chiến lược đầu tư, phân tích ngành và doanh nghiệp.....

thị trường nợ; Tái cấu trúc, Mua bán và Sáp nhập doanh nghiệp (M&A) và các nghiệp vụ tư vấn tài chính khác.

Hoạt động Ngân hàng Đầu tư của BVSC với hệ thống sản phẩm và dịch vụ đa dạng luôn mang đến cho khách hàng những dịch vụ tài chính tốt nhất. Với phương châm "Chất lượng - Tiến độ - Hiệu quả", và Mục tiêu "Tối đa hóa lợi ích của khách hàng", các chuyên gia của BVSC luôn cố gắng đáp ứng tối đa yêu cầu cho từng nhóm đối tượng khách hàng.

TÀI KHOẢN GIAO DỊCH  
CHỨNG KHOÁN TẠI BVSC  
**> 44.000**  
TÀI KHOẢN

# MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

## ● HỘI SỞ

Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3.928 8080  
Fax: (84-4) 3.928 9888  
Email: info-bvsc@baoviet.com.vn  
Website: www.bvsc.com.vn

## ● PHÒNG GIAO DỊCH HỘI SỞ

Địa chỉ: Tầng 1, Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (84-4) 3.928 8080 / Ext 804  
Fax: (84-4) 3.9288999

## ● PHÒNG GIAO DỊCH MỸ ĐÌNH

Địa chỉ: Số 8, Nguyễn Cơ Thạch, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội  
Tel: (84-4) 3.763 3690  
Fax: (84-4) 3.763 3692

## ● PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 1

Địa chỉ: 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (84-4) 3.928 9950  
Fax: (84-4) 3.943 3012

## ● CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

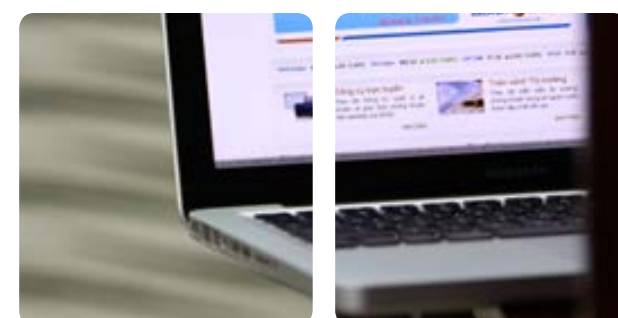
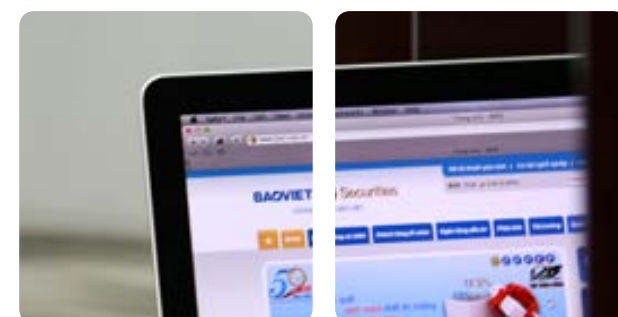
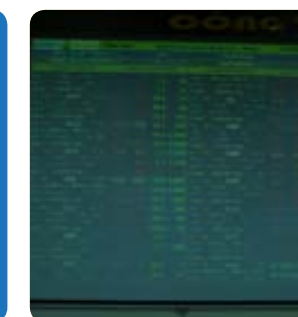
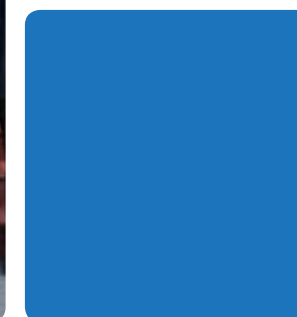
Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà Bảo Việt,  
233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 3.914 6888  
Fax: (84-8) 3.914 7999  
Email: info.hcm@baoviet.com.vn

## ● PHÒNG GIAO DỊCH CHI NHÁNH

Địa chỉ: 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8) 3.821 8564 / Ext 320 - 327  
Fax: (84-8) 3.821 8566 / 3.914 1435  
Email: Brokerage.hcm@baoviet.com.vn

## ● PHÒNG GIAO DỊCH 146 NGUYỄN VĂN CỬ

Địa chỉ: 146 Nguyễn Văn Cử, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 3.837 7799  
Fax: (84-8) 3.837 1100





# NHÂN SỰ CHỦ CHỐT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông NGUYỄN ĐỨC TUẤN**

Chủ tịch HĐQT  
(Từ ngày 26/4/2013 đến hết nhiệm kỳ)

Ông Nguyễn Đức Tuấn được bầu làm Thành viên Hội đồng Quản trị BVSC trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 26/4/2013.

Ông Tuấn là cử nhân Kinh tế, đại học Odessa – Liên Xô (cũ), Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội phối hợp với Đại học Pacific Western (Hoa Kỳ). Ông Tuấn hiện là Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt, Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long Việt, Chủ tịch Ban đại diện Quỹ đầu tư chứng khoán Bảo Việt (BVF1). Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - bảo hiểm và đảm nhiệm các chức vụ quan trọng tại Tập đoàn Bảo Việt, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ, Công ty Bảo hiểm Nhân Thọ Hà Nội... Ông Tuấn đã có nhiều đóng góp vào sự thành công của Tập đoàn Bảo Việt nói chung và Bảo Việt Nhân thọ nói riêng. Tại BVSC, với tư cách là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ông Nguyễn Đức Tuấn đã đưa ra những định hướng chiến lược quan trọng trong tổ chức và hoạt động của Công ty.



**Bà NGUYỄN THỊ PHÚC LÂM**

Chủ tịch HĐQT  
(Từ 3/4/2010 đến 26/4/2013)

Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm, Thạc sỹ kinh tế, được bầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị BVSC nhiệm kỳ 2010 - 2015 tại Đại hội đồng cổ đông Công ty vào tháng 3/2010. Với hơn 30 năm kinh nghiệm đảm nhiệm các chức vụ quan trọng tại Tập đoàn Bảo Việt và nhiều năm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn, Bà Lâm đã có những đóng góp to lớn trong việc thành lập, xây dựng Công ty lớn mạnh, tạo dựng mối quan hệ bền vững giữa BVSC với các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Bảo Việt cũng như với các cơ quan ban ngành và các tổ chức tài chính lớn trong và ngoài nước.

Tại phiên họp thường niên ngày 26/4/2013, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua đơn từ nhiệm của Bà để nghỉ hưu theo chế độ.



**Ông LÊ HẢI PHONG**

Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Lê Hải Phong hiện đang là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị BVSC. Với hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, Ông đã và đang đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng như Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc Tài chính Tập đoàn Bảo Việt, Chủ tịch HĐQT công ty TNHH Bảo Việt Âu Lạc, Kiểm soát viên trưởng Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt và là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần vận tải biển Hải Âu. Đồng thời Ông cũng là Thành viên ban đại diện Quỹ đầu tư chứng khoán Bảo Việt. Tại BVSC, với tư cách là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ông Lê Hải Phong đã đưa ra những định hướng chiến lược quan trọng trong tổ chức và hoạt động của Công ty.



**Ông LÊ VĂN BÌNH**

Thành viên HĐQT

Ông Lê Văn Bình là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, kiểm toán. Ông có nhiều năm giữ chức vụ Kế toán trưởng Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam, nay là Tập đoàn Bảo Việt. Hiện nay Ông đang giữ cương vị Giám đốc kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt và Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt.



**Ông TRƯƠNG NGỌC LÂN**

Thành viên HĐQT  
(Từ ngày 26/4/2013 đến hết nhiệm kỳ)

Ông Trương Ngọc Lân là cử nhân Tài chính doanh nghiệp Đại học Tài chính kế toán, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Chương trình đạo tạo liên kết giữa Pacific Western University, USA và Đại học Quốc Gia Hà Nội. Ông Lân hiện đang giữ chức vụ Trưởng ban Đầu tư Dự án của Tập đoàn Bảo Việt. Ngoài ra, Ông Lân hiện là thành viên Hội đồng Quản trị tại Công ty cổ phần tập đoàn CMC, Công ty cổ phần công viên nước Hồ Tây, Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long Việt và Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco). Ông Lân được bầu là thành viên Hội đồng Quản trị BVSC tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/4/2013.



**Ông CHARLES BERNARD GREGORY**

Thành viên HĐQT  
(Từ 3/4/2010 đến 26/4/2013)

Ông Charles Bernard Gregory tốt nghiệp Đại học Manchester – Vương Quốc Anh, chuyên ngành Tài chính. Ông đã trải qua cương vị Lãnh đạo của HSBC tại các quốc gia như Armenia và Ireland. Hiện nay ông đang giữ chức vụ Trưởng HSBC Insurance Vietnam. Với kinh nghiệm làm việc tại HSBC – một định chế tài chính toàn cầu, Ông đã có nhiều đóng góp cho BVSC trong việc quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, quản trị chiến lược....

Ngày 26/4/2013, Đại hội cổ đông đã thông qua đơn từ nhiệm của Ông để chuyển công tác khác.



**Ông NHỮ ĐÌNH HÒA**

Thành viên HĐQT kiêm  
Tổng Giám đốc

Ông Nhữ Đình Hòa là một trong những người đầu tiên đặt nền móng xây dựng và thành lập Công ty từ năm 1999. Với bề dày trên 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm và chứng khoán, Ông Nhữ Đình Hòa từng giữ các vị trí chủ chốt tại BVSC như Trưởng phòng Giao dịch, Trưởng phòng Tư vấn, Phó Tổng Giám đốc và Tổng Giám đốc Công ty. Ông Hòa tốt nghiệp chương trình Thạc sỹ Kế toán, Đại học Tổng hợp Hawaii, Hoa Kỳ.

# BAN ĐIỀU HÀNH



**Ông NHỮ ĐÌNH HÒA**

Thành viên HĐQT kiêm  
Tổng Giám đốc

Vui lòng tham khảo thông tin về Hội đồng  
Quản trị



**Ông VÕ HỮU TUẤN**

Phó Tổng Giám đốc  
Kiêm Giám đốc Chi nhánh TP HCM

Ông Võ Hữu Tuấn gia nhập BVSC từ năm 2000 sau khi tốt nghiệp Đại học Sydney (UTS), Australia chuyên ngành Tài chính ngân hàng. Với hơn 10 năm gắn bó với BVSC và trải qua các vị trí Trưởng phòng Giao dịch, Phó Giám đốc và Giám đốc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, ông Tuấn đã có nhiều đóng góp trong việc nâng cao thị phần giao dịch, mở rộng quan hệ khách hàng và phát triển mạng hợp tác quốc tế của BVSC. Hiện nay, với cương vị Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh, Ông đã và đang trực tiếp chỉ đạo việc thực hiện nhiều dự án quan trọng với các đối tác lớn trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, ông Tuấn còn là Thành viên HĐQT Công ty CP Dược phẩm IMEXFARM và công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận (KSA). Ông đã hoàn thành học vị Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng của trường Đại học Applied Sciences, Northwestern, Thụy Sĩ.



**Bà NGUYỄN THỊ THANH THỦY**

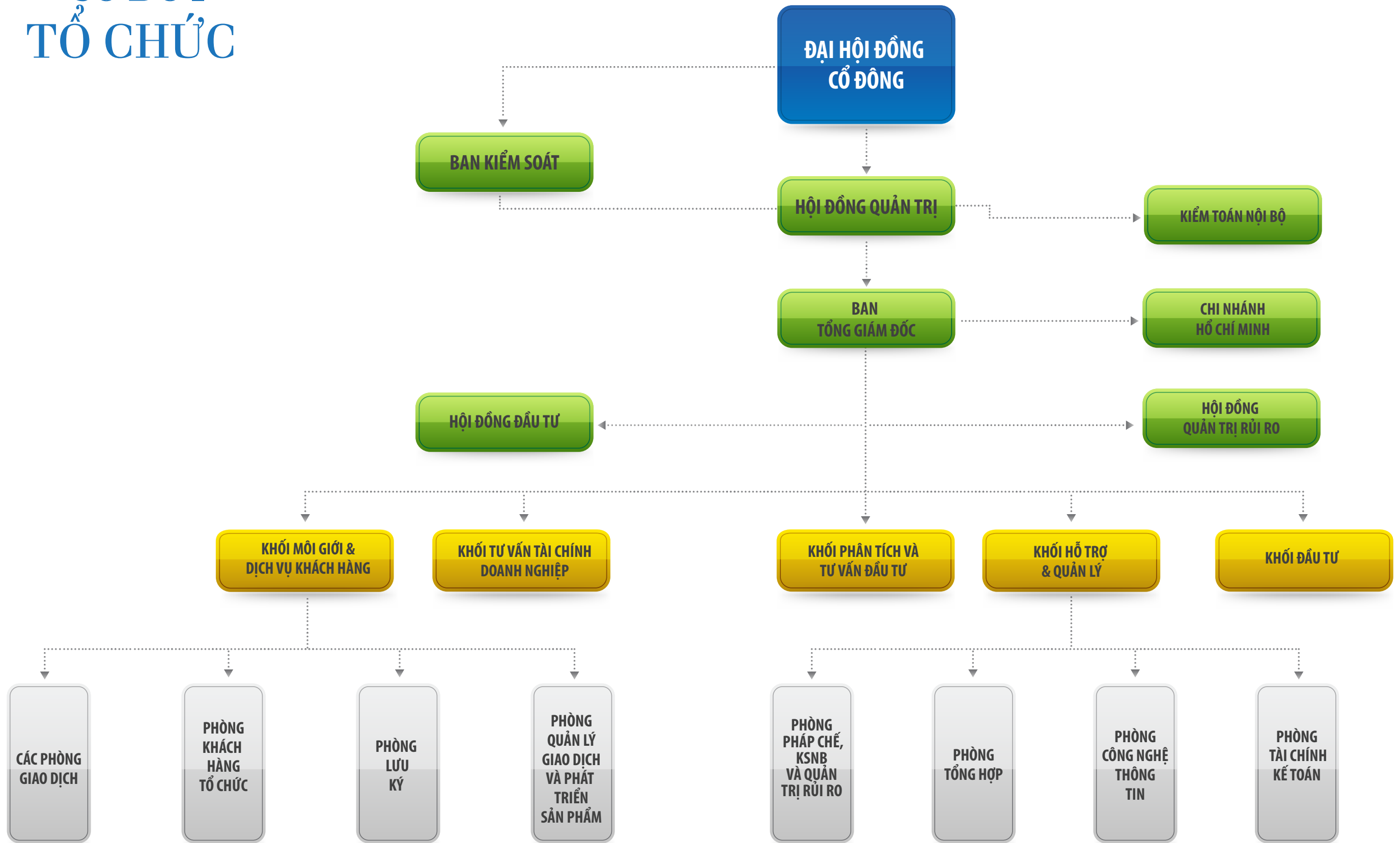
Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy là Thạc sỹ Kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng, gia nhập BVSC từ tháng 5/2000 và là một trong những lớp cán bộ đầu tiên đặt nền móng xây dựng Công ty. Với bề dày hơn 10 năm gắn bó và phát triển cùng BVSC, bà đã đảm nhận vị trí quản lý nhiều mảng kinh doanh quan trọng của Công ty như: Trưởng phòng Giao Dịch và Trưởng phòng Tư Vấn. Cùng với kinh nghiệm sâu sắc về lĩnh vực chứng khoán, bà đã có nhiều đóng góp cho việc nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng quan hệ khách hàng của BVSC trong hoạt động môi giới cũng như trực tiếp tham gia và chỉ đạo thực hiện thành công nhiều thương vụ mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A), tư vấn tài chính phát hành và niêm yết cho các Doanh nghiệp lớn tại Việt Nam.

## Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban Điều hành:

- Ông Nhữ Đình Hòa: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty - nắm giữ 0,15% Vốn Điều lệ.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy: Phó Tổng Giám đốc Công ty - nắm giữ 0,006% Vốn Điều lệ.
- Ông Võ Hữu Tuấn: Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh - nắm giữ 0,023% Vốn Điều lệ.

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Là một đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt, BVSC xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với lộ trình tăng trưởng bền vững của Tập đoàn. Kế hoạch chiến lược của BVSC hướng tới tầm nhìn mục tiêu giữ vững vị trí là công ty chứng khoán hàng đầu trên TTCK Việt Nam và bước đầu xây dựng thương hiệu trên thị trường quốc tế trên cơ sở cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, tạo sự hài lòng nhất cho cổ đông và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả cho người lao động.

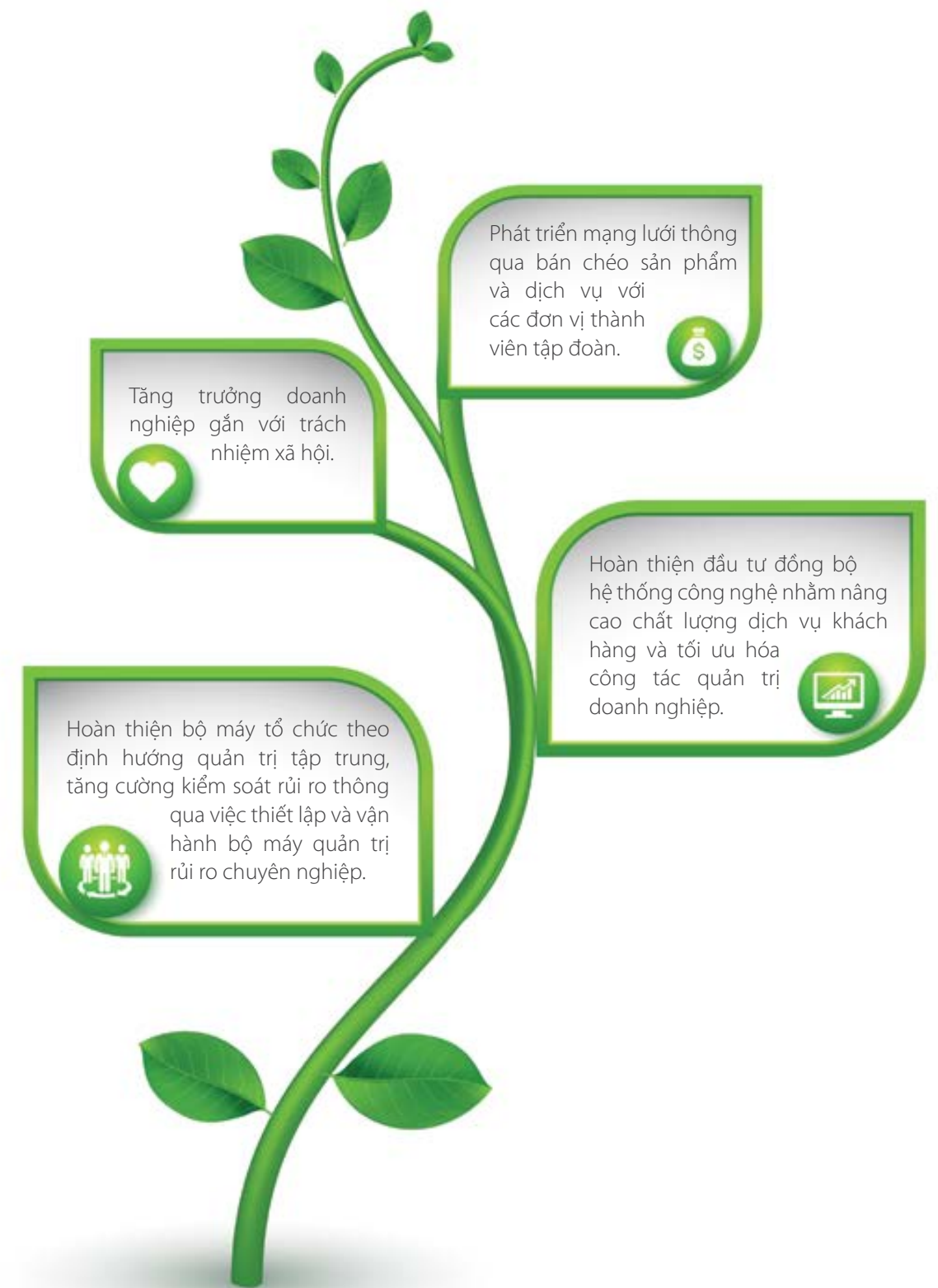
Với tầm nhìn này, định hướng chiến lược của BVSC sẽ tập trung phát triển thành công ty chứng khoán cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính đa dạng, trong

đó trọng tâm vào các mảng hoạt động công ty có lợi thế cạnh tranh bao gồm dịch vụ môi giới và ngân hàng đầu tư. Định hướng này được BVSC hoạch định dựa trên những lợi thế cạnh tranh cốt lõi của BVSC là một thương hiệu chứng khoán uy tín với đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường và có một mạng lưới quan hệ khách hàng rộng lớn. Bên cạnh đó, là một đơn vị thành viên của Tập đoàn tài chính bảo hiểm Bảo Việt, BVSC không chỉ được kế thừa những lợi thế về thương hiệu của Công ty mẹ mà còn có cơ hội phát triển kinh doanh thông qua việc liên kết khai thác khả năng bán chéo sản phẩm dịch vụ với các đơn vị thành viên trong tập đoàn.

**Định hướng phát triển của BVSC hoạch định dựa trên những lợi thế cạnh tranh cốt lõi của BVSC là một thương hiệu chứng khoán uy tín với đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường và có một mạng lưới quan hệ khách hàng rộng lớn.**



## ĐỊNH HƯỚNG TỚI NĂM 2015



# CÁC RỦI RO

**Nhận thức rõ được tầm quan trọng của công tác Quản trị rủi ro đối với hoạt động của Công ty, đặc biệt là trong bối cảnh thị trường chứng khoán luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro, BVSC đã và đang hoàn thiện công tác Quản trị rủi ro một cách toàn diện và có hệ thống nhằm nhận diện, đo lường, kiểm soát, giám sát và giảm thiểu đến mức thấp nhất những thiệt hại, tổn thất, những ảnh hưởng bất lợi của rủi ro.**

Có 6 rủi ro chính được nhận diện và quản trị bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro danh tiếng và rủi ro pháp lý.

## • RỦI RO TÍN DỤNG

Đây là rủi ro được nhận diện có nguyên nhân gây ra những tổn thất/thiệt hại nếu đối tác của BVSC không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, chi trả hoặc thực hiện những nghĩa vụ này chậm so với thời gian đã quy định. Tại BVSC, rủi ro tín dụng có khả năng gây ảnh hưởng tới các hoạt động: đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, đầu tư trái phiếu và hoạt động giao dịch ký quỹ.

Để phòng ngừa, đối với hoạt động tiền gửi có kỳ hạn, BVSC tuân thủ nguyên tắc hạn mức tín dụng gửi tiền theo chính sách và hạn mức Tập đoàn Bảo Việt. Ngoài ra, BVSC chỉ thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng được xếp hạng tín dụng tốt.

Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu bao gồm cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp, BVSC thực hiện quản trị rủi ro trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư do Hội đồng Quản trị quy định. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau khi thực hiện đánh giá cẩn trọng và kỹ lưỡng về mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, ngoài đánh giá về khả năng và tín nhiệm về tài chính, trái phiếu doanh nghiệp được đảm bảo bằng tài sản bảo đảm

và công ty đã có chính sách cụ thể về việc xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp phải đối diện với rủi ro thanh toán của Tổ chức phát hành (trái chủ).

Đối với hoạt động giao dịch ký quỹ, Công ty tiếp tục duy trì các chính sách quản trị đã được chứng minh là hiệu quả sau một thời gian dài áp dụng. Đó là:

- » Đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để cấp hạn mức ký quỹ phù hợp với khả năng tài chính, tài sản ký quỹ của khách hàng.
- » Lựa chọn Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ tuân thủ Quyết định 637/2011/QĐ-UBCK ngày 30/08/2011 của UBCKNN về Giao dịch ký quỹ và danh sách các cổ phiếu được giao dịch ký quỹ theo thông báo của UBCKNN và các Sở Giao dịch chứng khoán.
- » Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn và tuân thủ công tác bổ sung ký quỹ.
- » Bộ phận theo dõi tài khoản ký quỹ tách biệt với bộ phận kinh doanh. Tỷ lệ ký quỹ được kiểm tra và xử lý hàng ngày.

## • RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi BVSC không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với mức giá hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trên thị trường hay thiếu tài sản để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán, chi trả cho khách hàng.

Với BVSC thì đây là rủi ro được đánh giá ở mức độ rất thấp do Công ty thực hiện việc quản lý tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư. Nếu tiêu chí An toàn tài chính là một phong vũ biểu cho khả năng thanh khoản của Công ty chứng khoán thì tại BVSC trong suốt năm 2013, tỷ lệ này luôn ở mức 450% - 550%, gấp 2 đến 3 lần tỷ lệ quy định của Bộ Tài chính là 180%.

## • RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản hay trách nhiệm của BVSC theo chiều hướng bất lợi. Rủi ro thị trường xuất phát từ những khoản đầu tư mà lợi nhuận từ khoản đầu tư đó không được như kỳ vọng ban đầu do những biến động của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro liên quan đến biến động về giá cổ phiếu, lãi suất tiền gửi.

### » Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty thông qua việc trích lập dự phòng danh mục đầu tư cổ phiếu. Bên cạnh tuân thủ chặt chẽ theo hạn mức đầu tư thì Công ty còn chú trọng vào phân tích các yếu tố cơ bản và kỹ thuật khác khi lựa chọn cổ phiếu đầu tư.

Công cụ đánh giá rủi ro mà BVSC sử dụng là phân tích kịch bản (scenario analysis). Bằng việc đưa ra các kịch bản điều kiện thị trường khác nhau, danh mục đầu tư cổ phiếu được đánh giá, lượng hóa những mức độ của rủi ro thị trường cũng như sự tác động của những rủi ro này tới kết quả kinh doanh của công ty một cách chủ động định kỳ.

### » Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động đầu tư tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư trái phiếu của BVSC. Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức thấp do trái phiếu của Công ty được nắm giữ tới khi đáo hạn. Với đầu tư tiền gửi, để nhằm giảm tác động của biến động lãi suất lên danh mục tiền gửi thì trong năm 2013 Công ty đã chủ động cơ cấu lại thời hạn tiền gửi cho các khoản đầu tư này. Kết quả là năm 2013, công ty không gặp phải sự kiện rủi ro lãi suất nào có ảnh hưởng tới kế hoạch cũng như kết quả đầu tư.



**Với BVSC rủi ro thanh khoản là rủi ro được đánh giá ở mức độ rất thấp do Công ty thực hiện việc quản lý tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư.**

• RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động là rủi ro gây ra tổn thất có nguyên nhân từ quy trình, hệ thống hay nhân viên trong nội bộ Công ty vận hành không đúng, cố tình làm sai hoặc do các nguyên nhân khách quan từ bên ngoài đem lại.

Tại BVSC, rủi ro hoạt động được đánh giá ở mức độ thấp và được quản trị theo 4 loại rủi ro bao gồm rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính; rủi ro con người; rủi ro quy trình/thủ tục và rủi ro hệ thống công nghệ.

» Rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính

Đây là rủi ro phát sinh từ lập báo cáo tài chính sai và chậm trễ trong việc gửi báo cáo tới Ban Lãnh đạo công ty, cơ quan quản lý Nhà nước hay công bố thông tin ra bên ngoài... Là một công ty đại chúng, BVSC có ý thức trách nhiệm và hành động để các báo cáo tài chính luôn được công bố kịp thời, đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong thông tin cung cấp.

Ngoài việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập là một trong 4 công ty kiểm toán lớn, uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Công ty còn đưa ra quy định về thời gian lập báo cáo, tổ chức hậu kiểm báo cáo thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ đảm bảo tính tuân thủ với các quy định pháp luật, quy chế nội bộ cũng như các chế độ tài chính - kế toán tại BVSC. Công ty đã áp dụng

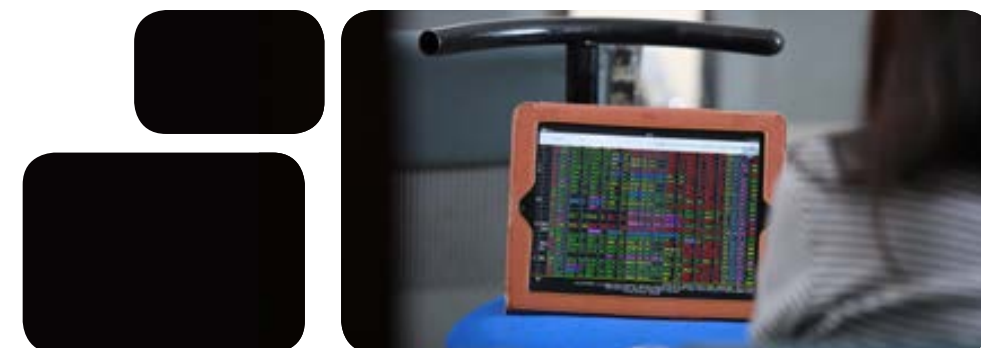
công nghệ thông tin, sử dụng và phát huy hiệu quả hệ thống phần mềm lõi chứng khoán (FLEX); phần mềm kế toán để lập các báo cáo, hạn chế sai sót thủ công và đảm bảo tính kịp thời.

» Rủi ro con người

Rủi ro này tại BVSC được đánh giá là ở mức thấp do Công ty đã có một quá trình hoạt động lâu dài và xây dựng được một quy trình đồng bộ từ khâu tuyển chọn – đào tạo – huấn luyện và kiểm soát đánh giá công việc chặt chẽ. Bên cạnh đó, từ năm 2008 Công ty đã xây dựng và ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp tuân thủ theo chuẩn mực quy định tại Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp mẫu do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành. Do đó, cán bộ làm việc tại BVSC ngoài việc phải đáp ứng yêu cầu cao về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc thì việc tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp được ưu tiên hàng đầu.

» Rủi ro quy trình/ thủ tục

Rủi ro quy trình/ thủ tục là một trong những rủi ro mà công ty phải thường xuyên đối mặt trong quá trình hoạt động. Nhận diện rủi ro này nên khi bắt đầu triển khai bất kỳ một hoạt động mới nào, BVSC luôn ban hành quy trình hướng dẫn tác nghiệp, xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ và đào tạo nhân sự vận hành đúng theo quy trình để ra. Song song với hoạt động



của khối nghiệp vụ, bộ phận Kiểm soát nội bộ của công ty tổ chức các cuộc rà soát, kiểm tra tuân thủ định kỳ để đảm bảo tính đúng đắn, sự phù hợp và hiệu quả của quy trình với thực tiễn công việc, đồng thời phân tích khả năng xảy ra rủi ro từ đó có thể hoàn thiện quy trình tốt hơn, phù hợp với các quy định của Pháp luật và quy chế, chính sách của Công ty.

» Rủi ro hệ thống công nghệ

Rủi ro hệ thống công nghệ là một trong những rủi ro lớn mà các công ty chứng khoán nói chung đều phải đối diện. Tại BVSC, rủi ro này được đánh giá ở mức độ trung bình thấp bởi được quản trị qua những chính sách cụ thể như quy trình vận hành hệ thống và xử lý sự cố. Thêm vào đó, BVSC còn xây dựng hệ thống dự phòng, đảm bảo tính tiên lực và thông suốt 24h/7 ngày của hệ thống. Hệ thống máy chủ, cơ sở dữ liệu của BVSC được đặt tại trung tâm dữ liệu của Tập đoàn Bảo Việt, đạt chuẩn TIER2 của quốc tế. Ngoài ra, định kỳ công ty thực hiện đánh giá các sự kiện để phân tích, dự đoán các rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, từ đó có phương án quản trị rủi ro những tiềm ẩn đó.

Ở cấp độ là người sử dụng các phần mềm nghiệp vụ, công ty ban hành chính sách phân quyền chặt chẽ và phù hợp theo nhiệm vụ của từng phòng, cá nhân sử dụng với mục tiêu giảm thiểu các rủi ro gây nên bởi sai sót trong tác nghiệp hoặc vượt quyền sử dụng một cách vô tình hoặc cố ý.

• RỦI RO DANH TIẾNG

Rủi ro danh tiếng là rủi ro xảy ra khi Công ty gặp phải những tác động bên ngoài hoặc bên trong gây tổn hại đến hình ảnh, thương hiệu. Rủi ro danh tiếng được đánh giá ở mức độ thấp tại BVSC. Mặc dù vậy, Công ty luôn chủ động trong việc phòng ngừa rủi ro này

thông qua việc không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, hoàn thiện bộ máy tổ chức, môi trường làm việc chuyên nghiệp, xây dựng mối quan hệ tốt với khách hàng, cổ đông và đối tác. Công ty xây dựng chiến lược phát triển bền vững như một cách thức phòng ngừa những rủi ro tiềm ẩn cho danh tiếng của Công ty.

• RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý được nhận diện là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Rủi ro pháp lý tại BVSC được đánh giá ở mức độ trung bình thấp. BVSC triển khai công tác kiểm soát rủi ro pháp lý được thực hiện đồng bộ từ việc cơ cấu tổ chức khoa học, phân quyền và trách nhiệm rõ ràng từ vị trí từ lãnh đạo cấp cao tới các vị trí cấp trung và cấp nhân viên thực hiện. Công ty đã thành lập Phòng Pháp chế với nhân sự có bằng cấp luật sư thực hiện chức năng tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ.

Mọi quy trình hướng dẫn tác nghiệp nội bộ trong công ty hay các hợp đồng/thỏa thuận với khách hàng, đối tác đều được Phòng Pháp chế xem xét để đảm bảo tính tuân thủ pháp luật hiện hành nhằm giảm thiểu rủi ro pháp lý khi thực hiện. Ngoài ra, Phòng Pháp chế còn thực hiện công tác cập nhật văn bản pháp luật thường xuyên với mục đích đảm bảo kiến thức pháp luật được truyền tải tới từng thành viên trong công ty, từ đó mọi thành viên có nhận thức và ý thức hơn về tuân thủ pháp luật trong các hoạt động thường ngày.



# CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Chứng nhận Công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam



"Công ty tư vấn tốt nhất Việt Nam" do Finance Asia bình chọn năm 2008



TOP 6 công ty chứng khoán tiêu biểu 2013



TOP 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch trên HNX 2013



Giải thưởng "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009 - 2013"



Thương hiệu Chứng khoán uy tín 2008, 2009 & 2010



TOP 50 Nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam



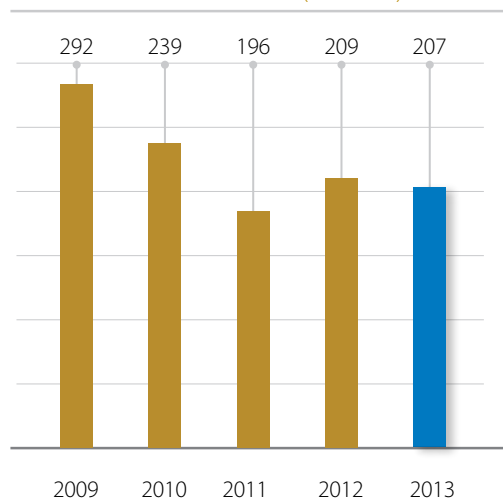
Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam 2013



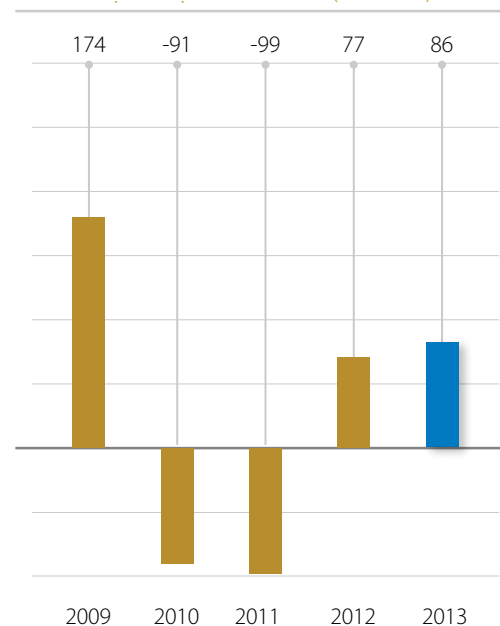
# CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	2009 (VNĐ)	2010 (trình bày lại theo KTNV) (VNĐ)	2011 (VNĐ)	2012 (VNĐ)	2013 (VNĐ)
1	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>292,205,149,076</b>	<b>239,381,117,430</b>	<b>195,797,647,103</b>	<b>208,669,756,466</b>	<b>207,350,609,633</b>
2	<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>174,469,401,318</b>	<b>(90,793,412,328)</b>	<b>(99,660,426,027)</b>	<b>77,318,185,142</b>	<b>85,817,719,866</b>
3	<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN</b>	<b>174,469,401,318</b>	<b>(90,793,412,328)</b>	<b>(99,660,426,027)</b>	<b>77,318,185,142</b>	<b>85,817,719,866</b>
4	<b>Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3,677</b>	<b>(1,259)</b>	<b>(1,382)</b>	<b>1,071</b>	<b>1,188</b>
5	Tổng tài sản	1,775,995,309,131	1,619,586,695,066	1,357,844,816,582	1,534,858,360,507	1,792,694,852,348
6	Vốn điều lệ	722,339,370,000	722,339,370,000	722,339,370,000	722,339,370,000	722,339,370,000
7	Vốn chủ sở hữu	1,238,843,354,287	1,147,973,441,959	1,048,313,015,932	1,125,631,201,074	1,212,053,905,365
8	Tỷ lệ vốn khả dụng			373%	453%	553%
9	ROE	14%	-8%	-10%	7%	7%
10	ROA	10%	-6%	-7%	5%	5%
11	Hệ số thanh toán hiện hành (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	2.36	2.34	3.22	3.04	2.83
12	Hệ số thanh toán tức thời (Tiền & các khoản tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn)	0.89	0.62	1.74	1.46	0.92

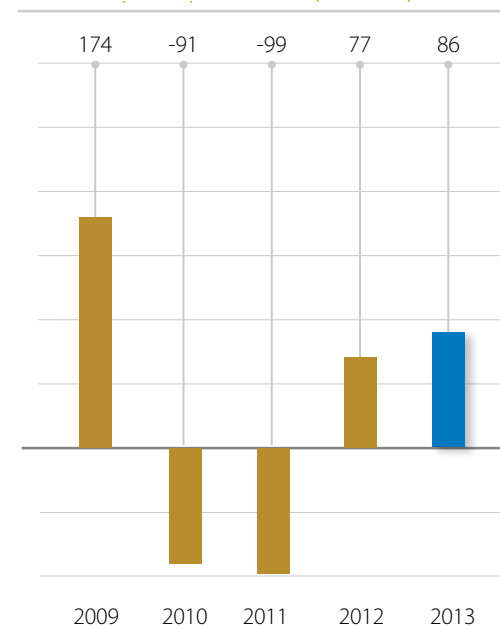
TỔNG DOANH THU (TỶ ĐỒNG)



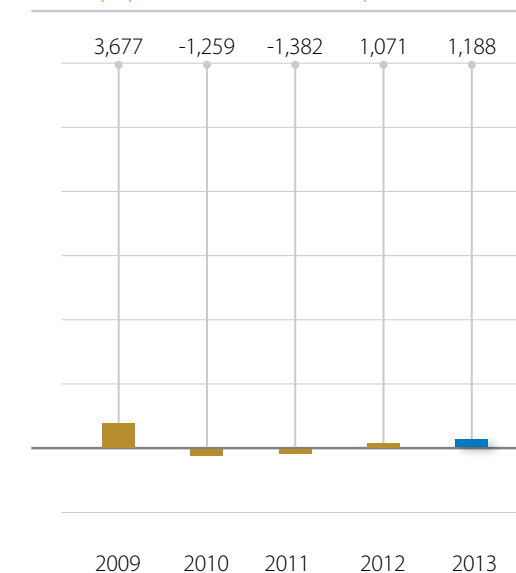
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ ĐỒNG)



LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TỶ ĐỒNG)



LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (ĐỒNG/CỔ PHIẾU)



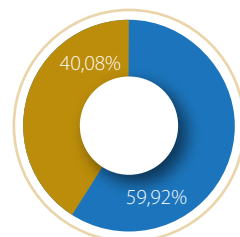
# THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

## CỔ PHẦN

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 07/03/2014)

Tổng số cổ phiếu phát hành:	72.233.937 cổ phần
Cổ phiếu quỹ:	15.200 cổ phần
Cổ phiếu đang lưu hành:	72.218.737 cổ phần, trong đó:
• Cổ phiếu phổ thông:	72.218.737 cổ phần
• Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phần

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ nắm giữ



■ Tập đoàn Bảo Việt  
■ Cổ đông khác

## THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2013: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2013: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO ĐỊA LÝ**  
(theo danh sách cổ đông chốt ngày 7/3/2014)

Cổ đông	Tỷ lệ (%)
Trong nước	97,27
Cá nhân	36,21
Tổ chức	61,06
Nước ngoài	2,73
Cá nhân	2,18
Tổ chức	0,56
Tổng cộng	100,00



**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG NHỎ**  
(theo danh sách cổ đông chốt ngày 7/3/2014)

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Cổ đông nắm giữ dưới 1%	5.439	27.852.644	38,56
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5%	1	1.100.100	1,52
Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên	1	43.281.193	59,92
Tổng cộng	5.441	72.233.937	100,00



## Năm 2013, BVSC là 1 trong 30 doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất trên sàn HNX.

### ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG NĂM 2013

Sau khi hình thành bộ phận Quan hệ cổ đông chuyên trách, BVSC đã chú trọng sâu hơn trong công tác quan hệ cổ đông. Ngoài việc đảm bảo tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật và theo yêu cầu của các Cơ quan quản lý thị trường, BVSC luôn chủ động trong việc cung cấp thông tin công khai và minh bạch tới các cổ đông về kết quả kinh doanh định kỳ hàng quý, bán niên và thường niên cũng như công bố thông tin bất thường có liên quan đến hoạt động của công ty qua chuyên mục Quan hệ cổ đông riêng biệt trên website mới của công ty và qua các kênh truyền thông báo chí. Đặc biệt, bộ phận quan hệ cổ đông của Công

ty trực tiếp tiếp nhận thông tin và phản hồi tới từng cổ đông liên hệ trực tiếp tới Công ty. Với những nỗ lực này, Cổ đông và các Cơ quan quản lý thị trường đã ghi nhận và vinh danh BVSC là **1 trong 30 doanh nghiệp niêm yết minh bạch trên sàn HNX.**

### ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG NĂM 2014

Trong năm 2014, BVSC đặt mục tiêu nâng cao hơn nữa chất lượng công bố thông tin tới cổ đông thông qua việc vận hành tốt hơn nữa chuyên mục Quan hệ cổ đông trên website Công ty nhằm tạo ra cầu nối thông tin tương tác hai chiều tới cổ đông và các nhà đầu tư tiềm năng nhanh và hiệu quả hơn. Cổ đông BVSC có thể chủ động cập nhật thông tin về hoạt

động kinh doanh của Công ty hiện tại và quá khứ, biến động giá cổ phiếu theo từng chu kỳ, phân tích các chỉ số hoạt động...thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung và đồng nhất trên website.

### BỘ PHẬN QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

- Địa chỉ: Trụ sở chính Công ty, số 8, Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4)3.928 8080 (máy lẻ: 649)
- Email: info-bvsc@baoviet.com.vn
- Website: [www.bvsc.com.vn](http://www.bvsc.com.vn)



# Ươm mầm XANH MỚI hướng tới **TƯƠNG LAI**

---

## **BÁO CÁO 2013 VÀ KẾ HOẠCH 2014**

<b>Báo cáo của Tổng Giám đốc</b>	<b>40</b>
Tổng quan nền Kinh tế 2013	40
Diễn biến Thị trường chứng khoán Việt Nam	41
Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2013	42
Phân tích tình hình tài chính	50
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	53
Mục tiêu và cam kết hành động 2014	54
<b>Báo cáo của Hội đồng Quản trị</b>	<b>60</b>
Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	60
Đánh giá của HĐQT về Ban Tổng Giám đốc	61
Kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị trong năm 2014	63

# CON SỐ VÀ SỰ KIỆN 2013

## DOANH THU

**207,4 tỷ đồng**

↑ **12,7%**  
so với kế hoạch



## LỢI NHUẬN

**85,8 tỷ đồng**

↑ **10,7%**  
so với kế hoạch



Chủ tịch UBCKNN trao bằng khen về thành tích xuất sắc trong hoạt động của thị trường trái phiếu thứ cấp. BVSC là đơn vị bảo lãnh chính và duy nhất thực hiện bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ năm 2013.



**19/08/2013**

Ra mắt dịch vụ BVS@Bloomberg với các tính năng vượt trội, kết nối toàn cầu



**TOP 30**

Là 01 trong 30 doanh nghiệp niêm yết minh bạch tại HNX 2013

**TOP 30**

Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2013



Là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất Việt Nam 2009 - 2013"

**THÀNH VIÊN TIÊU BIỂU**

Là 01 trong 6 Thành viên tiêu biểu HNX 2013



**19/05/2013**

Ra mắt website mới



**TOP 50**

01 trong 50 Nhân hiệu nổi tiếng Việt Nam 2013

# BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

## TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ

**Tăng trưởng GDP năm 2013 đạt 5,42%**, thấp hơn mục tiêu tăng 5,5% đề ra nhưng cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và có xu hướng cải thiện qua từng quý;

**Lạm phát năm 2013 tăng thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây.** Tính đến cuối tháng 12/2013, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 6,04% so với cùng kỳ năm trước. Đây là năm có mức tăng thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Trong năm 2013, lạm phát của Việt Nam chịu ảnh hưởng khá lớn từ các quyết định tăng giá các mặt hàng thiết yếu do Nhà nước quản lý, điển hình là hai nhóm hàng y tế và giáo dục.

**Tỷ giá biến động không quá 2% trong năm 2013.** Đúng như cam kết về định hướng điều hành tỷ giá mà NHNN đưa ra hồi đầu năm 2013, diễn biến tỷ giá trong năm vừa qua khá bình ổn, ngoại trừ đợt tăng cao bất thường bắt đầu từ trung tuần tháng 6. Vào cuối tháng 12/2013, tỷ giá USD/VND chỉ tăng khoảng 1,2% so với thời điểm đầu năm.

**Mặt bằng lãi suất trong xu hướng giảm.** Trong năm 2013, NHNN đã hai lần có quyết định cắt giảm trần lãi suất huy động. Lần thứ nhất diễn ra vào ngày 26/03 và lần thứ hai là ngày 27/06, theo đó biểu lãi suất huy động của các ngân hàng cũng đã liên tục được điều chỉnh giảm trong quý II, ổn định trong quý III và chỉ nhích nhẹ vào thời điểm cuối quý IV do nhu cầu đảm bảo thanh khoản. Song song mặt bằng lãi suất cho vay trong năm 2013 đã giảm đáng kể so với năm 2012 (khoảng 2 - 4%).

**Trong năm 2013, lạm phát được kiểm soát, mặt bằng lãi suất từng bước được điều chỉnh giảm đáng kể, tỷ giá ổn định đã tạo điều kiện thuận lợi cho thị trường chứng khoán tăng trưởng cả về điểm số và thanh khoản.**

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Trong năm 2013, lạm phát được kiểm soát, mặt bằng lãi suất từng bước được điều chỉnh giảm đáng kể, tỷ giá ổn định đã tạo điều kiện thuận lợi cho thị trường chứng khoán tăng trưởng cả về điểm số và thanh khoản. Xu hướng đi lên của thị trường xuất phát từ kết quả kinh doanh ổn định của nhóm cổ phiếu blue chips và kỳ vọng của nhà đầu tư vào các chính sách vĩ mô mới. Thêm vào đó, cùng với sự hỗ trợ tích cực của kinh tế vĩ mô và các giải pháp của Bộ Tài chính, UBCK triển khai nhằm hỗ trợ thị trường như: kéo dài thời gian giao dịch, triển khai các chỉ số mới, đề xuất các giải pháp gia tăng năng lực thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài cho TTCK... đã tác động tích cực đến sự phát triển của TTCK trong năm 2013; một số nét chính ghi nhận sự thay đổi của thị trường trong năm qua gồm:

- VNINDEX và HNXINDEX tăng lần lượt là 20,6% và 13,5% so với năm 2012 và nằm trong nhóm các chỉ số tăng trưởng mạnh so với các thị trường khác trong khu vực.
- Thanh khoản thị trường tăng nhẹ (khoảng 3%) nhưng chưa đồng đều giữa các nhóm cổ phiếu. Dù chưa đạt mức thanh khoản như năm 2009, 2010 tuy nhiên giá trị giao dịch/phiên hai sàn năm 2013 cũng tiếp tục duy trì xu thế tăng nhẹ so với năm 2011 và 2012.
- Nhà đầu tư nước ngoài đẩy mạnh giao dịch. Giá trị mua ròng của khối ngoại trong năm 2013 đạt giá trị 5.510 tỷ trên HSX, với giá trị mua chiếm 17% trên tổng giá trị giao dịch toàn thị trường. Do động thái mua vào chủ yếu thực hiện thông qua hình thức khớp lệnh, và tập trung ở các mã vốn hoá lớn nên dòng vốn ngoại đã tạo được sức lan toả lớn đến những cổ phiếu còn lại, thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư trong nước tới thị trường.
- Các blue chips tăng điểm giúp giá trị vốn hóa hai sàn tăng mạnh. Tính đến 31/12/2013, giá trị vốn hóa hai sàn đạt khoảng 45 tỷ USD, tăng 23% so với thời điểm cuối năm 2012 và đạt trên 30% GDP. Khác với những năm trước, khi vốn hóa tăng dựa vào việc có nhiều doanh nghiệp được niêm yết mới hay phát hành thêm cổ phiếu, trong năm 2013 vốn hóa tăng dựa chủ yếu vào mức tăng vốn hóa của các blue chips cùng đà hồi phục của giá cổ phiếu.

TĂNG TRƯỞNG GDP  
**5,42%**

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI)  
**6,04%**

NĂM 2013 VNINDEX TĂNG  
**20,6%**



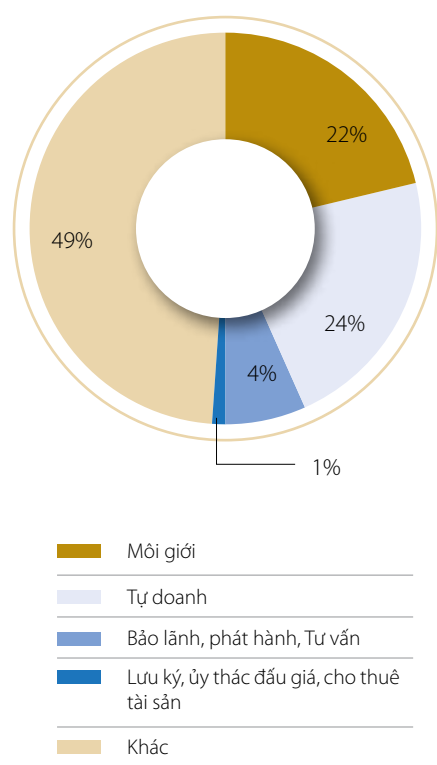
**BVSC không có lợi thế về qui mô vốn nhưng vẫn là một trong những công ty có hệ số sinh lời trên cổ phiếu ở mức cao trong bối cảnh thị trường chứng khoán năm 2012 và 2013 có nhiều rủi ro và tổn thất.**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA BVSC TRONG NĂM 2013**

- Cơ hội: TTCK 2013 sôi động hơn mở ra cơ hội tăng trưởng doanh thu cho các CTCK nói chung và BVSC nói riêng. Đặc biệt, với một CTCK uy tín và có bề dày kinh nghiệm, hoạt động ổn định với mạng lưới khách hàng rộng lớn như BVSC điều kiện thị trường thuận lợi là cơ hội tốt để Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh.
- Thách thức: Năm 2013 lãi suất thị trường bị điều chỉnh mạnh làm ảnh hưởng không nhỏ tới doanh thu lãi tiền gửi, doanh thu trên vốn của Công ty. Bên cạnh đó, làn sóng doanh nghiệp hủy niêm yết là nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động tư vấn doanh nghiệp. Mặt khác, mức độ cạnh tranh cao giữa các CTCK, đặc biệt các Công ty nhỏ vẫn sử dụng những biện pháp cạnh tranh thiếu lành mạnh nhằm thu hút khách hàng là những rào cản ảnh hưởng tới hoạt động môi giới, đặc biệt là đối với những công ty có tính tuân thủ cao như BVSC.

Trong bối cảnh trên, BVSC tiếp tục tập trung nguồn lực nhằm đẩy mạnh các mảng hoạt động môi giới, tư vấn, các dịch vụ đầu tư có lãi suất cố định. Bên cạnh đó, Công ty triển khai hoạt động đầu tư tự doanh theo hướng thận trọng, giảm dần tỷ trọng cổ phiếu trên danh mục thông qua việc thoái vốn một số khoản đầu tư kém hiệu quả, tăng tỷ trọng tiền mặt và các khoản đầu tư lãi suất cố định nhằm giảm thiểu tối đa những rủi ro thị trường. Việc cơ cấu lại danh mục đầu tư hiệu quả giúp Công ty nâng cao năng lực tài chính, tập trung nguồn vốn để phát triển các hoạt động dịch vụ.

Cơ cấu doanh thu các nghiệp vụ



**LỢI NHUẬN VƯỢT KẾ HOẠCH VÀ TĂNG TRƯỞNG SO VỚI 2012**

Lợi nhuận năm 2013 đạt 85,8 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 11% so với kế hoạch và so với năm 2012. Lợi nhuận tăng do Công ty đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh và thực hiện kiểm soát tốt chi phí, cụ thể:

- » Doanh thu năm 2013 đạt 207,4 tỷ đồng, tăng 12,7% so với kế hoạch và chủ yếu tập trung ở các nghiệp vụ môi giới, tự doanh, doanh thu từ lãi tiền gửi và các dịch vụ tiện ích cho khách hàng.

» Chi phí kinh doanh trực tiếp năm 2013 giảm 18 tỷ so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do Công ty hoàn nhập khoản dự phòng chứng khoán tự doanh.

» Chi phí quản lý hầu như không tăng so với cùng kỳ năm trước do Công ty đưa ra nhiều biện pháp kiểm soát chi phí hoạt động hiệu quả, chi phí quản lý tăng chủ yếu là do phần quỹ lương được duyệt bổ sung nhờ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC CÔNG TY TRONG CÙNG NGÀNH**

Chỉ tiêu	BSC	BVS	CTS	FPTS	HSC	KLS	PSI	SHS	VCBS	VND
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	1.542	1.793	1.082	1.796	3.128	2.591	927	1.923	1.870	1.944
Vốn chủ sở hữu (tỷ VNĐ)	692	1.212	900	1.169	2.247	2.481	594	786	936	1.197
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	865	722	790	733	1.273	2.025	598	1.000	700	1.000
Doanh thu (tỷ VNĐ)	219	207	148	181	635	168	151	135	245	263
LNST (tỷ VNĐ)	15	86	65	89	282	138	3	12	71	124
EPS (VNĐ)	175	1.188	840	1.213	2.241	683	45	116	1.013	1.244
ROA	1,0%	4,8%	6,0%	5,0%	9,0%	5,3%	0,3%	0,6%	4,5%	6,4%
ROE	2,2%	7,1%	7,2%	7,6%	12,6%	5,6%	0,5%	1,5%	7,8%	10,4%
LNST/DT	7%	41%	44%	49%	44%	83%	2%	9%	29%	47%
DT/TTS	14%	12%	14%	10%	20%	6%	16%	7%	13%	14%

Nguồn số liệu: HNX, HSX

Như vậy có thể thấy BVSC không có lợi thế về qui mô vốn nhưng vẫn là một trong những công ty có hệ số sinh lời trên cổ phiếu ở mức cao trong bối cảnh thị trường chứng khoán năm 2012 và 2013 có nhiều rủi ro và tổn thất.

Đặc biệt trong bối cảnh trên 50% số CTCK trên thị trường kinh doanh thua lỗ, nhiều công ty bị rút giấy phép hoạt động hoặc trong tình trạng giải thể thì kết quả kinh doanh trên là một nỗ lực rất đáng ghi nhận.



DOANH THU  
**207,4**

— TỶ ĐỒNG —

TĂNG 12,7% SO VỚI KẾ HOẠCH

LỢI NHUẬN  
**85,8**

— TỶ ĐỒNG —

TĂNG 10,7% SO VỚI KẾ HOẠCH

## ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

### MÔI GIỚI



Đứng vị trí thứ nhất trong TOP 10 tại HSX về thị phần môi giới Trái phiếu

**BVSC ĐẠT 46,25%**



Đứng vị trí thứ tư trong TOP 10 tại HNX về thị phần môi giới Trái phiếu

**BVSC ĐẠT 11,45%**



Đứng vị trí thứ bảy trong TOP 10 tại HNX về thị phần môi giới Cổ phiếu

**BVSC ĐẠT 3,93%**

TTCK Việt Nam năm 2013 đã có những diễn biến khả quan và là tiền đề để Công ty đẩy mạnh hoạt động môi giới. Năm 2013, kết quả hoạt động môi giới đạt được là 44,7 tỷ đồng, đạt khoảng 88% so với kế hoạch; thị phần môi giới đạt khoảng trên 3%; có giảm nhẹ so với năm 2012 nhưng vẫn giữ vị trí xếp hạng thứ 7 tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và vẫn nằm trong nhóm đầu trên thị trường giao dịch trái phiếu Chính phủ. Có thể nói doanh thu không đạt được như kế hoạch đề ra là do thị trường bị cạnh tranh mạnh và công ty đã phải giảm phí giao dịch cũng như tăng chi trả cho môi giới. Trong năm 2013, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, cụ thể:

- Về dịch vụ tiện ích giao dịch:
  - » Nâng cấp hệ thống giao dịch trực tuyến với tốc độ xử lý nhanh, nhiều tính năng ưu việt và dễ sử dụng.
  - » BVSC đã chính thức ra mắt hệ thống giao dịch BVS@Bloomberg cho phép kết nối trực tiếp đến mạng Bloomberg thông qua giao thức FIX (Financial Information Exchange) – giao thức điện tử tiêu chuẩn quốc tế trong việc đặt lệnh và lưu thông thông tin trước, trong và sau quá trình giao dịch
- Về chính sách phí giao dịch: Chính sách phí của BVSC cạnh tranh, đặc biệt là thực hiện chương trình giảm phí đối với các giao dịch trực tuyến nhằm khuyến khích khách hàng giao dịch trực tuyến.
- Về các dịch vụ tài chính: BVSC luôn duy trì nguồn vốn ổn định phục vụ cho các dịch vụ margin, ứng trước với lãi suất cạnh tranh, thấp nhất trên thị trường.
- Về việc phát triển mạng lưới kinh doanh, chính sách đào tạo và chính sách đãi ngộ cho người lao động: BVSC tăng cường tuyển dụng nhân viên môi giới, điều chỉnh tỷ lệ thưởng hấp dẫn và các hình thức tuyển dụng linh hoạt nhằm mở rộng mạng lưới khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty tập trung đào tạo kỹ năng, thực hiện kiểm tra nghiệp vụ và huấn luyện nội bộ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên môi giới.

**BVSC đã chính thức ra mắt hệ thống giao dịch BVS@Bloomberg cho phép kết nối trực tiếp đến mạng Bloomberg thông qua giao thức FIX (Financial Information Exchange) – giao thức điện tử tiêu chuẩn quốc tế trong việc đặt lệnh và lưu thông thông tin trước, trong và sau quá trình giao dịch**

- Đẩy mạnh công tác chăm sóc KH: BVSC thường xuyên tiến hành các chương trình khuyến mại, tặng quà, giảm phí, tổ chức sự kiện tri ân khách hàng, các hội thảo đầu tư phục vụ khách hàng...

Bên cạnh hoạt động của khối môi giới cá nhân, các hoạt động môi giới phục vụ khách hàng tổ chức cũng được thực hiện tích cực, trong đó những thành tích được ghi nhận như sau:

- Hoạt động bảo lãnh phát hành, đấu thầu trái phiếu Chính phủ. Tổng giá trị trái phiếu đấu thầu qua Công ty đã đạt hơn 3.000 tỷ. BVSC đã thực hiện thành công đợt bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 15 năm đầu tiên kể từ năm 2006. Đợt bảo lãnh đã thành công, đem lại doanh thu và góp phần nâng cao uy tín và thương hiệu của BVSC.
- Hoạt động kinh doanh trái phiếu: Thực hiện mua bán ngắn hạn trái phiếu cũng như tích cực tìm kiếm các cơ hội repo Trái phiếu – tiền gửi ngân hàng để tối đa hóa lợi nhuận cho danh mục trái phiếu mà Công ty đang nắm giữ.
- Đại lý Phân phối Quỹ mở: BVSC cung cấp dịch vụ Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở cho các chứng chỉ quỹ mở của VFM, BVF.
- Thị phần môi giới Cổ phiếu năm 2013
  - » Tại HNX: BVSC đạt 3,93% và đứng vị trí thứ 7 trong TOP 10.
- Thị phần môi giới Trái phiếu năm 2013
  - » Tại HSX: BVSC đạt 46,25% đứng vị trí thứ nhất trong TOP 10.
  - » Tại HNX: BVSC đạt 11,45% đứng vị trí thứ 4 trong TOP 10.

DOANH THU MÔI GIỚI

44,7

TỶ ĐỒNG

TỔNG GIÁ TRỊ TRÁI PHIẾU  
ĐẤU THẦU

> 3.000

TỶ ĐỒNG



TỰ DOANH

Tuân thủ theo các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phê duyệt, hoạt động tự doanh được cơ cấu lại và nâng hệ số an toàn cho hoạt động kinh doanh của toàn công ty. Tỷ trọng đầu tư cổ phiếu niêm yết ở mức dưới 20%, đảm bảo an toàn hoạt động ở mức cao.

Bên cạnh đó, tận dụng những cơ hội thị trường trong năm 2013, BVSC đã thực hiện thoái vốn tại một số mã cổ phiếu kém hiệu quả và đồng thời cũng đã bắt đầu triển khai hoạt động đầu tư mới cho Danh mục tự doanh từ cuối tháng 07 năm 2013, với quy mô đầu tư cho Danh mục đầu tư mới được phê duyệt. Ngoài ra, việc cơ cấu lại danh mục hiệu quả giúp cho Công ty cải thiện năng lực tài chính, nguồn vốn được tập trung cho phát triển các mảng hoạt động dịch vụ thu hút khách hàng. Tổng thu nhập từ hoạt động tự doanh đạt 50,1 tỷ đồng, bằng 95% so với kế hoạch.

TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Trong năm 2013, có 11 công ty bị hủy niêm yết trên HSX và 26 DN hủy niêm yết trên sàn HNX (16 DN hủy niêm yết bắt buộc) đã làm giảm tính hấp dẫn của thị trường, khiến cho các DN không mặn mà niêm yết cổ phiếu, cơ hội và khả năng phát hành huy động vốn cho DN cũng không cao sẽ là những nhân tố ảnh hưởng lớn tới hoạt động tư vấn doanh nghiệp của Công ty. Tuy nhiên, với kinh nghiệm và uy tín trong lĩnh vực tư vấn, BVSC vẫn triển khai được nhiều hợp đồng tư vấn, thực hiện tư vấn cổ phần hóa cho các doanh nghiệp lớn của Bộ Giao thông trong năm 2013 như Tập đoàn Công nghiệp Ô tô Việt Nam; Tổng công ty tư vấn thiết kế giao thông vận tải; Tổng công ty Xây dựng công trình Giao thông 8, qua đó tiếp tục khẳng định và nâng cao uy tín của BVSC trên thị trường

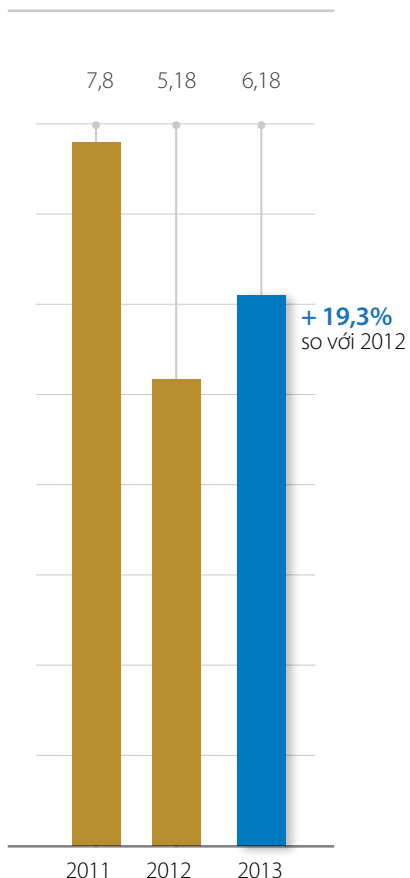
Kết quả đạt được như sau:

- Doanh thu hoạt động tư vấn của BVSC đạt 6,18 tỷ đồng, tăng 19,3% so với năm 2012 và đạt 103,01% kế hoạch đề ra.
- BVSC tiếp tục được tôn vinh là Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009 – 2013

LƯU KÝ

Hoạt động lưu ký chứng khoán được thực hiện theo đúng quy chế của Trung tâm lưu ký. Công ty đã tiếp nhận lưu ký chứng khoán cho các công ty mới niêm yết và đã niêm yết trên HSX, HNX, thực hiện chốt danh sách sở hữu cổ phiếu và trái phiếu cho các tổ chức phát hành để thực hiện quyền phát hành thêm cổ phiếu, trả cổ tức, Đại hội cổ đông...BVSC hiện phối hợp chặt chẽ cùng với các Ngân hàng: BIDV Hà Thành, BIDV Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Ngân hàng Bảo Việt đáp ứng tốt các yêu cầu nộp rút tiền của khách hàng

Doanh thu hoạt động tư vấn (tỷ đồng)



BVSC tiếp tục được tôn vinh là Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009 – 2013

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ

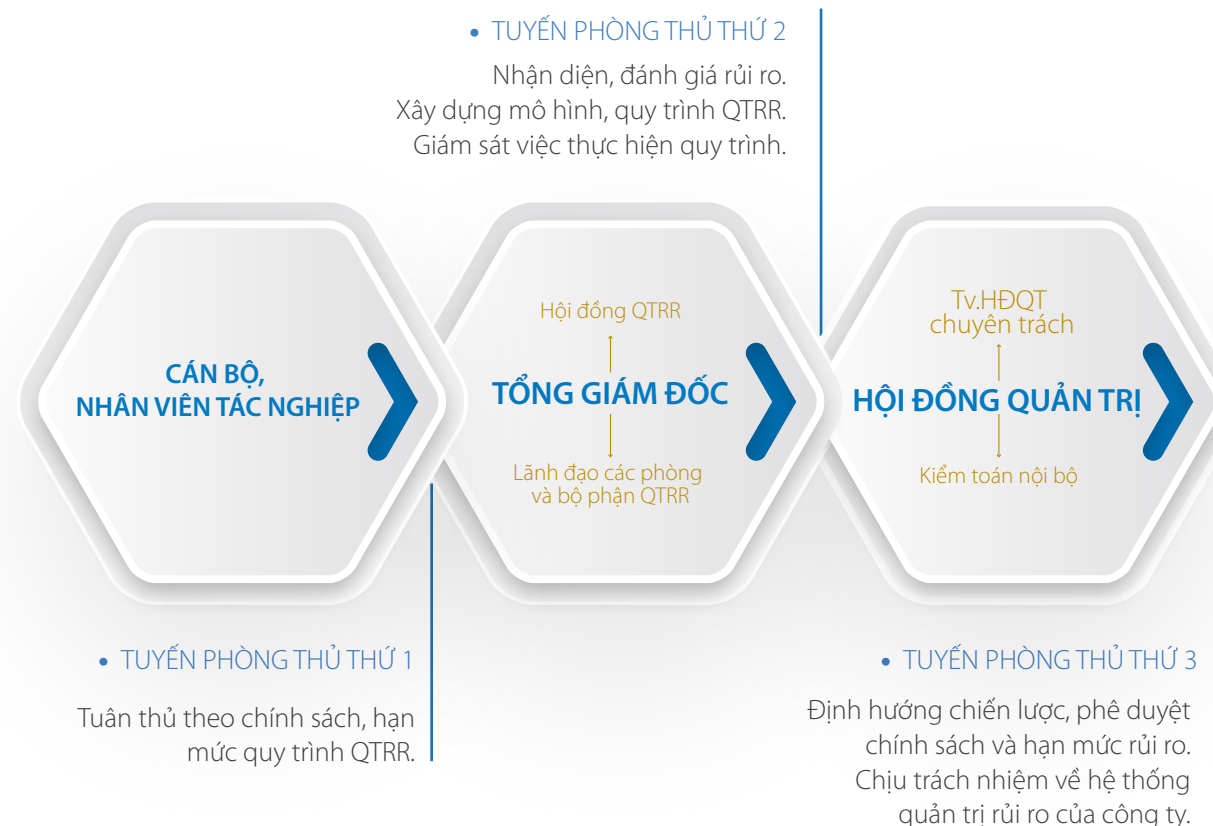
- Hoạt động quản trị rủi ro

Năm 2013 tiếp tục là một năm nhiều biến động với thị trường chứng khoán. Nhiều công ty chứng khoán đóng cửa, thu hẹp hoạt động, bị sát nhập, phạt hay đưa vào danh sách kiểm soát đặc biệt.

Trong bối cảnh đó, BVSC tiếp tục kiên định với mục tiêu phát triển các lĩnh vực mà Công ty có nhiều lợi thế song song với việc củng cố, hoàn thiện hơn nữa công tác quản trị rủi ro. Kết quả hoạt động năm 2013 một lần nữa cho thấy tính hiệu quả của những chính sách rủi ro mà Công ty áp dụng. Trong năm 2013 đã không xảy ra sự kiện rủi ro hay sai sót đáng kể nào gây ảnh hưởng tới quyền lợi của cổ đông, của khách hàng hay uy tín của Công ty.

Kết quả này có được là do BVSC duy trì một hệ thống quản trị rủi ro (QTRR) được vận hành thống nhất từ Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc, các lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ tới từng thành viên trong Công ty. Quan điểm "QTRR là nhiệm vụ của tất cả cán bộ, nhân viên BVSC" xuyên suốt trong từng hoạt động của Công ty.

Hệ thống QTRR tại BVSC được tóm lược như mô hình sau:



**Kết quả hoạt động năm 2013 một lần nữa cho thấy tính hiệu quả của những chính sách rủi ro mà Công ty áp dụng.**

VỚI 3 TUYẾN PHÒNG THỦ, CÔNG TÁC QTRR ĐƯỢC THỰC THI CẢN TRỌNG VÀ THỐNG NHẤT.



## ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG NĂM 2013 (TIẾP THEO)

### CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ (TIẾP THEO)

Công tác QTRR tại BVSC được khởi xướng thực hiện từ năm 2011 với việc thành lập Hội đồng QTRR (RMC) có Chủ tịch RMC là thành viên của HĐQT. Qua thời gian, hệ thống QTRR của BVSC tiếp tục được củng cố và hoàn thiện. Cho tới thời điểm Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành Quyết định số 105/QĐ/2013/UBCK hướng dẫn các công ty chứng khoán thiết lập và vận hành hệ thống QTRR thì mô hình QTRR tại BVSC đã rất sát với định hướng của Ủy ban. Tháng 5/2013, HĐQT BVSC cử thêm 01 thành viên thực hiện chức năng hỗ trợ cho HĐQT trong công tác QTRR tại Công ty, đồng thời tuyển dụng thêm cán bộ chuyên trách QTRR, triển khai các công tác trú bị cho việc thành lập và vận hành Bộ phận QTRR. Tháng 12/2013 Tổng Giám đốc BVSC ban hành quyết định thành lập Bộ phận QTRR, chính thức triển khai công tác QTRR theo hướng chuyên trách và độc lập theo các Chính sách và quy trình QTRR của Công ty.

Trong năm 2013, song song với công tác rà soát, nhận diện rủi ro tại mỗi phòng ban nghiệp vụ, Công ty cũng đã ban hành Chính sách rủi ro, Hạn mức rủi ro ... bám sát với định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty năm 2014.

#### • Công tác Pháp chế & KSNB

Công tác pháp chế được chú trọng đã giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty được triển khai một cách an toàn, hiệu quả, phòng tránh các rủi ro pháp lý.

Bên cạnh đó, công tác kiểm soát nội bộ được thực hiện thường xuyên liên tục nhằm rà soát, phát hiện, xử lý lỗi giao dịch chứng khoán và lỗi trong cung ứng các dịch vụ tiện ích phục vụ khách hàng giao dịch chứng khoán, kiểm soát tính tuân thủ của các phòng nghiệp vụ... qua đó góp phần củng cố các quy trình nghiệp vụ, phòng ngừa các rủi ro cho Công ty.

#### • Hoạt động nghiên cứu phân tích

BVSC tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu phân tích nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Trong năm 2013 BVSC đã thực hiện 114 báo cáo phân tích ngành và Công ty; 16 báo cáo vĩ mô, thị trường định kỳ, báo cáo bất thường; 254 bản tin thị trường hàng ngày có chất lượng để phục vụ khách hàng và nâng cao hình ảnh của BVSC, thực hiện hàng trăm lượt trả lời phỏng vấn, tọa đàm trên các kênh truyền thông báo chí; tổ chức các buổi tọa đàm nhằm hỗ trợ thông tin cho khách hàng đầu tư.

#### • Công nghệ thông tin

Trong năm 2013 Công ty tiếp tục triển khai và đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghệ thông tin trọng điểm nhằm hỗ trợ tối đa hoạt động kinh doanh của BVSC, giảm thiểu công tác thủ công và hạn chế rủi ro. Công ty tiếp tục triển khai các phân hệ tiếp theo của Dự án Core securities (FLEX); Ngày 19/5/2013 Công ty chính thức hoàn tất và công bố website mới; Cũng trong năm 2013 Công ty chính thức cung cấp dịch vụ BVS@Bloomberg và Phát triển phần mềm Home trading...

#### • Truyền thông thương hiệu

Hoạt động truyền thông ra công chúng tại BVSC trong năm 2013 được chú trọng, định hướng tập trung và chuyên nghiệp hơn nhằm phát triển thương hiệu BVSC là một Công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, một doanh nghiệp niềm yết tiêu biểu. Công ty đã thực hiện hàng trăm lượt truyền thông ra công chúng trên các kênh báo chí, truyền hình, website; Tổ chức hội thảo tư vấn đầu tư, tham gia các diễn đàn, các giải thưởng có uy tín.

#### • Phát triển nguồn nhân lực

Vui lòng tham khảo tại trang 86-90

## NHỮNG TIẾN BỘ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM



### LIÊN TỤC CẢI TIẾN HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

Trong năm 2013, BVSC đã chính thức ra mắt hệ thống giao dịch BVS@Bloomberg cho phép kết nối trực tiếp đến mạng Bloomberg thông qua giao thức FIX (Financial Information Exchange) – giao thức điện tử tiêu chuẩn quốc tế trong việc đặt lệnh và lưu thông tin trước, trong và sau quá trình giao dịch. Đồng thời, ra mắt website thể hệ mới bằng hai phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh với nhiều tiện ích nổi trội giúp khách hàng tra cứu thông tin và thực hiện các giao dịch dễ dàng.



### LÀ 1 TRONG 6 CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TIÊU BIỂU VÀ LÀ 1 TRONG 30 DOANH NGHIỆP NIỀM YẾT MINH BẠCH TIÊU BIỂU THEO BÌNH CHỌN CỦA HNX

Năm 2013 lần đầu tiên HNX thực hiện chấm điểm và bình chọn các công ty chứng khoán tiêu biểu dựa trên các tiêu chí thị phần giao dịch, an toàn tài chính, tuân thủ nghĩa vụ thành viên và công tác phối hợp với HNX. Kết quả BVSC được HNX bình chọn là 1 trong 6 công ty chứng khoán tiêu biểu trên thị trường. Cũng trong năm 2013, song song với việc được trao giải TOP 30 Báo cáo thường niên tốt nhất do Sở HSX trao tặng, HNX cũng thực hiện chấm điểm và tôn vinh BVSC là một trong 30 Doanh nghiệp niềm yết minh bạch tiêu biểu.



### TOP 10 THÀNH VIÊN GIAO DỊCH GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ 2013

Với những nỗ lực đóng góp cho thị trường trái phiếu Chính phủ, BVSC được HNX tôn vinh và trao giải "TOP 10 thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ 2013". Cũng trong năm 2013 BVSC là đơn vị bảo lãnh chính và duy nhất thực hiện thành công đợt bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 15 năm đầu tiên.



### M&A TRỞ THÀNH NHÀ TƯ VẤN M&A TIÊU BIỂU NHẤT GIAI ĐOẠN 2009 - 2013

Với kinh nghiệm tư vấn thành công nhiều thương vụ M&A tiêu biểu nhất trên thị trường trong nhiều năm qua, tháng 8/2013, Bantổ chức Diễn đàn M&A thường niên đã bình chọn và tôn vinh BVSC là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009 - 2013".

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### • QUY MÔ TÀI SẢN

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Tỷ trọng 2013	Năm 2012	Tỷ trọng 2012	Số tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>1,644,929,366,173</b>	<b>91.8%</b>	<b>1,245,457,527,196</b>	<b>81.1%</b>	<b>399,471,838,977</b>	<b>32.1</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	534,918,374,257	32.5%	598,724,776,910	48.1%	(63,806,402,653)	(10.7)
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	662,321,404,936	40.3%	422,867,197,098	34.0%	239,454,207,865	56.6
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	442,716,037,938	26.9%	220,115,444,990	17.7%	222,600,592,948	101.1
V. Tài sản ngắn hạn khác	4,973,549,015	0.3%	3,750,108,198	0.3%	1,223,440,817	32.6
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>147,765,486,175</b>	<b>8.2%</b>	<b>289,400,833,311</b>	<b>18.9%</b>	<b>(141,635,347,136)</b>	<b>(48.9)</b>
II. Tài sản cố định	8,389,397,745	5.7%	12,565,514,601	4.3%	(4,176,116,856)	(33.2)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	119,112,223,000	80.6%	257,417,881,419	88.9%	(138,317,658,419)	(53.7)
V. Tài sản dài hạn khác	20,263,865,430	13.7%	19,417,437,291	6.7%	846,428,139	4.4
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>1,792,694,852,348</b>	<b>100%</b>	<b>1,534,858,360,507</b>	<b>100%</b>	<b>257,836,491,841</b>	<b>16.8</b>

Tài sản năm 2013 của Công ty là 1.792,6 tỷ đồng, tăng 257,8 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 16,8% chủ yếu tăng từ khoản tăng từ tài sản ngắn hạn, cụ thể:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn (tiền gửi và chứng khoán): tăng 239,5 tỷ đồng do có sự chuyển dịch từ chứng khoán đầu tư dài hạn sang ngắn hạn và tăng từ đầu tư tiền gửi ngắn hạn.
- Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng tăng 86,5 tỷ đồng.

### • QUY MÔ NGUỒN VỐN

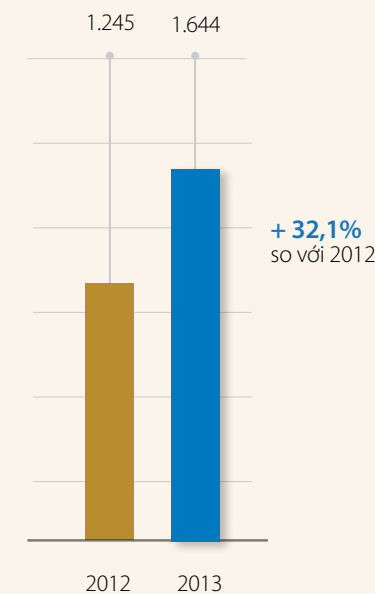
Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Tỷ trọng 2013	Năm 2012	Tỷ trọng 2012	Số tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>580,640,946,983</b>	<b>32.4%</b>	<b>409,227,159,433</b>	<b>26.7%</b>	<b>171,413,787,550</b>	<b>41.9</b>
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,212,053,905,365</b>	<b>67.6%</b>	<b>1,125,631,201,074</b>	<b>73.3%</b>	<b>86,997,226,447</b>	<b>7.7</b>
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>1,792,694,852,348</b>	<b>100%</b>	<b>1,534,858,360,507</b>	<b>100%</b>	<b>257,836,491,841</b>	<b>16.8</b>

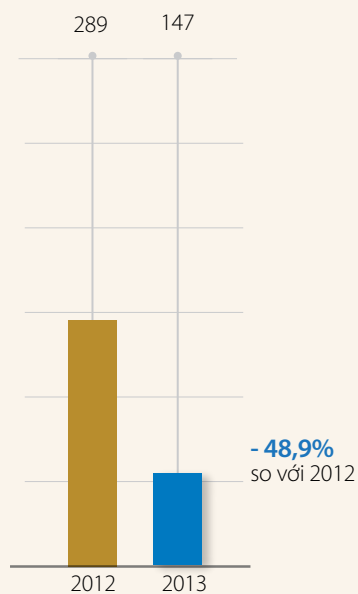
Nguồn vốn tăng tương ứng với Tổng tài sản (tăng 258,4 tỷ đồng, tương ứng tăng 16,8%) so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu đến từ khoản phải trả ngắn hạn, trong đó tăng khoản phải trả nhà đầu tư từ giao dịch

chứng khoán là 86,5 tỷ đồng; tăng từ khoản phải trả Repo trái phiếu là 99,3 tỷ đồng và Nguồn vốn chủ sở hữu tăng 86,4 tỷ đồng do tăng chủ yếu từ khoản lợi nhuận đạt được năm 2013.

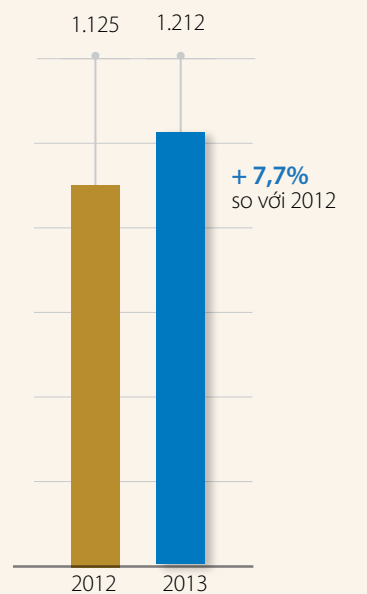
TÀI SẢN NGẮN HẠN  
(TỶ ĐỒNG)



TÀI SẢN DÀI HẠN  
(TỶ ĐỒNG)



VỐN CHỦ SỞ HỮU  
(TỶ ĐỒNG)



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### • CƠ CẤU TÀI SẢN, NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2012
<b>1. Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản	%	91.7	81.1
Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	8.2	18.9
<b>2. Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	32.4	26.7
Nguồn vốn chủ Sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	67.6	73.3

Cơ cấu Tài sản của Công ty chủ yếu tập trung vào:

**Tài sản ngắn hạn:** chiếm 91,7%, trong đó có sự chuyển dịch khá lớn từ tài sản (chứng khoán) dài hạn sang tài sản ngắn hạn (chứng khoán), bao gồm:

- Tiền và các khoản tương đương tiền: chiếm 32,5%
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: chiếm 40,3% (bao gồm các khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn).
- Các khoản phải thu ngắn hạn: chiếm 26,9%.
- Tài sản ngắn hạn khác: chiếm 0,3%.

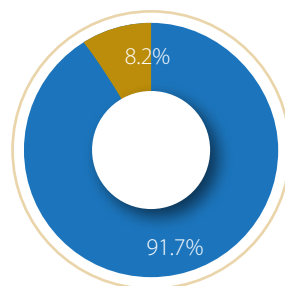
**Tài sản dài hạn:** chiếm 8,2%, chủ yếu gồm:

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: chiếm 80,6% của Tài sản dài hạn
- Các khoản tài sản dài hạn khác và TSCĐ chiếm 19,4% Tài sản dài hạn

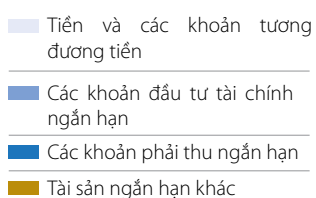
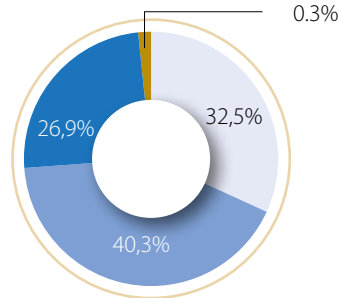
Cơ cấu Nguồn vốn: của Công ty bao gồm:

- Nợ phải trả (ngắn hạn): chiếm 32,4%, trong đó chủ yếu là khoản phải trả giao dịch chứng khoán cho người đầu tư và khoản phải trả về Repo Trái phiếu.
- Nguồn vốn chủ sở hữu: chiếm 67,6%

Cơ cấu tài sản năm 2013



Cơ cấu tài sản ngắn hạn



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ  
TÀI CHÍNH DÀI HẠN  
**80,6%**

CÁC KHOẢN TÀI SẢN DÀI HẠN  
KHÁC VÀ TSCĐ  
**19,4%**



**Trong năm 2013, Công ty đã thành lập bộ phận Quản trị rủi ro, Kiểm toán nội bộ tuân thủ theo quy định pháp luật**

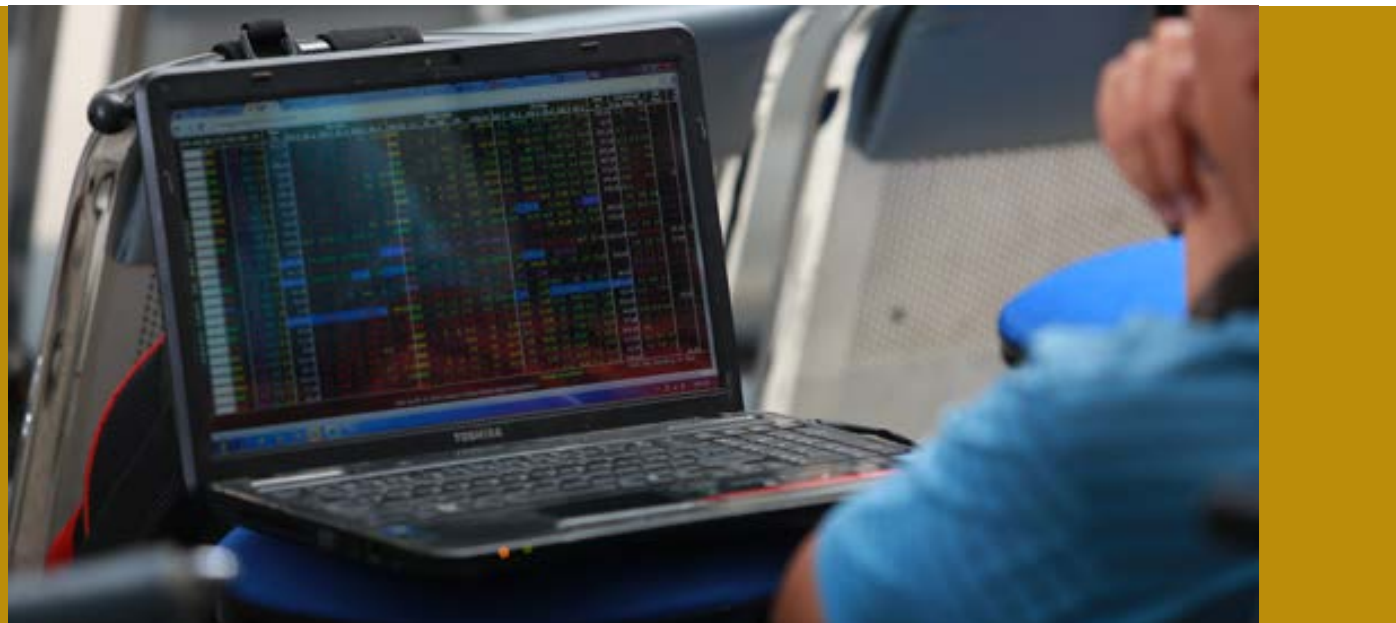
### NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TRONG NĂM 2013

Năm 2013 đánh dấu những thay đổi lớn trong cơ cấu tổ chức của Công ty hướng tới mục tiêu quản trị tập trung. Công ty đã thành lập bộ phận Quản trị rủi ro, Kiểm toán nội bộ tuân thủ theo quy định pháp luật. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện hợp nhất hoạt động của phòng công nghệ thông tin, Phòng Phân tích, thành lập mới phòng Quản lý giao dịch và Phát triển sản phẩm nhằm quản lý tập trung về chiến lược công nghệ, nghiên cứu phân tích và phát triển sản phẩm.

Bên cạnh đó, với mục tiêu đẩy mạnh hoạt động môi giới, trong đó trọng tâm thông qua việc phát triển đội ngũ nhân viên phát triển kinh doanh, Công ty đã liên tục điều chỉnh và ban hành mới chính sách đãi ngộ nhằm đảm bảo cạnh tranh. Trong năm, Công ty đã điều chỉnh chính sách khoán cho nhân viên môi giới ban hành từ năm 2011, theo đó thay đổi tỷ lệ chi trả thu nhập cho nhân viên môi giới và cán bộ quản lý dựa trên doanh thu và thị phần mục tiêu. Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng các chính sách hợp tác giới thiệu khách hàng nhằm thúc đẩy hoạt động môi giới phát triển.

# MỤC TIÊU VÀ CAM KẾT

## HÀNH ĐỘNG NĂM 2014



### DỰ BÁO KINH TẾ 2014

Năm 2014, tăng trưởng GDP được dự báo sẽ khởi sắc hơn nhưng tốc độ cải thiện nhiều khả năng sẽ chỉ ở mức trung bình và chưa có nhiều đột phá. BVSC dự báo một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô làm cơ sở cho việc hoạch định kế hoạch kinh doanh năm 2014 như sau:

Nội dung	Dự báo các chỉ số
Tăng trưởng GDP	5,6 - 5,8%
Lãi suất cho vay (1 năm)	10,5 - 12,5%
Tăng trưởng tín dụng	12 - 14%
Biến động tỷ giá	<2%
Lạm phát	7%
Mức P/E hợp lý	13,6 - 14,3
Tăng trưởng EPS	12,3%



Mặt bằng lãi suất đã được điều chỉnh giảm về mức hợp lý



Tài chính, bất động sản và những ngành liên quan có thể vẫn còn phải trải qua nhiều biến động sau một giai đoạn tăng trưởng nóng.

**Sau hai năm quyết liệt triển khai cơ cấu lại hệ thống các ngân hàng, rủi ro hệ thống từng bước được kiểm soát, nguy cơ đổ vỡ hệ thống dần được đẩy lùi. Mặt bằng lãi suất đã được điều chỉnh giảm về mức hợp lý, giảm gánh nặng cũng như kích thích hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.**

### DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2014

Năm 2014, các giải pháp về cấu trúc, cơ chế vận hành thị trường sẽ tiếp tục được hoàn thiện góp phần tạo thêm sản phẩm để thu hút thêm nhà đầu tư tổ chức. Tuy nhiên, theo quan điểm của BVSC, các chính sách vĩ mô đang mở ra cơ hội cho thị trường chứng khoán phát triển, đây là môi trường thuận lợi để hình thành một xu hướng hồi phục.

**Chính sách đang dần phát huy hiệu quả, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp và diễn biến của TTCK**

Sau hai năm quyết liệt triển khai cơ cấu lại hệ thống các ngân hàng, rủi ro hệ thống từng bước được kiểm soát, nguy cơ đổ vỡ hệ thống dần được đẩy lùi. Mặt bằng lãi suất đã được điều chỉnh giảm về mức hợp lý, giảm gánh nặng cũng như kích thích hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Hoạt động của công ty quản lý tài sản (VAMC) sẽ là một mắt xích then chốt của quá trình tái cơ cấu hệ thống tài chính trong năm 2014. Mặc dù tiến độ còn khá chậm nhưng các mục tiêu sẽ từng bước được thực hiện, từ đó giúp các ngân hàng củng cố thanh khoản, cải thiện bảng cân đối kế toán, và quan trọng nhất là mở ra cơ hội tiếp tục điều chỉnh giảm mặt bằng lãi suất, đẩy mạnh cho vay. Nếu kịch bản tích cực diễn ra, đây sẽ là môi trường rất thuận lợi cho nhà đầu tư, doanh nghiệp và thị trường chứng khoán.

**Khả năng chính sách mở room cho khối ngoại sẽ được thông qua.** Theo đó, có khả năng cho phép nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ cổ phiếu không có quyền biểu quyết vượt tỷ lệ 49% ở một số loại hình công ty niêm yết. Đối với một số ngành nghề, một số loại hình công ty niêm yết không thuộc diện đặc thù, nhà đầu tư nước ngoài còn có thể được phép sở hữu trên 49% và tỷ lệ này còn có thể cao hơn đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán.

**Kiểm soát chặt thị trường vàng, thị trường ngoại hối, kênh trái phiếu và gửi tiết kiệm giảm sức hấp dẫn do lãi suất huy động giảm.** Việc mạnh tay trong quản lý thị trường vàng, ngoại hối trong năm 2013 một mặt giúp ổn định diễn biến của tỷ giá, mặt khác nó cũng khiến dòng tiền đầu cơ thiếu sự lựa chọn các kênh đầu tư để tìm kiếm lợi nhuận. Với mặt bằng lãi suất huy động và lợi tức trái phiếu hiện tại, chỉ số E/P của thị trường chứng khoán đang cho thấy tính cạnh tranh và hoàn toàn có thể thu hút được dòng vốn ở các kênh khác.

**Doanh nghiệp: yếu tố đầu vào đã xuất hiện dấu hiệu tích cực nhưng đầu ra cần thêm thời gian để cải thiện.** Mặc dù vẫn ở mức cao so với giai đoạn trước, tuy nhiên tỷ trọng giá vốn hàng bán và chi phí tài chính đang có dấu hiệu đạt đỉnh và bắt đầu giảm nhiệt. Xu hướng này còn có thể tiếp tục diễn ra trong năm 2014 cùng với những gói giải pháp của Chính phủ hỗ trợ cho hệ thống doanh nghiệp qua giai đoạn khó khăn, đặc biệt liên quan đến tiến trình giải quyết nợ xấu, kết hợp cùng định hướng điều chỉnh giảm mặt bằng lãi suất cho vay từ phía NHNN. Ngoài một số ngành hàng tiêu dùng thiết yếu, điện, dược phẩm vẫn duy trì được doanh thu và lợi nhuận khá ổn định, việc tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ của nhiều nhóm ngành khác vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn. Tài chính, bất động sản và những ngành liên quan có thể vẫn còn phải trải qua nhiều biến động sau một giai đoạn tăng trưởng nóng.

Dựa trên việc dự báo tăng trưởng EPS của các doanh nghiệp niêm yết cùng dự báo mức P/E hợp lý của thị trường, BVSC cho rằng ở thời điểm cuối năm 2014 chỉ số VnIndex sẽ nằm trong khoảng từ **580-600** điểm, thanh khoản thị trường được dự báo sẽ cải thiện với mức tăng trưởng xấp xỉ 20% so với năm 2013.

## KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 2014

### • CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG NĂM 2014

Với những dự báo về tăng trưởng TTCK trong năm 2014 sẽ mở ra các cơ hội cho các công ty chứng khoán nói chung và BVSC nói riêng khả năng tăng trưởng doanh thu môi giới, tự doanh, tư vấn. Tuy nhiên, thách thức đặt ra trong năm 2014 là mức độ cạnh tranh tiếp tục tăng cao trong các công ty chứng khoán, đặc biệt là trong lĩnh vực môi giới nhằm giữ vững thị phần. Bên cạnh đó, xu thế lãi suất thị trường tiếp tục giảm sẽ tác động mạnh tới doanh thu từ việc khai thác nguồn vốn của Công ty như giao dịch ký quỹ, ứng trước, tiền gửi...

### • KẾ HOẠCH 2014

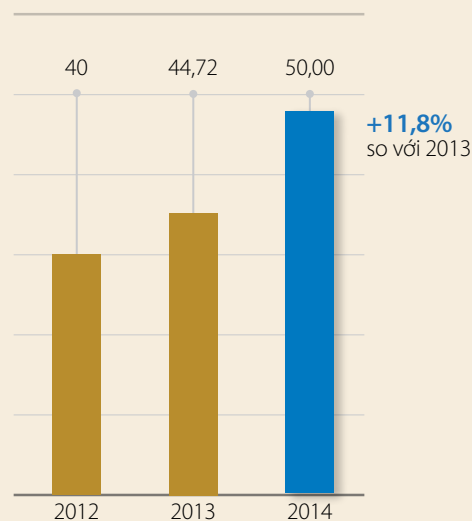
Đứng trước cơ hội và thách thức trên, trong năm 2014, Công ty tiếp tục thực hiện định hướng kinh doanh tập trung vào hoạt động môi giới, các dịch vụ tài chính cá nhân... hoạt động tự doanh triển khai trên quan điểm thận trọng và bảo toàn vốn. Dự báo lãi suất thị trường sẽ tiếp tục theo xu thế giảm trong năm 2014 sẽ ảnh hưởng lớn tới mảng doanh thu từ việc khai thác nguồn vốn của Công ty như giao dịch ký quỹ, ứng trước, tiền gửi... do đó tổng doanh thu theo kế hoạch của công ty giảm nhẹ so với thực hiện của năm 2013.

**Thách thức đặt ra trong năm 2014 là mức độ cạnh tranh tiếp tục tăng cao trong các công ty chứng khoán, đặc biệt là trong lĩnh vực môi giới nhằm giữ vững thị phần.**

Kế hoạch kinh doanh 2014 cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2014	%KH so với TH
1	<b>TỔNG DOANH THU</b>	<b>207,377,427,815</b>	<b>198,000,000,000</b>	<b>95.5</b>
	Môi giới	44,720,895,335	50,000,000,000	111.8
	Tự doanh	50,138,398,752	58,000,000,000	115.7
	Bảo lãnh, phát hành, tư vấn	7,923,037,641	6,300,000,000	79.5
	Lưu ký, ủy thác đầu giá, cho thuê tài sản	3,062,168,577	2,650,000,000	86.5
	Doanh thu khác	101,532,927,510	81,050,000,000	79.8
2	<b>TỔNG CHI PHÍ</b>	<b>121,559,707,949</b>	<b>108,000,000,000</b>	<b>88.8</b>
3	<b>HIỆU QUẢ</b>	<b>85,817,719,866</b>	<b>90,000,000,000</b>	<b>104.9</b>

KẾ HOẠCH MÔI GIỚI NĂM 2014  
(TỶ ĐỒNG)



## CÁC GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KINH DOANH

### • HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI

#### » Mở rộng mạng lưới giao dịch

Với nhu cầu phát triển của thị trường, công ty sẽ nghiên cứu mở rộng thêm một số các phòng giao dịch tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh để tăng các điểm giao dịch phục vụ và chăm sóc khách hàng.

#### » Đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ:

BVSC sẽ tiếp tục củng cố quan hệ với các khách hàng giao dịch, đặc biệt là nhóm nhà đầu tư giao dịch với tần suất lớn và có giá trị giao dịch cao. Đây là đối tượng nhà đầu tư thường xuyên được cán bộ môi giới liên hệ, trao đổi thông tin, giữ quan hệ tốt và khuyến khích đẩy mạnh giao dịch khi hệ thống công nghệ thông tin được nâng cấp và một số hỗ trợ khác được công ty triển khai. Ngoài ra, Công ty sẽ tăng cường thiết kế các chương trình khuyến mại, sự kiện tri ân khách hàng, hội thảo tư vấn đầu tư, nghiên cứu các sản phẩm mới, chính sách phí linh hoạt và cạnh tranh, đảm bảo nguồn vốn hỗ trợ tối đa cho các nhu cầu về vốn của nhà đầu tư...

#### » Tiếp tục cơ chế khoán doanh thu và tăng cường tuyển dụng nhân viên môi giới:

Năm 2014, BVSC tiếp tục triển khai cơ chế khoán doanh thu linh hoạt, bám sát các điều kiện thị trường, đảm bảo công bằng lợi ích Công ty và của cán bộ môi giới, từ đó tạo động lực cho các cán bộ và tăng doanh thu hoạt động môi giới của Công ty. Ngoài ra, Công ty sẽ tập trung phát triển đội ngũ viên môi giới thông qua các chính sách đãi ngộ cạnh tranh.

#### » Nâng cao năng lực nhân viên môi giới

BVSC tăng cường đào tạo nội bộ về nghiệp vụ và đào tạo kỹ năng nhằm nâng cao trình độ và khả năng phát triển khách hàng cho đội ngũ môi giới hiện tại. Đặc biệt là nâng cao khả năng phân tích và kỹ năng giao tiếp, bán hàng.

### • HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

Để tăng hiệu quả hoạt động đầu tư vốn, BVSC đã tiến hành đánh giá, phân tích triển vọng thị trường trong năm 2014 và xây dựng chiến lược theo định hướng sau:

» Đầu tư cổ phiếu niêm yết: Trong năm 2014 BVSC dự kiến tăng quy mô đầu tư vào cổ phiếu niêm yết; tuy nhiên tỷ trọng vẫn ở mức thấp để đảm bảo tính an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty sẽ thực hiện kết hợp đầu tư theo xu hướng và đầu tư giá trị, tuân thủ các hạn mức nhằm kiểm soát rủi ro và đảm bảo kinh doanh toàn công ty có lãi

» Đầu tư trái phiếu: Trong năm 2014, BVSC sẽ chỉ đầu tư trái phiếu trở lại tương ứng với khoản sẽ được đáo hạn trong năm. Duy trì tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu ở mức 30% - 40% sẽ tạo thể cân bằng trong Danh mục đầu tư tổng thể, xét cả về yếu tố cân bằng rủi ro và yếu tố thu nhập ổn định.

### • HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN

Tiếp tục mục tiêu duy trì và phát huy thương hiệu tư vấn của BVSC trong các hoạt động tư vấn thể mạnh truyền thống như cổ phần hóa, phát hành và tái cấu trúc và nâng cao vị thế thương hiệu tư vấn của BVSC trong hoạt động mua bán doanh nghiệp, cụ thể:

» Đẩy mạnh triển khai các mảng tư vấn vốn là thế mạnh của BVSC như tư vấn cổ phần hóa, hợp nhất, sáp nhập, tái cấu trúc doanh nghiệp.

» Tập trung vào các nghiệp vụ mới như tư vấn đầu tư, mua bán cổ phần có yếu tố nước ngoài trên cơ sở những kết quả đạt được từ năm 2013.

» Tiếp tục tìm kiếm các hợp đồng tư vấn niêm yết, phát hành truyền thống song song việc tìm kiếm các khách hàng tiềm năng cho hoạt động tư vấn tái cấu trúc, phát hành niêm yết sau.

### • CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ:



#### HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH

BVSC sẽ tập trung nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động phân tích thông qua việc thiết kế các sản phẩm phân tích phù hợp với nhu cầu của Nhà đầu tư tổ chức và cá nhân. Công ty sẽ đẩy mạnh tổ chức các hội thảo phân tích cơ hội đầu tư trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng hiện tại cũng như thu hút khách hàng tiềm năng trong và ngoài nước.



#### CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Tiếp tục đẩy mạnh vào CNTT nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và hỗ trợ tối đa công tác quản lý. Công ty tiếp tục triển khai các dự án CNTT trọng điểm như dự án Core - giai đoạn 2, dự án phần mềm Home trading giai đoạn 2, Dự án phần mềm mobile trading, Dự án phần mềm nhân sự...



#### CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG

Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức theo hướng quản trị tập trung, liên tục rà soát sửa đổi chính sách khoán môi giới, các chính sách tạo động lực cho đội ngũ nhân viên phát triển kinh doanh; Tập trung chủ yếu cho việc tuyển dụng và đào tạo nhân viên phát triển kinh doanh làm việc tại các Phòng Giao dịch...



#### ĐẨY MẠNH TRUYỀN THÔNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Kế hoạch truyền thông và quảng bá ra công chúng trong năm 2014 sẽ tiếp tục hướng tới việc xây dựng hình ảnh một Công ty niêm yết minh bạch, đồng thời là một Công ty chứng khoán uy tín và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2013, HĐQT đã chỉ đạo, định hướng và giám sát mọi hoạt động của Công ty trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của HĐQT đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty.

**HĐQT đã chỉ đạo Công ty triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2013, trong đó tập trung triển khai nhiệm vụ kinh doanh. Kết quả đạt được như sau:**

- + Tổng doanh thu: 207,4 tỷ đồng, đạt 112,7% kế hoạch.
- + Lợi nhuận trước thuế: 85,8 tỷ đồng, đạt 110,7% kế hoạch.

Ngoài ra HĐQT cũng chỉ đạo Công ty triển khai các nhiệm vụ khác theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2013 như việc Ban hành quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ, quy trình tổ chức họp HĐQT, quy chế kiểm soát của Ban Kiểm soát... đảm bảo tuân thủ quy định Pháp luật.

**HĐQT chỉ đạo triển khai thành lập bộ phận Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ đảm bảo tính tuân thủ quy định tại Thông tư số 210/2012/TT - BTC của Bộ Tài chính ngày 30/11/2012.**

HĐQT đã cử thành viên HĐQT phụ trách công tác QTRR đồng thời phê duyệt đề xuất của Công ty về việc thành lập bộ phận QTRR, bổ nhiệm Trưởng bộ phận QTRR, phê duyệt đề xuất của Công ty về Chính sách và Hạn mức rủi ro năm 2014. HĐQT đã cử thành viên HĐQT phụ trách KTNB đồng thời phê duyệt đề xuất của Công ty về việc thành lập bộ phận KTNB trực thuộc HĐQT.



**HĐQT chỉ đạo Công ty tập trung triển khai các mảng hoạt động nhằm nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty, cụ thể:**

- Rà soát chiến lược hoạt động tới năm 2015: HĐQT đã chỉ đạo và đôn đốc Ban TGD trực tiếp rà soát và xây dựng chiến lược hoạt động của Công ty tới năm 2015, trong đó tập trung rà soát mô hình tổ chức hoạt động, chiến lược đầu tư tự doanh, chiến lược công nghệ thông tin, các chính sách và giải pháp thúc đẩy hoạt động môi giới...
- Chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh đầu tư hệ thống công nghệ thông tin: Công ty đã triển khai cung cấp các dịch vụ tiện ích dựa trên nền tảng công nghệ như hệ thống giao dịch BVS@Bloomberg, hệ thống HomeTrading, nâng cấp hệ thống giao dịch trực tuyến BVS@Trade, khai trương webportal mới....

- Điều chỉnh cơ cấu tổ chức phù hợp với chiến lược hoạt động: Công ty định hướng hoạt động theo mô hình quản trị tập trung bao gồm Khối Kinh doanh, Khối Hỗ trợ và Khối Quản lý. Trên cơ sở định hướng này, trong năm 2013 HĐQT đã chỉ đạo Công ty thực hiện hợp nhất về tổ chức và hoạt động đối với các Phòng Công nghệ thông tin, Phòng Phân tích và thành lập mới Phòng Quản lý giao dịch và Phát triển sản phẩm nhằm quản lý tập trung về mặt chiến lược đối với mảng công nghệ, nghiên cứu phân tích và phát triển sản phẩm.

- HĐQT định hướng và chỉ đạo Công ty trong việc rà soát các quy chế, quy trình nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản liên quan tới việc quản trị nội bộ Công ty như Quy chế đầu tư, quy chế trả lương....

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2013, HĐQT đã giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc dựa trên các mặt hoạt động sau:

- **Thông qua cơ chế báo cáo định kỳ:** Trong quá trình hoạt động, Ban TGD đã tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, bán niên và thường niên về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty gửi HĐQT. Ngoài ra, công tác giám sát còn được HĐQT triển khai gián tiếp thông qua các chỉ đạo Công ty rà soát lại các quy chế, quy trình nhằm củng cố tổ chức hoạt động đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, hoạt động minh bạch.
- **Thông qua các chỉ đạo, nghị quyết của HĐQT tại các cuộc họp của HĐQT trong năm 2013.**

- **Thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát:** Từ kết quả các đợt kiểm tra định kỳ của Ban Kiểm soát, HĐQT đã nắm bắt và kiểm soát tốt hơn tình hình hoạt động của Công ty cũng như công tác chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc.

Thông qua các mặt hoạt động trên, trong năm 2013, HĐQT ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của Ban TGD trong quá trình điều hành Công ty đạt kết quả kinh doanh vượt kế hoạch ĐHĐCĐ giao. Bên cạnh đó, trong quá trình điều hành, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty cũng như các Nghị quyết và chỉ đạo của HĐQT.





# 198 tỷ đồng

Chỉ tiêu tổng doanh thu theo kế hoạch kinh doanh 2014

**Chỉ đạo Công ty tập trung thúc đẩy hoạt động môi giới thông qua việc tăng cường tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân viên môi giới, thành lập các điểm giao dịch mới để mở rộng thêm mạng lưới kinh doanh của Công ty.**

## KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2014

Trên cơ sở dự báo điều kiện kinh tế và TTCK năm 2014, HĐQT thống nhất định hướng hoạt động và những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2014 như sau:

**Tập trung định hướng và chỉ đạo Công ty hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2014 với các chỉ tiêu sau:**

- Tổng doanh thu : 198 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 90 tỷ đồng.

Định hướng kinh doanh trong năm 2014 sẽ tập trung nguồn lực cho hoạt động môi giới, hoạt động tự doanh tiếp tục triển khai trên quan điểm thận trọng.

**Tiếp tục nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty thông qua việc định hướng và chỉ đạo đối với các hoạt động sau:**

- Tiếp tục chỉ đạo Công ty hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động theo hướng quản trị tập trung nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và nâng cao tính chuyên nghiệp.

- HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược đối với Công ty trong việc xây dựng chính sách đãi ngộ tổng thể nhằm duy trì và thu hút nhân lực cạnh tranh thông qua việc rà soát, điều chỉnh chính sách tiền lương, chính sách phúc lợi, chính sách bổ nhiệm....

- Chỉ đạo Công ty tập trung thúc đẩy hoạt động môi giới thông qua việc tăng cường tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân viên môi giới, thành lập các điểm giao dịch mới để mở rộng thêm mạng lưới kinh doanh của Công ty.

- Tiếp tục chỉ đạo Công ty đẩy mạnh đầu tư công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và hỗ trợ tối đa trong công tác quản lý.

- Tiếp tục chỉ đạo Công ty rà soát và hoạch định kế hoạch hoạt động tới năm 2015, chuẩn bị cho việc xây dựng chiến lược hoạt động giai đoạn 2015 - 2020.

**Tăng cường vai trò giám sát của HĐQT** đối với hoạt động của Công ty thông qua việc rà soát, sửa đổi và ban hành mới các quy chế hoạt động, phân cấp quản trị, chế độ báo cáo, thông qua việc phát huy vai trò của Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ...



Gốc rễ VỮNG VÀNG  
căng tràn

# NHỰA SỐNG

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát

Những giao dịch, thù lao và các khoản  
lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc  
và Ban Kiểm soát

66

70

74

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần của Hội đồng Quản trị và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trong Vốn điều lệ (giá trị tính theo mệnh giá):

Ông <b>NGUYỄN ĐỨC TUẤN</b> Chủ tịch HĐQT	Đại diện quản lý 25,00% Vốn Điều lệ của BVSC.
Ông <b>LÊ HẢI PHONG</b> Phó Chủ tịch HĐQT	Đại diện quản lý 10,00% Vốn Điều lệ của BVSC.
Ông <b>LÊ VĂN BÌNH</b> Thành viên HĐQT	Đại diện quản lý 10,00% Vốn Điều lệ của BVSC.
Ông <b>TRƯƠNG NGỌC LÂN</b> Thành viên HĐQT	Đại diện quản lý 10,00% Vốn Điều lệ của BVSC.
Ông <b>NHỮ ĐÌNH HÒA</b> Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Hiện tại ông nắm giữ 0,15% Vốn Điều lệ của BVSC.

**Trong cơ cấu HĐQT có 4/5 thành viên HĐQT là người đại diện vốn của Tập đoàn Bảo Việt, đồng thời 4/5 thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia công tác điều hành Công ty nên các chỉ đạo của HĐQT đảm bảo tính khách quan trên cơ sở lợi ích của cổ đông và sự phát triển của BVSC.**

## CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT hiện chưa thành lập các tiểu ban nhưng HĐQT thực hiện phân công từng thành viên HĐQT thực hiện giám sát, theo dõi từng mảng hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Ông **Nguyễn Đức Tuấn** – Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm phụ trách chung và điều phối hoạt động của HĐQT, đồng thời trực tiếp chỉ đạo mảng chính sách và chiến lược phát triển của Công ty.
- Ông **Lê Hải Phong** – Phó Chủ tịch HĐQT phụ trách kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm, quản lý tài chính, quản lý cân đối tài sản nợ - tài sản có (ALCO) của Công ty.

- Ông **Trương Ngọc Lân** – Thành viên HĐQT phụ trách mảng đầu tư, quản trị rủi ro của Công ty.
- Ông **Lê Văn Bình** – Thành viên HĐQT phụ trách mảng kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập, nhân sự và lương thưởng, phối hợp công tác với các tổ chức Đảng và đoàn thể của Công ty.
- Ông **Nhữ Đình Hòa** – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật trực tiếp điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, đề xuất các kế hoạch kinh doanh, chiến lược kinh doanh trình HĐQT.



**Trong năm 2013, HĐQT đã ban hành 07 Nghị quyết vào các ngày 15/3/2013, 26/4/2013, 8/5/2013, 11/6/2013, 29/7/2013, 26/9/2013 và 25/11/2013.**

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 của Công ty tổ chức ngày 26/4/2013 đã bầu 02 thành viên HĐQT (Ông Nguyễn Đức Tuấn và Ông Trương Ngọc Lân) để thay thế cho 02 thành viên HĐQT (Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm và Ông Charles Gregory) từ nhiệm để nghỉ hưu và chuyển công tác. Hội đồng Quản trị BVSC đã họp và bầu Ông Nguyễn Đức Tuấn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT BVSC.

Trong năm 2013, HĐQT đã tổ chức 04 (bốn) cuộc họp định kỳ hàng quý và 03 (ba) phiên họp bất thường, trong đó tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến kế hoạch chiến lược của Công ty giai đoạn 2011 - 2015; tổ chức, quản trị doanh nghiệp, định hướng hoạt động đầu tư, hoạt động kinh doanh....HĐQT đã ban hành 07 Nghị quyết vào các ngày 15/3/2013, 26/4/2013, 8/5/2013, 11/6/2013, 29/7/2013, 26/9/2013 và 25/11/2013 với các nội

dung quan trọng được thông qua như sau:

- Thông qua kết quả kinh doanh năm 2012, ghi nhận kế hoạch kinh doanh năm 2013 để báo cáo ĐHĐCĐ chính thức phê duyệt và thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ 2013
- Phê duyệt Quyết toán Quỹ lương 2012, Kế hoạch nhân sự và tiền lương 2013.
- Bầu ông Nguyễn Đức Tuấn giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty kể từ ngày 26/04/2013 đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT (nhiệm kỳ 2010 – 2015) và thông qua phân công công việc đối với các thành viên HĐQT.
- Rà soát kế hoạch chiến lược 2011 – 2015, Rà soát Quy chế trả lương, Quy chế đầu tư.



- Phê duyệt chủ trương thoái vốn tại Công ty quản lý Quỹ đối tác toàn cầu.
- Phê duyệt các giao dịch phải được HĐQT chấp thuận.
- Bổ nhiệm 02 cán bộ làm Thư ký Công ty.
- Phê duyệt chủ trương đối với hoạt động margin, chủ trương triển khai thực hiện kết nối với Bloomberg thông qua chuẩn FIX.
- Thông qua việc báo cáo giao dịch mua bán cổ phiếu Công ty CP XNK Tổng hợp 1 (TH1).
- Ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty vào các thời điểm Quý I/2013, 4 tháng đầu năm, 09 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2013. Yêu cầu Công ty nỗ lực hơn nữa trong hoạt động kinh doanh để đảm bảo hoàn thành kế hoạch 2013 và đánh giá cụ thể từng mảng hoạt động để có giải pháp thực hiện và định hướng hoạt động dài hạn cho những năm tiếp theo.
- Ghi nhận Báo cáo của Công ty về kế hoạch kinh doanh 2014 và xây dựng định hướng hoạt động Tự doanh 2014.
- Phê duyệt chủ trương bổ sung quỹ tiền lương năm 2013, Kế hoạch quỹ lương 2014, điều chỉnh lương của Ban Tổng Giám đốc và kế hoạch mua sắm tài sản cố định 2014.
- Phê duyệt hạn mức vốn đầu tư mới.

- Phê duyệt phương án gia hạn trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu Tư Năm Bảy Bảy

### HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Không có

### HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

### DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Ông Nguyễn Đức Tuấn – Chủ tịch HĐQT: Chứng chỉ số 46/QĐ229 – TTNC cấp ngày 05/09/2013
- Ông Lê Hải Phong – Phó Chủ tịch HĐQT: Chứng chỉ số 9/QĐ193 – TTNC cấp ngày 31/07/2013
- Ông Lê Văn Bình – Thành viên HĐQT: Chứng chỉ số 06/QĐ229 – TTNC cấp ngày 05/09/2013
- Ông Trương Ngọc Lân – Thành viên HĐQT: Chứng chỉ số 05/QĐ193 – TTNC cấp ngày 31/07/2013
- Ông Nhữ Đình Hòa – Thành viên HĐQT: Chứng chỉ số 10/QĐ193 – TTNC cấp ngày 31/07/2013

# BAN KIỂM SOÁT

*Các thành viên Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT để nắm bắt và giám sát tình hình quản trị, điều hành Công ty.*



## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Ông **Phạm Trung Thành**: Trưởng Ban Kiểm soát - đại diện quản lý và nắm giữ 4,92% Vốn Điều lệ.
- Bà **Trần Thị Bích** - Thành viên - nắm giữ 0,01% Vốn Điều lệ.
- Bà **Lương Thị Bích Ngọc** - Thành viên - nắm giữ 0% Vốn Điều lệ.

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2013 Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động như sau:

- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát theo định kỳ việc chấp hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ, tình hình kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty trong năm 2013.
- Thực hiện giám sát HĐQT và Ban TGD trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý và tính trung thực, mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành kinh

doanh, trong tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty.

- Các thành viên Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT để nắm bắt và giám sát tình hình quản trị, điều hành Công ty
- Đã thực hiện giám sát nội dung, phạm vi tiến độ soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 và tổ chức thẩm tra các báo cáo tài chính năm 2013 được kiểm toán bởi E&Y Vietnam.

## ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

### • VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

- » Về kết quả kinh doanh: Năm 2013, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh ĐHĐCĐ giao. Cụ thể, tổng doanh thu đạt 207,4 tỷ đồng, bằng 112,7% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 85,8 tỷ đồng, bằng 110,7% kế hoạch năm.
- » Về các nội dung khác: Công ty đã thực hiện sửa đổi bổ sung Điều lệ lần thứ 7, ban hành Quy chế tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, Quy trình tổ chức cuộc họp HĐQT, Quy chế kiểm soát của BKS theo quy định và hướng dẫn tại Thông tư số 121/2012 và Thông tư số 210/2012 của Bộ Tài chính.

**“ Năm 2013, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh ĐHĐCĐ giao ”**

Ông **Phạm Trung Thành** - Trưởng Ban Kiểm soát



### • VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý, ngoài ra HĐQT thường xuyên thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản để ra các quyết định, chỉ đạo kinh doanh kịp thời. Trong hoạt động của HĐQT nói chung và các phiên họp nói riêng, các thành viên đều tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các nghị quyết và hoặc quyết định kịp thời để định hướng chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết ĐHĐCĐ và quy định pháp luật. Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ, các quy định pháp luật có liên quan. HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ quản lý Công ty. Qua quá trình giám sát Ban Kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành BVSC của HĐQT.

### • VỀ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH KINH DOANH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong quá trình giám sát Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, định kỳ báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh tới HĐQT. Ban Kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

### • VỀ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ CỔ ĐÔNG

Trong quá trình hoạt động giữa Ban Kiểm soát, HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của BVSC, của cổ đông và tuân thủ pháp luật, điều lệ và các quy chế nội bộ. Ban Kiểm soát chưa nhận được đơn thư hay yêu cầu khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ theo quy định pháp luật và điều lệ BVSC.



**HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý, ngoài ra HĐQT thường xuyên thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản để ra các quyết định, chỉ đạo kinh doanh kịp thời.**

## CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký Công ty: Công ty đã chi trả thù lao cho HĐQT, BKS và Thư ký Công ty theo đúng quy định tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2013 với mức cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 07 triệu đồng/người/tháng
- Phó Chủ tịch HĐQT : 06 triệu đồng/người/tháng
- Các Thành viên HĐQT : 05 triệu đồng/người/tháng
- Trưởng Ban Kiểm soát : 05 triệu đồng/người/tháng
- Các Thành viên Ban Kiểm soát : 04 triệu đồng/người/tháng
- Thư ký Công ty : 04 triệu đồng/người/tháng

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc : 3.076.935.222 đồng

Thu nhập của các cán bộ quản lý (không bao gồm BTGD): 15.154.035.565 đồng

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

**Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Trong năm 2013, Công ty tuân thủ tốt các quy định về quản trị theo đúng Thông tư số 121/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị Công ty đối với Công ty đại chúng, Thông tư số 210/2012 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty chứng khoán, cụ thể:

- Công ty đã thành lập cơ quan Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT
- Công ty có thành viên HĐQT phụ trách Quản trị rủi ro, thành lập bộ phận Quản trị rủi ro, bổ nhiệm Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro và xây dựng ban hành Chính sách và Hạn mức rủi ro.





Nhân rộng THÀNH CÔNG  
xanh cùng

# NĂM THÁNG

---

## PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp của Tổng Giám đốc về phát triển bền vững	80
Tổng quan hoạt động phát triển bền vững tại BVSC	82
Những chỉ tiêu cơ bản về phát triển bền vững tại BVSC trong năm 2013	92

## CON SỐ VÀ SỰ KIỆN

**200 triệu đồng là số tiền các CBNV BVSC đã quyên góp và đóng góp, xây dựng các chương trình từ thiện vì cộng đồng trong năm 2013**



04 đợt của chương trình **"Suất cơm từ thiện"** cùng hơn 800 suất cơm đã được BVSC trao cho bệnh nhân và người nhà có hoàn cảnh khó khăn tại Bệnh viện Việt Đức



"Đóng góp liên tục trong 02 đợt quyên góp xây dựng khu hành lễ nghĩa trang quốc gia đường 9 Trường Sơn, tài trợ chương trình **"Những trái tim đồng cảm"** dành cho trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh hay đồng hành cùng Tập đoàn Bảo Việt hỗ trợ đồng bào lũ lụt trong chương trình **"Vi Miền Trung ruột thịt"**... với số tiền là 50.000.000đ



440 suất quà dành cho học sinh Tiểu học, 500 người bệnh được khám và phát thuốc, 01 căn nhà tình nghĩa... đã được BVSC trao tặng trong chương trình **"Mang hơi ấm tới vùng cao"** tại Xã Sủng Trái, Hà Giang vào tháng 12/2013



Hơn 27 triệu là số tiền CBNV BVSC tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã quyên góp được và chuyển thành các suất quà gửi tới các bà con có hoàn cảnh khó khăn trong chương trình **"Đến với bà con nghèo Trà Vinh"** vào tháng 11/2013.



# THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

***Trong gần 15 năm thành lập và phát triển, luôn đi tiên phong trên thị trường, chúng tôi hiểu rằng BVSC không thể thành công nếu chỉ hướng tới các mục tiêu kinh doanh ngắn hạn mà quên đi mục tiêu phát triển bền vững.***

Phát triển bền vững là một khái niệm rộng, được hiểu là "sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại nhưng không ảnh hưởng tới khả năng của thế hệ tương lai đáp ứng nhu cầu của bản thân thế hệ tương lai". Ngày nay, ngày càng nhiều doanh nghiệp đặt ưu tiên vấn đề phát triển bền vững trong chiến lược và kế hoạch hành động của mình. Mục tiêu phát triển bền vững không chỉ dừng lại ở các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động tài chính và quản trị trong doanh nghiệp mà còn hướng tới các mục tiêu về môi trường và xã hội. Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững cần tuân thủ các chuẩn mực kinh doanh, bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, xây dựng quan hệ tốt với các bên liên quan, đảm bảo thực hiện các cam kết đối với người lao động cũng như trách nhiệm với cộng đồng.

Tại BVSC, mục tiêu phát triển bền vững được định hướng xuyên suốt từ tầm nhìn, sứ mệnh đến các kế hoạch hoạt động cụ thể hàng năm. Trong suốt những năm qua, BVSC đã luôn theo sát định hướng này, hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững thông qua tăng trưởng kinh doanh hàng năm, đảm bảo cam kết với khách hàng, cổ đông và người lao động trong Công ty đồng thời tăng cường trách nhiệm cộng đồng.

Trong gần 15 năm thành lập và phát triển, luôn đi tiên phong trên thị trường, chúng tôi hiểu rằng BVSC không thể thành công nếu chỉ hướng tới các mục tiêu kinh doanh ngắn hạn mà quên đi mục tiêu phát triển bền vững. Chúng tôi mong muốn những hoạt động của mình sẽ góp phần đồng hành cùng với Tập đoàn Bảo Việt, các đơn vị thành viên và các đối tác khác nhằm thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển.



# TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI BVSC TRONG NĂM 2013

## HIỆU QUẢ KINH DOANH TĂNG TRƯỞNG ĐỀU ĐẶN

Trong năm 2013 Công ty tiếp tục đạt kết quả kinh doanh khả quan so với kế hoạch giao và so với năm 2012. Đây là nền tảng quan trọng để Công ty thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Doanh thu, lợi nhuận đều vượt kế hoạch: Tổng doanh thu trong năm đạt 207,4 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 85,8 tỷ đồng, lần lượt vượt 12,7% và 10,7% so với kế hoạch năm.



***Ngoài việc tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của các cơ quan quản lý thị trường, BVSC chủ động công bố công khai và minh bạch tới các cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ hàng quý, bán niên và thường niên.***

Tài sản và nguồn vốn chủ sở hữu tăng so với 2012: Tổng tài sản của BVSC tại thời điểm 31/12/2013 là 1.792,69 tỷ đồng tương ứng mức tăng 17% so với ngày 31/12/2012. Vốn chủ sở hữu của BVSC tại thời điểm 31/12/2013 là 1.212,05 tỷ đồng tăng 8%. BVSC luôn nằm trong nhóm các công ty chứng khoán có hiệu quả kinh doanh cao nhất trong năm 2013.

Chỉ tiêu an toàn tài chính đạt mức cao: Tại thời điểm 31/12/2013, hệ số an toàn vốn khả dụng của BVSC đạt 553%, gấp hơn 3 lần so với chỉ tiêu vốn khả dụng quy định tại thông tư 26/2010/TT - BTC của Bộ tài chính là 180%.

## ĐẢM BẢO CAM KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

### • VỚI CỔ ĐÔNG

BVSC xây dựng và duy trì kênh thông tin hiệu quả với các cổ đông thông qua cổng thông tin điện tử (website) bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt. Ngoài việc tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của các cơ quan quản lý thị trường, BVSC chủ động công bố công khai và minh bạch tới các cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ hàng quý, bán niên và thường niên.

Hàng năm, BVSC công bố báo cáo thường niên chi tiết, báo cáo tài chính kiểm toán chi tiết tới công chúng đầu tư thông tại các kỳ họp Đại hội cổ đông thường niên và trên website của Công ty. Trong các kỳ Đại hội cổ đông, đại diện lãnh đạo BVSC trực tiếp chia sẻ thông tin cũng như đối thoại với cổ đông một cách công khai, minh bạch và hợp tác. Trong năm 2013, BVSC được tôn vinh là một trong 30 doanh nghiệp niêm yết minh bạch tiêu biểu theo bình chọn của HNX.





**Công ty cũng đã chính thức khai trương website mới phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh với những tính năng vượt trội và giao diện thân thiện với người dùng.**

• VỚI KHÁCH HÀNG

Trong năm 2013, thực hiện cam kết cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, BVSC đã liên tục cho ra mắt các sản phẩm và dịch vụ mới như hệ thống giao dịch BVS@Bloomberg cho phép kết nối trực tiếp đến mạng Bloomberg thông qua giao thức FIX, giao dịch trực tuyến với tính năng 24/7 cho phép khách hàng đặt lệnh bất cứ thời điểm nào trong ngày.... Công ty cũng đã chính thức khai trương website mới phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh với những tính năng vượt trội và giao diện thân thiện với người dùng, qua đó mở rộng khả năng kết nối với khách hàng, công chúng đầu tư nói chung. Những đầu tư và cải tiến liên tục về công nghệ thông tin giúp cho khách hàng của BVSC thực hiện các hoạt động đầu tư chủ động, linh hoạt, thuận tiện và hiệu quả hơn rất nhiều.

• VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ VÀ CƠ QUAN TRUYỀN THÔNG

Trong suốt gần 15 năm hình thành và phát triển, với vai trò là công ty chứng khoán đầu tiên tại thị trường chứng khoán Việt Nam, BVSC luôn song hành cùng các cơ quan quản lý thị trường trong các hoạt động xây dựng và phát triển thị trường. BVSC cũng tăng cường hợp tác và xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp với các cơ quan quản lý và cơ quan truyền thông ghi nhận. Trong năm 2013 Chủ tịch UBCKNN đã trao Bằng khen cho BVSC về thành tích xuất sắc trong hoạt động của thị trường trái phiếu thứ cấp, HNX cũng tôn vinh BVSC là 1 trong 6 thành viên tiêu biểu và là 1 trong 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch trên HNX 2013. Cũng trong năm 2013 BVSC cũng được trao giải TOP 30 Báo cáo thường niên tốt nhất 2013 do Báo Đầu tư chứng khoán và Sở Giao dịch HSX tổ chức, giải thưởng TOP 100 Thương hiệu mạnh 2013 với chủ đề Kinh doanh xanh...do Thời báo kinh tế Việt Nam bình chọn.



**Trong suốt gần 15 năm hình thành và phát triển, với vai trò là công ty chứng khoán đầu tiên tại thị trường chứng khoán Việt Nam, BVSC luôn song hành cùng các cơ quan quản lý thị trường trong các hoạt động xây dựng và phát triển thị trường. BVSC cũng tăng cường hợp tác và xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp với các cơ quan truyền thông trong và ngoài nước.**

VỐN CHỦ SỞ HỮU

1.212

TỶ ĐỒNG

TĂNG 8% SO VỚI NGÀY 31/12/2012

HỆ SỐ AN TOÀN VỐN KHẢ DỤNG

553%

GẤP HƠN 3 LẦN SO VỚI CHỈ TIÊU  
QUI ĐỊNH CỦA BỘ TÀI CHÍNH



**Năm 2013 tỷ lệ tuyển dụng tại BVSC là 24%, tăng 74,1% so với 2012.**

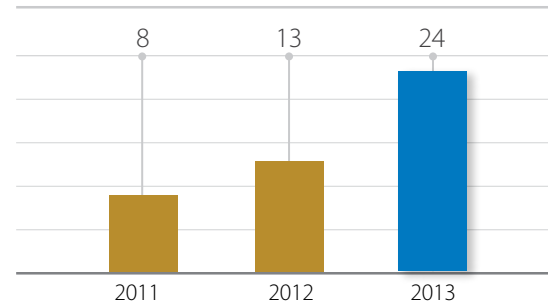


TỔNG CHI PHÍ BẢO HIỂM

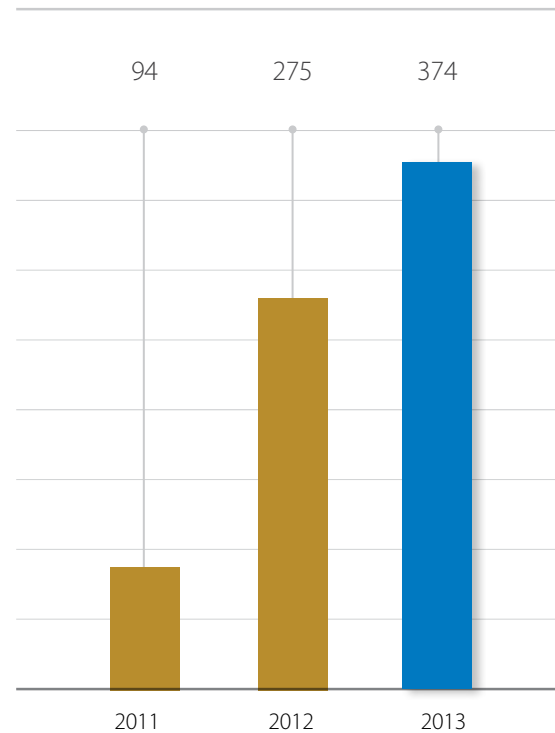
**2,4**

TỶ ĐỒNG

TỶ LỆ TUYỂN NHÂN SỰ MỚI 2011 - 2013 (%)



CHI PHÍ ĐÀO TẠO 2011 - 2013  
(TRIỆU ĐỒNG)



CÁN BỘ CÓ CHỨNG CHỈ HÀNH  
NGHỀ KINH DOANH CHỨNG  
KHOẢN CỦA BVSC CHIẾM

**42%**

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG

## ĐẢM BẢO CAM KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

### • VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hiệu quả kinh doanh tăng trưởng góp phần quan trọng để BVSC đẩy mạnh việc thực hiện những cam kết với người lao động trong việc tạo cơ hội việc làm, tăng trưởng thu nhập đảm bảo cải thiện cuộc sống, các cơ hội đào tạo, chính sách phúc lợi và các cam kết về bình đẳng giới trong Công ty.

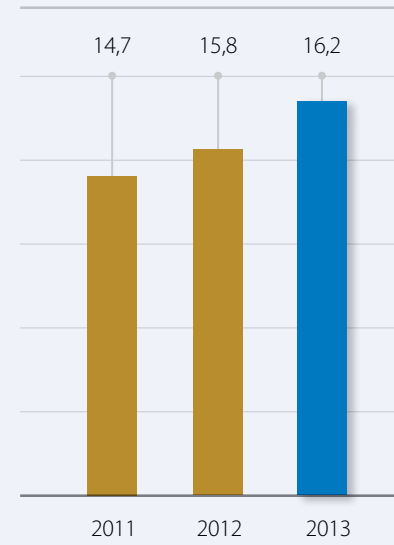
Trong năm 2013, trước yêu cầu thu hẹp quy mô hoạt động hoặc bị giải thể, nhiều Công ty chứng khoán vẫn tiếp tục phải cắt giảm nhân sự, tiền lương hoặc các chế độ phúc lợi khác nhằm giảm chi phí thì BVSC tiếp tục tăng cường tuyển dụng và đẩy mạnh công tác đào tạo. Năm 2013 tỷ lệ tuyển dụng tại BVSC là 24%, tăng 74,1% so với 2012. Công ty đã tiến hành hàng trăm lượt đào tạo cán bộ bao gồm đào tạo nghiệp vụ, đào tạo kỹ năng mềm cho cả đối tượng lao động cũ và mới, đồng thời thực hiện đào tạo hội nhập văn hóa BVSC dành cho cán bộ mới. Hiện nay tỷ lệ cán bộ có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán của BVSC chiếm 42% tổng số lao động và là mức cao trên thị trường.

Trong năm 2013, BVSC đã thực hiện nhiều thay đổi trong chính sách đãi ngộ tài chính cho người lao động. Công ty đã thực hiện một đợt điều chỉnh tiền lương chung toàn Công ty với mức tăng bình quân 7% so với năm 2012. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên rà soát và điều chỉnh chính sách chi trả thu nhập cho đội ngũ nhân viên mỗi giới nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Tổng thu nhập chi trả trong năm 2013 cho người lao động tại BVSC là 43,9 tỷ đồng, tương đương mức thu nhập bình quân là 16,2 triệu đồng/người/tháng, tăng gần 3% so với 2012. Bên cạnh việc đảm bảo các chế độ phúc lợi theo quy định của pháp luật như chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ phép năm, thai sản... BVSC tiếp tục duy trì một sản phẩm bảo hiểm bổ sung cho người lao động là Bảo hiểm Bảo Việt Healthcare. Tổng chi phí bảo hiểm Bảo Việt Healthcare trong năm 2013 đã chi trả là 902,8 triệu đồng, tăng 5,2% so với năm 2012.

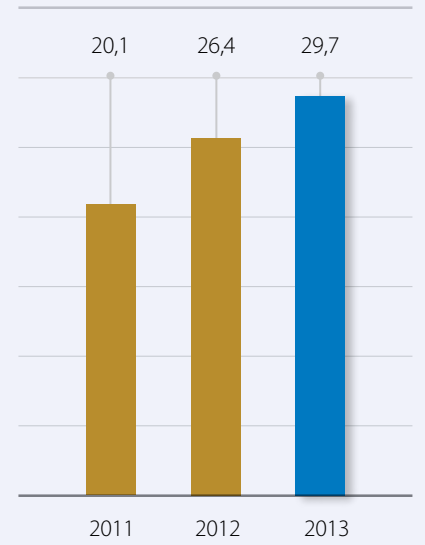




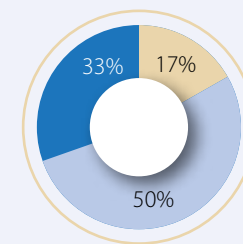
BIỂU ĐỒ THU NHẬP CỦA NLĐ 2011 - 2013  
(TRIỆU ĐỒNG/ NGƯỜI/ THÁNG)



BIỂU ĐỒ PHÚC LỢI 2011 - 2013 CHO NLĐ  
(TRIỆU ĐỒNG/ NGƯỜI/ NĂM)

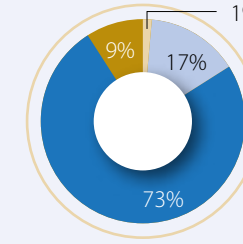


CƠ CẤU LAO ĐỘNG CÓ CHỨNG CHỈ  
HÀNH NGHỀ



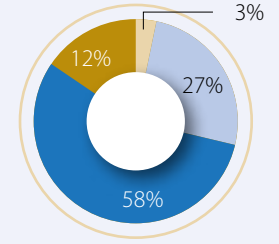
- CCHN Quản lý quỹ
- CCHN Môi giới
- CCHN Tự doanh

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ



- Tiến sĩ
- Thạc sĩ
- Cử nhân
- Khác

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO ĐỘ TUỔI



- Dưới 25 tuổi
- 25 - 30 tuổi
- 30 - 40 tuổi
- Trên 40 tuổi

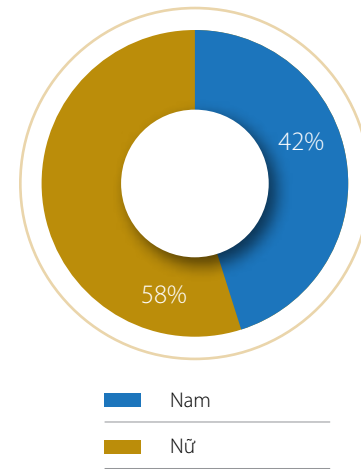
## ĐẢM BẢO CAM KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

### • VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG (TIẾP THEO)

Bên cạnh những đãi ngộ về tài chính, BVSC luôn chú trọng tạo ra một môi trường làm việc bình đẳng, thân thiện, cởi mở, đề cao các giá trị cá nhân thông qua các hoạt động tập huấn và xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Để thúc đẩy tinh thần đoàn kết, gắn bó và nâng cao văn hóa doanh nghiệp, BVSC đã tổ chức các chương trình tập huấn kết hợp giao lưu và nghỉ dưỡng tại Phú Quốc và Cát Bà trong tháng 07/2013.

Mục tiêu bình đẳng giới là một cam kết của BVSC trong chiến lược phát triển bền vững. Tại BVSC, tỷ lệ lao động là nữ giới chiếm 58% tổng số lao động, trong đó tỷ lệ nữ giới nắm các vị trí quản lý chủ chốt trung và cao cấp tại BVSC chiếm 43%. Năm 2013, BVSC chính thức thành lập Ủy ban vì sự tiến bộ phụ nữ BVSC theo quyết định số 113/2013/QĐ - BVSC ngày 06/11/2013. Thông qua kế hoạch hành động của Ủy ban được xây dựng bám sát chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2015, BVSC đề cao và tạo mọi điều kiện để thúc đẩy quyền bình đẳng giới cho người động trên mọi phương diện.

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO GIỚI TÍNH 2013



**Mục tiêu bình đẳng giới là một cam kết của BVSC trong chiến lược phát triển bền vững. Tại BVSC, tỷ lệ lao động là nữ giới chiếm 58% tổng số lao động, trong đó tỷ lệ nữ giới nắm các vị trí quản lý chủ chốt trung và cao cấp tại BVSC chiếm 43%.**

### • TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Với mục tiêu phát triển bền vững, đồng hành cùng Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên trong các hoạt động xã hội, hàng năm BVSC đều xây dựng các kế hoạch hoạt động tích cực hướng tới cộng đồng. Trong năm 2013, BVSC đã tham gia quyên góp đợt 2 cho Khu hành lễ nghĩa trang đường 9, ủng hộ đồng bào Miền Trung lũ lụt thông qua chương trình “**Kết nối yêu thương – Vì miền Trung ruột thịt**” do Tập đoàn Bảo Việt phát động... BVSC đã phát động và tổ chức thành công các chương trình từ thiện lớn trong suốt cả năm bao gồm: “**Suất cơm từ thiện**” dành cho người nhà

và bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn tại bệnh viện Việt Đức trong suốt 4 quý; chương trình “**Đến với bà con nghèo Trà Vinh**” do cán bộ nhân viên tại chi nhánh Hồ Chí Minh thực hiện và đặc biệt chương trình “**Mang hơi ấm tới vùng cao**” đã dành tặng Nhà tình nghĩa, lương thực, thực phẩm, chăn và quần áo ấm, và khám chữa bệnh miễn phí cho gần 500 người dân tại Xã Sủng Trái – Huyện Đồng Văn – Tỉnh Hà Giang. Các hoạt động đã và đang được triển khai tại BVSC có ý nghĩa sâu sắc thể hiện tinh thần, văn hóa, bản sắc BVSC hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của mình.


**Với mục tiêu phát triển bền vững, đồng hành cùng Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên trong các hoạt động xã hội, hàng năm BVSC đều xây dựng các kế hoạch hoạt động tích cực hướng tới cộng đồng.**



## MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI BVSC

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LIỆU 2013
Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch	Phòng	7
Tổng số CBNV	Người	241
<b>Kinh tế</b>		
Doanh thu	tỷ đồng	207,4
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	85,8
Tổng thuế nộp ngân sách nhà nước	tỷ đồng	7,74
Tổng các khoản chi trả cho người lao động (bao gồm tiền lương và các khoản an sinh khác)	tỷ đồng	50,6
<b>Xã hội</b>		
<b>Cán bộ nhân viên</b>		
Tỷ lệ cán bộ nữ giữ vai trò quản lý	%	43
Cơ cấu theo độ tuổi lao động		
Dưới 25 tuổi	%	3,3
25 - <30 tuổi	%	27
30 - <40 tuổi	%	58
>=40 tuổi	%	11,7
Tỷ lệ cán bộ nữ	%	58
Quỹ BH xã hội, BH y tế, BH healthcare	tỷ đồng	2,4
<b>Đầu tư cho hoạt động cộng đồng</b>		
Tổng chi phí thực hiện	Triệu đồng	197
Xóa đói giảm nghèo	Triệu đồng	62,2
Đầu tư cho giáo dục, thể hệ trẻ	Triệu đồng	70
Tri ân các anh hùng liệt sỹ	Triệu đồng	55
Hoạt động ASXH khác	Triệu đồng	10





VƯỢT LÊN THÁCH THỨC  
VƯỜN TỚI **TÂM CAO**

---

BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	100
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	103
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	104
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	139



## THÔNG TIN CHUNG

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”, “BVSC”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP - UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mức vốn điều lệ là 43.000.000.000 đồng Việt Nam.

Ngày 13 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) theo Quyết định số 51/QĐ - TTGDHN ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) và Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 33/2006 - GCNCP - TTLK ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngày 10 tháng 12 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Quyết định số 288/UBCK - GP điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD với mức vốn điều lệ mới là 722.339.370.000 đồng Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, số 8, Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và chi nhánh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 223 Đông Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### MẠNG LƯỚI KINH DOANH

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, số 8, Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và chi nhánh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 223 Đông Khởi, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

Tên Phòng giao dịch	Địa chỉ
Phòng môi giới và giao dịch (Hà Nội)	Tòa nhà Bảo Việt, số 8, Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Phòng giao dịch số 1 (Hà Nội)	94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Phòng giao dịch Mỹ Đình (Hà Nội)	Số 8 Nguyễn Cơ Thạch, Mỹ Đình, Hà Nội
Phòng môi giới và giao dịch (TP Hồ Chí Minh)	11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Phòng giao dịch 146 Nguyễn Văn Cừ (TP Hồ Chí Minh)	146 Nguyễn Văn Cừ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

### NHÂN VIÊN

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 241 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 219 người).

### SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Ngày 26 tháng 04 năm 2013, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013. Đại hội đã thông qua việc bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị trong thời gian còn lại của Nhiệm kỳ 2010 - 2015 với số lượng bổ sung, thay thế là 02 thành viên, phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt bổ nhiệm Ông Nguyễn Đức Tuấn giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2010 Nghỉ hưu theo chế độ ngày 26 tháng 04 năm 2013
Ông Lê Hải Phong	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2010
Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2010
Ông Trương Ngọc Lân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2013
Ông Charles Bernard Gregory	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2010 Chuyển công tác ngày 26 tháng 04 năm 2013
Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2010

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Trung Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2010
Bà Trần Thị Bích	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2010
Bà Lương Thị Bích Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2010

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng giám đốc trong năm tài chính và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nhữ Đình Hòa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 03 năm 2011
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 07 năm 2013
Ông Võ Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2011

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày lập báo cáo này là Ông Nhữ Đình Hòa, chức danh: Tổng Giám đốc Công ty.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Ông Nguyễn Đức Tuấn  
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

Số tham chiếu: 60780870/16489218

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2014 và được trình bày từ trang 06 đến trang 56, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ và báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



**Saman Bandara**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036 - 2013 - 004 - 1

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 03 năm 2014

**Lê Đức Linh**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1672 - 2013 - 004 - 1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

ngày 31 tháng 12 năm 2013

B01-CTCK

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b>		1.644.929.366.173	1.245.457.527.196
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	4	534.918.374.257	598.724.776.910
111	1. Tiền		357.215.274.257	266.114.276.910
112	2. Các khoản tương đương tiền		177.703.100.000	332.610.500.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	6	662.321.404.963	422.867.197.098
121	1. Chứng khoán thương mại		270.629.081.844	434.614.870.359
128	2. Đầu tư ngắn hạn khác		512.143.782.675	170.309.354.266
129	3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(120.451.459.556)	(182.057.027.527)
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	7	442.716.037.938	220.115.444.990
131	1. Phải thu của khách hàng		1.428.264.108	1.293.919.255
132	2. Trả trước cho người bán		7.410.179.850	6.603.288.600
135	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		358.381.076.838	190.351.336.238
138	Các khoản phải thu khác		93.190.604.858	34.436.204.596
139	5. Dự phòng phải thu khó đòi		(17.694.087.716)	(12.569.303.699)
150	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		4.973.549.015	3.750.108.198
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.350.548.043	683.989.150
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	187.171
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	20.1	3.273.243.302	2.668.258.877
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		349.757.670	397.673.000
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		147.765.486.175	289.400.833.311
220	<b>I. Tài sản cố định</b>		8.389.397.745	12.565.514.601
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	5.960.032.981	8.138.052.610
222	Nguyên giá		26.717.692.677	30.904.550.527
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.757.659.696)	(22.766.497.917)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	2.429.364.764	4.427.461.991
228	Nguyên giá		10.470.716.440	10.470.716.440
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.041.351.676)	(6.043.254.449)
250	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	6	119.112.223.000	257.417.881.419
253	1. Chứng khoán đầu tư		157.614.223.000	280.198.173.000
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		107.736.573.000	140.275.973.000
255	Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		49.877.650.000	139.922.200.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(38.502.000.000)	(22.780.291.581)
260	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		20.263.865.430	19.417.437.291
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.819.124.879	4.468.315.577
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	16.902.340.251	14.406.721.414
268	3. Tài sản dài hạn khác		542.400.300	542.400.300
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		1.792.694.852.348	1.534.858.360.507

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 26 là một phần của các BCTC này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

ngày 31 tháng 12 năm 2013

B01-CTCK

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		580.640.946.983	409.227.159.433
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		580.640.946.983	409.227.159.433
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	20.000.000.000
312	2. Phải trả người bán	12	8.958.535.842	7.755.670.061
313	3. Người mua trả tiền trước		1.819.300.000	1.949.715.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20.2	1.914.652.686	1.042.997.175
315	5. Phải trả người lao động		18.838.357.155	15.172.815.955
316	6. Chi phí phải trả		854.431.819	1.066.704.553
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	13	331.975.838.414	246.491.207.124
321	8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		10.377.664.610	12.387.215.055
322	9. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	14	1.911.831.075	2.056.186.752
323	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		506.267.343	716.067.343
328	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	203.484.068.039	100.588.580.415
400	<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		1.212.053.905.365	1.125.631.201.074
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		1.212.053.905.365	1.125.631.201.074
411	1. Vốn điều lệ đã góp		722.339.370.000	722.339.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720	610.253.166.720
414	3. Cổ phiếu quỹ		(228.000.000)	(228.000.000)
417	4. Quỹ dự phòng tài chính	16.2	14.322.179.098	14.322.179.098
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	16.2	14.322.179.098	14.322.179.098
420	6. Lỗ lũy kế		(148.954.989.551)	(235.377.693.842)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		1.792.694.852.348	1.534.858.360.507

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 26 là một phần của các BCTC này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

ngày 31 tháng 12 năm 2013

B01-CTCK

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
002	1. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	-
004	2. Phải thu khó đòi đã xử lý		390.400.000	390.400.000
006	3. Chứng khoán lưu ký		16.546.388.370.000	17.155.622.420.000
	<i>Trong đó:</i>			
007	3.1. Chứng khoán giao dịch		16.097.420.410.000	16.639.066.360.000
008	3.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		47.762.600.000	108.564.490.000
009	3.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		15.933.284.950.000	16.415.906.430.000
010	3.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		116.372.860.000	114.595.440.000
012	3.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		253.706.530.000	406.059.660.000
013	3.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		152.000.000	152.000.000
014	3.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		253.464.030.000	405.817.160.000
015	3.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài		90.500.000	90.500.000
017	3.3. Chứng khoán cầm cố		195.261.430.000	110.496.400.000
019	3.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		195.261.430.000	110.496.400.000
082	4. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		2.733.484.330.000	2.627.749.400.000
083	5. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		302.559.370.000	300.058.160.000



Bà **Vũ Thị Thùy Linh**  
Phó phòng Tài chính Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2014



Bà **Nguyễn Hồng Thủy**  
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông **Nhữ Đình Hòa**  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 26 là một phần của các BCTC này.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
01	1. Doanh thu	17	207.350.609.633	208.669.756.466
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		44.720.895.335	48.803.171.620
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		50.138.398.752	54.729.249.587
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		1.650.000.000	62.995.770
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		92.284.007	-
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		6.180.753.634	5.180.687.568
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		2.952.805.849	3.278.935.430
01.7	- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		109.362.728	21.281.750
01.9	- Doanh thu khác		101.506.109.328	96.593.434.741
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		207.350.609.633	208.669.756.466
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	18	(71.360.197.291)	(89.939.055.285)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		135.990.412.342	118.730.701.181
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(49.733.339.018)	(41.368.739.522)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		86.257.073.324	77.361.961.659
31	8. Thu nhập khác		26.818.182	79.637.584
32	9. Chi phí khác		(466.171.640)	(123.414.101)
40	10. Lợi nhuận / (lỗ) khác		(439.353.458)	(43.776.517)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		85.817.719.866	77.318.185.142
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.3	-	-
60	13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		85.817.719.866	77.318.185.142
70	14. Lãi trên cổ phiếu			
	<i>- Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>	22	1.188	1.071



Bà **Vũ Thị Thùy Linh**  
Phó phòng Tài chính Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2014



Bà **Nguyễn Hồng Thủy**  
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông **Nhữ Đình Hòa**  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 26 là một phần của các BCTC này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN</b>				
01	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh		8.514.157.975.991	6.437.856.267.593
02	Tiền chi hoạt động kinh doanh		(8.599.690.041.725)	(6.477.054.713.322)
05	Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		(1.071.588.185)	(1.495.618.837)
06	Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng		40.877.174.346.557	37.679.028.477.743
07	Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng		(40.757.597.892.928)	(37.513.396.243.174)
08	Tiền thu bán chứng khoán phát hành		235.639.924.475	99.519.250.400
09	Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán		(247.546.878.562)	(100.219.083.419)
10	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(26.654.964.606)	(122.753.742.459)
11	Tiền chi trả cho người lao động		(41.503.911.251)	(39.087.887.285)
12	Tiền chi trả lãi vay		(1.523.741.746)	(317.202.207)
13	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-
14	Tiền thu khác		316.334.685.758	239.404.497.517
15	Tiền chi khác		(303.994.993.922)	(295.771.417.523)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>		<b>(36.277.080.144)</b>	<b>(94.287.414.973)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.297.535.094)	(165.377.400)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		21.818.182	7.818.181
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(737.172.180.950)	(514.438.509.300)
26	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		635.933.120.982	552.548.415.763
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		94.985.454.371	96.421.757.009
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>(7.529.322.509)</b>	<b>134.374.104.253</b>

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 26 là một phần của các BCTC này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B03-CTCK

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	50.000.000.000	70.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(70.000.000.000)	(50.000.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>	<b>(20.000.000.000)</b>	<b>20.000.000.000</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(63.806.402.653)</b>	<b>60.086.689.280</b>
60	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>598.724.776.910</b>	<b>538.638.087.630</b>
61	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	-	-
70	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>534.918.374.257</b>
			<b>598.724.776.910</b>


Bà **Vũ Thị Thùy Linh**  
Phó phòng Tài chính Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2014




Bà **Nguyễn Hồng Thủy**  
Trưởng phòng Tài chính Kế toánÔng **Nhữ Đình Hòa**  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 26 là một phần của các BCTC này.

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B09-CTCK

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B05-CTCK

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm		Số dư cuối năm			
		Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay		
A	B	1	2	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		722.339.370.000	722.339.370.000	-	-	-	-	722.339.370.000	722.339.370.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720	610.253.166.720	-	-	-	-	610.253.166.720	610.253.166.720
3. Cổ phiếu quỹ		(228.000.000)	(228.000.000)	-	-	-	-	(228.000.000)	(228.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	16	14.322.179.098	14.322.179.098	-	-	-	-	14.322.179.098	14.322.179.098
5. Quỹ dự phòng tài chính	16	14.322.179.098	14.322.179.098	-	-	-	-	14.322.179.098	14.322.179.098
6. Lợi nhuận chưa phân phối		(312.695.878.984)	(235.377.693.842)	77.318.185.142	-	86.422.704.291(*)	-	(235.377.693.842)	(148.954.989.551)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.048.313.015.932</b>	<b>1.125.631.201.074</b>	<b>77.318.185.142</b>	<b>-</b>	<b>86.422.704.291</b>	<b>-</b>	<b>1.125.631.201.074</b>	<b>1.212.053.905.365</b>

(\*) Khoản này bao gồm Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và khoản tăng 604.984.425 VND sau khi đối chiếu số liệu với cơ quan Thuế.

Bà **Vũ Thị Thùy Linh**  
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà **Nguyễn Hồng Thủy**  
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông **Nhữ Đình Hòa**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 26 là một phần của các BCTC này.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mức vốn điều lệ là 43.000.000.000 đồng Việt Nam.

Ngày 13 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) theo Quyết định số 51/QĐ-TTGDHN ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) và Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 33/2006-GCNCP-TTLK ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngày 10 tháng 12 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Quyết định số 288/UBCK-GP điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD với mức vốn điều lệ mới là 722.339.370.000 đồng Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng") phù hợp với Chế độ Kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, tiền gửi của nhà đầu tư tại các tài khoản ngân hàng được mở bởi Công ty cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày là tiền và các khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Sổ nhật ký chung.

### 2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

### 2.4 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Thay đổi trong chính sách kế toán

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính những năm trước và cho năm tài chính 2013 được áp dụng nhất quán, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ sau:

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013. Theo quy định của Thông tư này, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; và
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên.

Theo đó, kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Công ty thực hiện giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản cố định có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng trên bảng cân đối kế toán, đồng thời ghi nhận giá trị còn lại của các tài sản này vào chi phí trong thời gian không quá 3 năm.

### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của khách hàng cho mục đích giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế

lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

### 3.4 Tài sản cố định hữu hình và Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình và vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	2- 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3- 5 năm
Tài sản vô hình khác	3 - 4 năm

### 3.7 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.8 Các khoản đầu tư tài chính

#### 3.8.1 Đầu tư chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán thương mại

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào,

bán ra chứng khoán để kiểm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Đầu tư tài chính ngắn hạn được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Chi phí hoạt động kinh doanh”.

#### 3.8.2 Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư dài hạn với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán phi phái sinh hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định mà công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Một loại chứng khoán đầu tư sẽ không được xếp vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện hành hoặc trong hai năm tài chính gần nhất, được bán hoặc phân loại lại với số lượng đáng kể các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trước ngày đáo hạn, trừ khi việc bán và phân loại lại là:

- Rất gần với thời điểm đáo hạn;
- Công ty đã thu về phần lớn tiền vốn gốc của loại chứng khoán theo kế hoạch thanh toán hoặc được thanh toán trước hạn, hoặc;
- Do một sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của công ty, sự kiện này mang tính đơn lẻ không lặp lại và không thể dự đoán trước được.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu có bằng chứng khách quan cho thấy sự giảm giá trị chứng khoán.

#### 3.8.3 Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài của khoản đầu tư.

#### 3.9 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

##### 3.9.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và đầu tư chứng khoán dài hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá



gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, là ngày giao dịch cuối cùng của năm.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán và/hoặc các mô hình định giá chứng khoán của Công ty theo thông lệ Việt Nam và quốc tế. Trong trường hợp các nguồn thông tin đáng tin cậy như trên không có sẵn trên thị trường, các chứng khoán này sẽ được phản ánh theo giá gốc.

### 3.9.2 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư ngắn hạn cho các hợp đồng hợp tác đầu tư được trích lập theo đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư dài hạn khác được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính.

### 3.10 Chứng khoán mua lại và bán lại theo hợp đồng có kỳ hạn

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản/chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu/nợ chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.12 Lợi ích của nhân viên

Trong năm 2013, công ty đã đóng góp các khoản BHYT, BHXH, BHTN và chi trả các khoản bảo hiểm, trợ cấp theo đúng quy định của nhà nước.

#### 3.12.1 Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Các trường hợp phát sinh chi trả trợ cấp thôi việc tại công ty được hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

### 3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

### 3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

gia quyền của chứng khoán.

## Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ phần lãi trước ngày mua chứng khoán nợ được hạch toán giảm giá vốn chứng khoán.

## Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là thu nhập khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu. Trong trường hợp này, Công ty không ghi nhận thu nhập mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

## Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

## Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

### 3.16 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

### 3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.18 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định của Thông tư số 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 01 tháng 02 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

Năm 2013, Công ty không thực hiện tiến hành trích lập các quỹ nêu trên do lợi nhuận năm 2013 chưa đủ bù đắp lỗ lũy kế của các năm trước.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	68.784.377	21.067.400
Tiền gửi ngân hàng	357.146.489.880	266.093.209.510
- Tiền gửi của Công ty	26.526.493.126	20.682.507.314
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	330.619.996.754	245.410.702.196
Các khoản tương đương tiền	177.703.100.000	332.610.500.000
	<b>534.918.374.257</b>	<b>598.724.776.910</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 5. GIÁ TRỊ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm
	VNĐ	VNĐ
<b>1. Cửa Công ty chứng khoán</b>	<b>24.466.782</b>	<b>931.229.096.690</b>
- Cổ phiếu	18.634.276	346.273.810.460
- Trái phiếu	5.299.356	580.327.448.230
- Chứng khoán khác	533.150	4.627.838.000
<b>2. Cửa nhà đầu tư</b>	<b>2.013.455.022</b>	<b>47.440.425.631.689</b>
- Cổ phiếu	1.761.734.823	20.920.786.270.586
- Trái phiếu	250.238.819	26.503.407.680.103
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	1.481.380	16.231.681.000

## 6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>662.321.404.963</b>	<b>422.867.197.098</b>
Chứng khoán thương mại	270.629.081.844	434.614.870.359
Đầu tư ngắn hạn khác	512.143.782.675	170.309.354.266
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(120.451.459.556)	(182.057.027.527)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>119.112.223.000</b>	<b>257.417.881.419</b>
Chứng khoán đầu tư	157.614.223.000	280.198.173.000
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	107.736.573.000	140.275.973.000
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	49.877.650.000	139.922.200.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(38.502.000.000)	(22.780.291.581)
	<b>781.433.627.963</b>	<b>680.285.078.517</b>

## 6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 6.1 Tình hình đầu tư tài chính

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (VNĐ)	So với giá thị trường (VNĐ)		Tổng giá trị theo giá thị trường (VNĐ)
			Tăng	Giảm	
<b>I. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>					
<b>1. Chứng khoán thương mại</b>					
Cổ phiếu niêm yết	4.755.622	112.992.612.000	1.424.314.850	(33.108.707.150)	81.308.219.700
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.079.187	81.982.859.144	508.500	(49.823.469.217)	32.159.898.427
Chứng chỉ quỹ	4.866.855	75.653.610.700	9.858.239.364	(2.266.225.600)	83.245.624.464
	<b>13.701.664</b>	<b>270.629.081.844</b>	<b>11.283.062.714</b>	<b>(85.198.401.967)</b>	<b>196.713.742.591</b>
<b>2. Đầu tư tài chính ngắn hạn khác</b>					
Đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	N/A	275.000.000.000	-	-	275.000.000.000
Trái phiếu	1.284.970	218.000.404.448	3.371.007.639	(16.109.679.362)	205.261.732.725
Hợp tác đầu tư ngắn hạn	N/A	19.143.378.227	-	(19.143.378.227)	-
	<b>1.284.970</b>	<b>512.143.782.675</b>	<b>3.371.007.639</b>	<b>(35.253.057.589)</b>	<b>480.261.732.725</b>
	<b>14.986.634</b>	<b>782.772.864.519</b>	<b>14.654.070.353</b>	<b>(120.451.459.556)</b>	<b>676.975.475.316</b>
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>					
<b>1. Chứng khoán đầu tư</b>					
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>					
Cổ phiếu chưa niêm yết	7.260.047	87.775.973.000	-	(38.502.000.000)	49.273.973.000
Trái phiếu	200.000	19.960.600.000	39.400.000	-	20.000.000.000
	<b>7.460.047</b>	<b>107.736.573.000</b>	<b>39.400.000</b>	<b>(38.502.000.000)</b>	<b>69.273.973.000</b>
<i>Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>					
Trái phiếu	500.000	49.877.650.000	122.350.000	-	50.000.000.000
	<b>500.000</b>	<b>49.877.650.000</b>	<b>122.350.000</b>	<b>-</b>	<b>50.000.000.000</b>
	<b>7.960.047</b>	<b>157.614.223.000</b>	<b>161.750.000</b>	<b>(38.502.000.000)</b>	<b>119.273.973.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

### 6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 6.2 Chi tiết danh mục đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị ghi sổ (VNĐ)	Giảm so với giá thị trường (VNĐ)	Tổng giá trị thị trường (VNĐ)
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
DHM	20.000	404.000.000	(248.000.000)	156.000.000
HVX	730.970	10.401.332.150	(7.258.161.150)	3.143.171.000
KLS	370.016	3.327.095.300	(107.956.100)	3.219.139.200
KSB	11.298	362.633.710	(121.986.310)	240.647.400
PET	118.503	2.555.932.170	(91.069.770)	2.464.862.400
PHC	390.400	7.292.489.000	(5.848.009.000)	1.444.480.000
SJS	140.000	6.172.236.920	(3.582.236.920)	2.590.000.000
TIX	880.273	28.032.798.670	(11.659.720.870)	16.373.077.800
VHC	141.484	4.069.364.670	(744.490.670)	3.324.874.000
VNM	65.007	8.965.969.000	(190.024.000)	8.775.945.000
VOS	200.002	3.841.762.650	(2.941.753.650)	900.009.000
Cổ phiếu khác	609.976	14.626.725.110	(315.298.710)	14.311.426.400
Cổ phiếu không giảm so với giá thị trường	1.077.693	22.940.272.650	-	24.364.587.500
	<b>4.755.622</b>	<b>112.992.612.000</b>	<b>(33.108.707.150)</b>	<b>81.308.219.700</b>
<b>Chứng chỉ quỹ</b>				
VFMVFA	780.000	7.907.950.000	(2.266.225.600)	5.641.724.400
VFMVF1	4.086.855	67.745.660.700	-	77.603.900.064
	<b>4.866.855</b>	<b>75.653.610.700</b>	<b>(2.266.225.600)</b>	<b>83.245.624.464</b>

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị ghi sổ (VNĐ)	Giảm so với giá thị trường (VNĐ)	Tổng giá trị thị trường (VNĐ)
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
DANAPHA	91.000	3.738.000.000	(1.158.241.000)	2.579.759.000
DUOCHANOI	359.388	6.987.720.000	(2.943.886.224)	4.043.833.776
DUOCTU3	127.953	3.532.924.500	(1.230.410.265)	2.302.514.235
HOADAUKHIVIDAMO	500.000	6.600.000.000	(3.752.500.000)	2.847.500.000
LILAMA693	92.000	2.760.000.000	(2.263.108.000)	496.892.000
MEDIPLANTEX	262.500	7.875.000.000	(3.399.637.500)	4.475.362.500
OTO3.2	240.000	4.680.000.000	(2.266.080.000)	2.413.920.000
PMT	20.000	1.059.173.000	(997.173.000)	62.000.000
VAFCO	642.000	13.740.000.000	(6.656.172.000)	7.083.828.000
XNKDN	200.000	2.140.000.000	(1.154.800.000)	985.200.000
Cổ phiếu khác	975.283	24.002.344.620	(24.001.461.228)	1.391.892
Cổ phiếu không giảm so với giá thị trường	569.063	4.867.697.024	-	4.867.697.024
	<b>4.079.187</b>	<b>81.982.859.144</b>	<b>(49.823.469.217)</b>	<b>32.159.898.427</b>
<b>Trái phiếu đầu tư ngắn hạn</b>				
	<b>1.284.970</b>	<b>218.000.404.448</b>	<b>(16.109.679.362)</b>	<b>201.890.725.086</b>
<b>Hợp tác đầu tư ngắn hạn</b>				
	<b>N/A</b>	<b>19.143.378.227</b>	<b>(19.143.378.227)</b>	<b>-</b>
<b>Hợp đồng tiền gửi</b>				
	<b>9</b>	<b>275.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>292.802.931.420</b>
<b>Tổng các khoản đầu tư ngắn hạn</b>				
	<b>N/A</b>	<b>782.772.864.519</b>	<b>(120.451.459.556)</b>	<b>691.612.906.197</b>

#### 6.3 Chi tiết danh mục đầu tư dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giảm so với giá thị trường VNĐ	Tổng giá trị thị trường VNĐ
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
Thủy điện Bắc Hà	6.000.000	75.000.000.000	(38.502.000.000)	36.498.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Dầu khí toàn cầu	1.260.047	12.775.973.000	-	12.775.973.000
<b>Tổng các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>7.260.047</b>	<b>87.775.973.000</b>	<b>(38.502.000.000)</b>	<b>49.273.973.000</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Dự phòng đã trích lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Phải thu của khách hàng	1.293.919.255	-	-	34.925.498.810	34.791.153.957	1.428.264.108	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	6.603.288.600	1.447.875.000	400.000.000	3.912.267.956	3.105.376.706	7.410.179.850	1.447.875.000	400.000.000	(1.847.875.000)
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	190.351.336.238	-	3.860.018.930	8.245.796.859.699	8.077.767.119.099	358.381.076.838	-	4.716.594.017	(4.716.594.017)
- Phải thu của khách hàng về phí giao dịch, phí lưu ký	751.353.587	-	-	47.273.276.604	47.143.769.221	880.860.970	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch margin	99.475.743.237	-	-	2.163.246.378.930	2.019.934.573.377	242.787.548.790	-	-	-
- Phải thu hoạt động ứng trước	89.820.232.614	-	-	6.035.277.204.165	6.010.688.776.501	114.408.660.278	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	304.006.800	-	-	-	-	304.006.800	-	-	-
4. Các khoản phải thu khác	34.436.204.596	11.121.428.699	-	139.400.514.312	80.646.114.050	93.190.604.858	11.121.428.699	8.190.000	(11.129.618.699)
- Lãi tiền gửi	10.148.865.376	-	-	40.019.434.193	29.599.935.578	20.568.363.991	-	-	-
- Cổ tức	766.180.807	-	-	4.970.823.542	5.674.344.249	62.660.100	-	-	-
- Trái tức	12.318.883.567	-	-	41.097.824.163	42.032.255.667	11.384.452.063	-	-	-
- Các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	-	-	-	50.011.258.889	-	50.011.258.889	-	-	-
- Phải thu khác	11.202.274.846	11.121.428.699	-	3.301.173.525	3.339.578.556	11.163.869.815	11.121.428.699	8.190.000	(11.129.618.699)
<b>Tổng các khoản phải thu</b>	<b>232.684.748.689</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.424.035.140.777</b>	<b>8.196.309.763.812</b>	<b>460.410.125.654</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(12.569.303.699)	-	-	(5.124.784.017)	-	(17.694.087.716)	-	-	-
	<b>220.115.444.990</b>	<b>12.650.149.846</b>	<b>5.082.342.901</b>	<b>8.415.826.522.342</b>	<b>8.193.225.929.394</b>	<b>442.716.037.938</b>	<b>12.611.744.815</b>	<b>5.082.342.901</b>	<b>(17.694.087.716)</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VNĐ	Dụng cụ quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá:</b>				
Tại ngày 01/01/2013	25.218.431.370	4.174.058.703	1.512.060.454	30.904.550.527
Tăng do đầu tư, mua sắm mới	1.026.902.800	-	-	1.026.902.800
Giảm trong năm (*)	(4.373.654.967)	-	(840.105.683)	(5.213.760.650)
Tại ngày 31/12/2013	21.871.679.203	4.174.058.703	671.954.771	26.717.692.677
<b>Hao mòn lũy kế:</b>				
Tại ngày 01/01/2013	18.603.963.947	2.702.124.734	1.460.409.236	22.766.497.917
Khấu hao trong năm	2.500.332.060	564.191.712	27.071.688	3.091.595.460
Giảm trong năm (*)	(4.262.224.657)	-	(838.209.024)	(5.100.433.681)
Tại ngày 31/12/2013	16.842.071.350	3.266.316.446	649.271.900	20.757.659.696
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Tại ngày 01/01/2013	6.614.467.423	1.471.933.969	51.651.218	8.138.052.610
Tại ngày 31/12/2013	5.029.607.853	907.742.257	22.682.871	5.960.032.981

(\*) Bao gồm các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định theo TT 45/2013/TT-BTC.

## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VNĐ	Khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá:</b>			
Ngày 1 tháng 1 năm 2013	7.502.928.184	2.967.788.256	10.470.716.440
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.502.928.184	2.967.788.256	10.470.716.440
<b>Giá trị hao mòn:</b>			
Ngày 01 tháng 01 năm 2013	4.256.522.440	1.786.732.009	6.043.254.449
Khấu hao trong năm	1.721.106.771	276.990.456	1.998.097.227
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	5.977.629.211	2.063.722.465	8.041.351.676
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Ngày 01 tháng 01 năm 2013	3.246.405.744	1.181.056.247	4.427.461.991
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	1.525.298.973	904.065.791	2.429.364.764

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	2.027.625.594	3.653.295.390
Chi phí mua công cụ, dụng cụ	562.669.218	99.846.884
Chi phí sửa chữa cải tạo	-	715.173.303
Chi phí trả trước dài hạn khác	228.830.067	-
	<b>2.819.124.879</b>	<b>4.468.315.577</b>

## 11. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Số dư đầu năm	14.406.721.414	11.906.721.414
Tiền nộp bổ sung trong năm	1.071.588.185	1.495.618.837
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.424.030.652	1.004.381.163
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>16.902.340.251</b>	<b>14.406.721.414</b>

## 12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Phải trả Tập Đoàn Bảo Việt	6.918.605.590	5.993.338.329
Phải trả người bán khác	2.039.930.252	1.762.331.732
	<b>8.958.535.842</b>	<b>7.755.670.061</b>

## 13. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Phải trả Sở giao dịch chứng khoán	1.078.867.182	781.651.958
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán	276.974.478	298.852.970
Phải trả tổ chức, cá nhân khác (*)	330.619.996.754	245.410.702.196
	<b>331.975.838.414</b>	<b>246.491.207.124</b>

(\*) Phải trả tổ chức, cá nhân khác là khoản phải trả tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 14. PHẢI TRẢ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
<b>Tại Văn phòng Hà Nội</b>	<b>779.179.125</b>	<b>846.254.512</b>
Công ty Xuất Nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre	225.533.000	225.533.000
Tổ chức khác	553.646.125	620.721.512
<b>Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>	<b>1.132.651.950</b>	<b>1.209.932.240</b>
Tập đoàn Bảo Việt	498.357.500	498.357.500
Công ty CP Kido – KDC	135.000.000	135.000.000
Công ty CP Dược phẩm Imexpharm – IMP	113.460.000	113.460.000
Tổ chức khác	385.834.450	463.114.740
	<b>1.911.831.075</b>	<b>2.056.186.752</b>

## 15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Kinh phí công đoàn	1.143.929.297	1.667.579.653
Bảo hiểm xã hội	24.383.739	21.561.080
Bảo hiểm thất nghiệp	6.483.917	1.638.000
Phải trả hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán	192.729.880.893	93.379.897.406
Phải trả khác	9.579.390.193	5.517.904.276
	<b>203.484.068.039</b>	<b>100.588.580.415</b>

## 16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 16.1 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	31/12/2013	31/12/2012
Số cổ phiếu đăng ký phát hành	72.233.937	72.233.937
Số cổ phiếu phát hành	72.233.937	72.233.937
- Cổ phiếu phổ thông	72.233.937	72.134.237
- Cổ phiếu ưu đãi	-	99.700
Số cổ phiếu quỹ	15.200	15.200
Số cổ phiếu hiện hành	72.218.737	72.218.737
- Cổ phiếu phổ thông	72.218.737	72.119.037
- Cổ phiếu ưu đãi	-	99.700

Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng Việt Nam.

### 16.2 Các quỹ

	Số đầu năm VNĐ	Trích trong năm VNĐ	Sử dụng trong năm VNĐ	Số cuối năm VNĐ
Quỹ dự phòng tài chính	14.322.179.098	-	-	14.322.179.098
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	14.322.179.098	-	-	14.322.179.098
	<b>28.644.358.196</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>28.644.358.196</b>

## 17. DOANH THU

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
<b>1. Doanh thu</b>		
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	44.720.895.335	48.803.171.620
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	50.138.398.752	54.729.249.587
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	1.650.000.000	62.995.770
Doanh thu đại lý phát hành	92.284.007	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	6.180.753.634	5.180.687.568
Doanh thu lưu ký chứng khoán	2.952.805.849	3.278.935.430
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	109.362.728	21.281.750
Doanh thu khác	101.506.109.328	96.593.434.741
- Thu nhập lãi	65.208.307.289	62.249.570.527
- Thu từ hoạt động margin	9.326.145.620	14.327.272.959
- Thu từ ứng trước tiền bán chứng khoán	22.513.690.419	11.624.419.009
- Thu khác	4.457.966.000	8.392.172.246
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>207.350.609.633</b>	<b>208.669.756.466</b>

## 18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	41.133.476.267	40.107.157.135
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	51.942.196.551	28.700.873.785
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	77.291.272	5.154.547
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	8.580.350.978	9.955.079.143
Chi phí tư vấn cho nhà đầu tư	6.976.809.066	8.492.327.812
Chi phí hoạt động phân tích	6.609.292.828	6.377.785.443
Hoàn nhập dự phòng	(45.883.859.552)	(4.416.309.285)
Chi phí khác	1.924.639.881	716.986.705
	<b>71.360.197.291</b>	<b>89.939.055.285</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	23.460.727.650	20.437.264.563
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	1.219.360.553	1.107.455.779
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.720.654.330	4.319.582.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.451.104.378	11.730.127.357
Chi phí bằng tiền khác	3.756.708.090	2.326.434.092
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	5.124.784.017	1.447.875.000
	<b>49.733.339.018</b>	<b>41.368.739.522</b>

## 20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

### 20.1 Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Đây là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty nộp thừa vào năm 2008. Khoản này sẽ được tất toán với Cơ quan Thuế khi Công ty hoạt động có lãi bù trừ được với số lỗ lũy kế còn được chuyển lỗ từ các năm trước. (Chi tiết khoản thuế phải thu xem thuyết minh số 20.3).

### 20.2 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	88.010.877	25.375.012
Thuế thu nhập cá nhân	1.698.204.713	925.102.724
Thuế khác	128.437.096	92.519.439
	<b>1.914.652.686</b>	<b>1.042.997.175</b>

Chi tiết Thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày dưới đây:

STT	Chỉ tiêu	1/1/2013	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2013
		VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
I	<b>Thuế</b>	<b>1.042.997.175</b>	<b>16.684.332.929</b>	<b>(15.812.677.418)</b>	<b>1.914.652.686</b>
1	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	25.375.012	1.444.128.216	(1.381.492.351)	88.010.877
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
3	Các loại thuế khác	1.017.622.163	15.240.204.713	(14.431.185.067)	1.826.641.809
	<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>676.519.818</i>	<i>3.721.284.842</i>	<i>(3.838.569.360)</i>	<i>559.235.300</i>
	<i>Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư</i>	<i>248.582.906</i>	<i>9.562.944.642</i>	<i>(8.672.558.135)</i>	<i>1.138.969.413</i>
	<i>Thuế khác</i>	<i>92.519.439</i>	<i>1.955.975.229</i>	<i>(1.920.057.572)</i>	<i>128.437.096</i>
		<b>1.042.997.175</b>	<b>16.684.332.929</b>	<b>(15.812.677.418)</b>	<b>1.914.652.686</b>

## Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng ("GTGT") với phương pháp tính thuế là phương pháp khấu trừ. Các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

## 20.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất là 25% lợi nhuận tính thuế trong năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	85.817.719.866	77.318.185.142
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán	39.540.626.082	76.169.893.673
- Thu nhập cổ tức không chịu thuế	(4.970.823.542)	(7.360.346.986)
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	44.511.449.624	83.530.240.659
<b>Lợi nhuận tính thuế điều chỉnh trước căn trừ lỗ năm trước</b>	<b>125.358.345.948</b>	<b>153.488.078.815</b>
Lỗ các năm trước chuyển sang	(125.358.345.948)	(153.488.078.815)
Thu nhập tính thuế ước tính kỳ hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN trả trước đầu năm</b>	<b>(2.668.258.877)</b>	<b>(2.668.258.877)</b>
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Bổ sung theo quyết toán thuế	(604.984.425)	-
<b>Thuế TNDN trả trước cuối năm</b>	<b>(3.273.243.302)</b>	<b>(2.668.258.877)</b>



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

### 20.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản lỗ lũy kế tính thuế là 199.869.005.049 đồng Việt Nam có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai, số lỗ lũy kế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo số quyết toán thuế của cơ quan thuế. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2013(*)	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2013
		VND	VND	VND
2008	2013	(473.415.585.611)	422.819.537.464	(50.596.048.147) (**)
2010	2015	(101.013.048.539)	-	(101.013.048.539)
2011	2016	(98.855.956.510)	-	(98.855.956.510)
<b>Tổng cộng</b>		<b>(673.284.590.660)</b>	<b>422.819.537.464</b>	<b>(250.465.053.196)</b>

(\*) Công ty đã tạm thời thực hiện việc cản trừ lỗ lũy kế từ các năm trước chuyển sang đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Việc cản trừ sẽ được thực hiện theo kết quả kinh doanh của năm tài chính và sẽ được quyết toán bởi cơ quan thuế.

(\*\*) Khoản này có thể được cản trừ đến hết năm 2013 nên sẽ không được cản trừ cho các năm sau.

Thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ ở các năm trước chưa được ghi nhận đối với các khoản mục chênh lệch tạm thời do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

## 21. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Tập đoàn Bảo Việt	Công ty mẹ	Thuê văn phòng	(11.397.766.878)
		Chi phí CNTT	(1.468.250.834)
Bảo hiểm Bảo Việt	Công ty cùng Tập đoàn	Phí bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho nhân viên	(592.252.866)
		Bảo Việt Nhân thọ	Công ty cùng Tập đoàn
		Phí giao dịch chứng khoán	4.252.384.878
Công ty CP Đầu tư Bảo Việt	Công ty cùng Tập đoàn	Thuê văn phòng	(2.497.651.937)

Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) VND
Tập đoàn Bảo Việt	Công ty mẹ	Thuê văn phòng	(4.410.183.738)
		Phí lưu ký chứng khoán	180.715.325
		Phí CNTT	(2.353.307.177)
Bảo Việt Nhân thọ	Công ty cùng Tập đoàn	Phí lưu ký chứng khoán	25.700.798
Bảo hiểm Bảo Việt	Công ty cùng Tập đoàn	Phí bảo hiểm healthcare cho nhân viên	(286.931.826)
Công ty CP Đầu tư Bảo Việt	Công ty cùng Tập đoàn	Thuê văn phòng	(1.251.758.508)
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Công ty cùng Tập đoàn	Phí lưu ký chứng khoán	137.010.072

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương của Ban Tổng Giám đốc	3.076.935.222	2.435.534.645
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	369.000.000	-
	<b>3.445.935.222</b>	<b>2.435.534.645</b>

## 22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế	85.817.719.866	77.318.185.142
Lợi nhuận để phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	85.817.719.866	77.318.185.142
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	72.218.787	72.218.737
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.188	1.071

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

### 23. CÁC THÔNG TIN KHÁC

#### 23.1 Cam kết thuê hoạt động

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động đến hạn:		
Trong vòng 1 năm	16.739.603.033	19.966.489.923
Từ 1 đến 5 năm	4.054.416.958	19.911.150.445
Trên 5 năm	-	-
<b>Tổng giá trị tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động</b>	<b>20.794.019.991</b>	<b>39.877.640.368</b>

#### 23.2 Cam kết khác bán/mua lại chứng khoán theo hợp đồng cam kết bán/mua lại chứng khoán có kỳ hạn ("hợp đồng repo")

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có cam kết mua lại trái phiếu như sau:

Danh mục	Ngày cam kết	Ngày cam kết mua lại	Số lượng cổ phiếu	Giá trị bán VNĐ	Giá trị cam kết mua lại VNĐ
<b>Trái phiếu</b>					
TD1114053	27/12/13	27/3/14	500.000	53.359.500.000	54.122.613.945
TD1318024	30/12/13	27/3/14	200.000	20.970.000.000	21.265.000.000
BID10306	25/11/13	25/2/14	500.000	49.700.000.000	50.439.000.000
BID1_206	31/12/13	25/3/14	700.000	68.373.900.000	69.302.100.000
				<b>192.403.400.000</b>	<b>195.128.713.945</b>

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có cam kết bán lại trái phiếu như sau:

Danh mục	Ngày cam kết	Ngày cam kết bán lại	Số lượng cổ phiếu	Giá trị mua VNĐ	Giá trị cam kết bán lại VNĐ
<b>Trái phiếu</b>					
Trái phiếu doanh nghiệp	27/12/2013	27/03/2014	700.000	50.000.300.000	50.986.600.000
				<b>50.000.300.000</b>	<b>50.986.600.000</b>

#### 23.3 Các khoản nợ tiềm tàng

##### Bảo lãnh thanh toán

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có thực hiện các nghiệp vụ hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán với ngân hàng thương mại. Theo đó, Công ty sẽ thay mặt ngân hàng để quản lý tài sản đảm bảo là số dư tiền gửi và chứng khoán của nhà đầu tư gửi tại Công ty. Công ty được hưởng phí từ việc quản lý tài sản. Trong trường hợp nhà đầu tư không trả được nợ gốc và lãi khi đến hạn thì Ngân hàng có quyền trích tiền trong tài khoản của Công ty mở tại ngân hàng để thanh toán nợ và Công ty có toàn quyền xử lý tài sản đảm bảo của khách hàng.

Chi tiết dư nợ của các nhà đầu tư tại ngân hàng mà Công ty đang thực hiện quản lý tài sản đảm bảo và cam kết thanh toán nợ thay tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2013 VNĐ
	VNĐ
Ngân hàng TMCP Quân Đội	111.790.408.519
<b>Tổng giá trị</b>	<b>111.790.408.519</b>

### 24. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Hệ thống quản lý rủi ro (QLRR) tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) được thực hiện nhằm mục đích giảm thiểu các sự kiện rủi ro có thể xảy ra đồng thời tạo điều kiện để BVSC đạt được các mục tiêu kinh doanh và lợi nhuận một cách ổn định, an toàn và hiệu quả.

BVSC đã thành lập Hội đồng quản lý rủi ro (HĐQLRR) nhằm đưa ra khuôn khổ và thực hiện nhiệm vụ QLRR, tham mưu cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các hoạt động QLRR tại BVSC.

Công tác QLRR được HĐQLRR rà soát định kỳ nhằm phản ánh kịp thời những biến động của thị trường và các hoạt động kinh doanh của công ty nói chung cũng như rủi ro tác động tới công cụ tài chính nói riêng.

Các công cụ tài chính tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt chịu sự tác động của 3 loại rủi ro chính là: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro này như tổng hợp dưới đây.

#### 24.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường ảnh hưởng tới Công ty bao gồm hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá các công cụ tài chính. Công ty không có rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ do Công ty không nắm giữ ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán và các khoản cho vay và phải thu.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản vay ngắn hạn, các khoản repo và hoạt động giao dịch ký quỹ (margin). Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức thấp do trái phiếu của Công ty là trái phiếu có lãi suất cố định. Các khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn được đánh giá là chịu mức rủi ro trung bình bởi xu hướng giảm lãi suất trong thời gian gần đây có tác động trực tiếp tới thu nhập từ tiền gửi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để thu thập các lãi suất có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

## 24. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 24.1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

#### Rủi ro về giá cổ phiếu đối với danh mục tự doanh

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các hạn mức đầu tư theo Quy chế đầu tư số 60/2010/QĐ-HĐQT ban hành ngày 16 tháng 12 năm 2010.

Danh mục các cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá trên sàn giao dịch hằng ngày. Và rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty thông qua việc trích lập dự phòng.

Với mục đích giảm sự tác động của rủi ro thị trường mà cụ thể là rủi ro giá cổ phiếu tới kết quả kinh doanh của công ty, trong một vài năm gần đây, BVSC đã chủ trương tái cơ cấu danh mục theo hướng giảm tỷ trọng đầu tư cổ phiếu. Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2013, danh mục cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) chiếm tỷ trọng 20,24%/vốn chủ sở hữu.

Công cụ đánh giá rủi ro mà BVSC sử dụng là phương pháp phân tích kịch bản (scenario analysis) được sử dụng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của biến động giá trị hợp lý danh mục cổ phiếu lên kết quả kinh doanh khi đưa ra các kịch bản thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy mức độ ảnh hưởng của biến động danh mục cổ phiếu niêm yết lên KQKD khi chỉ số thị trường hai sàn chứng khoán biến động +/-10%:

	Biến động của giá thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế (VNĐ)
<b>31 tháng 12 năm 2013</b>		
Kịch bản 1	+10%	3.528.428.080
Kịch bản 2	-10%	(6.809.952.220)
<b>31 tháng 12 năm 2012</b>		
Kịch bản 1	+10%	23,153,113,413
Kịch bản 2	-10%	(23,658,557,363)

## Rủi ro giá cổ phiếu nằm trong danh mục giao dịch ký quỹ

Khi mức giá chứng khoán biến động quá lớn có thể khiến cho tổng giá trị tài sản đảm bảo thấp hơn giá trị khoản vay khiến cho BVSC chịu rủi ro thanh toán từ phía khách hàng.

## 24.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. BVSC phải đối mặt với những rủi ro thanh toán khi tham gia ký kết vào những khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, mua trái phiếu doanh nghiệp, và những hợp đồng giao dịch ký quỹ.

### Tiền gửi ngân hàng

Để quản trị rủi ro tín dụng, BVSC chỉ thực hiện gửi tiền có kỳ hạn tại các ngân hàng được xếp hạng tín dụng tốt thuộc nhóm 1 và 2 theo đánh giá của Khối Quản lý Rủi ro Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt. Thêm vào đó BVSC cũng tuân thủ theo hạn mức tín dụng khi gửi tiền tại các ngân hàng này theo mức mà tập đoàn đã quy định nhằm tránh rủi ro tích tụ. Thực tế cho thấy BVSC không gặp phải tình trạng chậm thanh toán hay buộc phải gia hạn thêm với các khoản đầu tư tiền gửi. Rủi ro tín dụng với công cụ đầu tư này được đánh giá là thấp.

### Đầu tư trái phiếu

BVSC đầu tư vào cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư đề ra của Hội đồng quản trị BVSC. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau khi thực hiện Quy trình đầu tư của Công ty, theo đó mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành sẽ được đánh giá một cách cụ thể. Rủi ro chính của hoạt động đầu tư trái phiếu Doanh nghiệp là khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành tại thời điểm thanh toán lãi trái tức và gốc trái phiếu và việc xử lý tài sản đảm bảo (nếu có) trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán. Trái phiếu Chính phủ ít rủi ro hơn do việc thanh toán đã được Chính phủ bảo lãnh.

### Hoạt động giao dịch ký quỹ

Công ty đã xây dựng chính sách đánh giá tín nhiệm và xét xếp loại khách hàng để quản trị rủi ro này. Chính sách được thực hiện bằng việc phân tích và đánh giá về lịch sử giá trị giao dịch của khách hàng, các thông tin về sự tín nhiệm và tuân thủ khác trong quá trình khách hàng giao dịch tại Công ty cũng như các công ty chứng khoán khác (nếu có). Các khách hàng đều được đánh giá trước khi đàm phán về điều kiện xếp loại và hạn mức vay ký quỹ.

Ngoài ra, Công ty còn nắm giữ một số lượng chứng khoán nhất định của khách hàng làm tài sản đảm bảo khi thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ. Để quản trị số tài sản đảm bảo này cũng như tránh các rủi ro kép từ sự biến động giá của thị trường và rủi ro tích tụ từ nhiều khách hàng, Công ty đã đưa ra chính sách về quản lý danh mục chứng khoán được phép vay ký quỹ cũng như hạn mức của từng mã cổ phiếu được nhận làm tài sản đảm bảo. Danh mục này được xây dựng từ việc phân tích, đánh giá các yếu tố như: sự biến động về giá, tính thanh khoản của từng cổ phiếu trong tháng... Danh mục này cũng đảm bảo tuân thủ quy định của UBCK theo như Quyết định số 637/2011/QĐ-UBCK ngày 30 tháng 08 năm 2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## 24. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH(tiếp theo)

### 24.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng còn được quản trị qua việc xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ và các điều kiện xử lý bán tài sản đảm bảo, nhằm thu hồi vốn vay khi Công ty đối mặt với việc khách hàng giảm, mất độ tín nhiệm và không thực

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

hiện được việc bổ sung tài sản đảm bảo hoặc không tất toán món vay khi đến hạn.

Bảng việc thực hiện các chính sách quản trị rủi ro đồng bộ, hoạt động giao dịch ký quỹ đang được đánh giá là có mức rủi ro tín dụng trung bình thấp.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong Thuyết minh số 6 và Thuyết minh số 7, chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Tổng cộng
		Dưới 3 tháng	3 – 6 tháng	6 – 12 tháng	Trên 1 năm	
<b>31 tháng 12 năm 2013</b>						
<b>Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định</b>	<b>573.005.841.379</b>	-	-	-	-	<b>573.005.841.379</b>
Sẵn sàng để bán – Chứng khoán Nợ	73.146.901.371	-	-	-	-	73.146.901.371
Cho vay và phải thu – Chứng khoán Nợ	209.966.525.778	-	-	-	-	209.966.525.778
Cho vay và phải thu – Hợp đồng tiền gửi	289.892.414.230	-	-	-	-	289.892.414.230
<b>Tài sản tài chính khác</b>	<b>416.607.263.467</b>	-	-	-	-	<b>416.607.263.467</b>
Phải thu cổ tức	62.660.100	-	-	-	-	62.660.100
Phải thu thương mại	359.809.340.946	-	-	-	-	359.809.340.946
Phải thu khác	56.735.262.421	-	-	-	-	56.735.262.421
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>534.918.374.257</b>	-	-	-	-	<b>534.918.374.257</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.524.531.479.103</b>	-	-	-	-	<b>1.524.531.479.103</b>

## 24.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và trách nhiệm trong ngắn hạn. Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là nhằm đảm bảo cân đối giữa các luồng tiền và các cam kết tài chính khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, rủi ro thanh khoản xuất hiện khi BVSC tham gia vào các hoạt động kinh doanh trong đó có tồn tại về các cam kết tài chính trong ngắn hạn như hoạt động thanh toán bù trừ. Ngoài ra còn rủi ro thanh khoản khi chứng khoán dùng làm tài sản đảm bảo trong giao dịch ký quỹ chưa thể xử lý do thiếu hụt thanh khoản trên thị trường.

Chính sách của BVSC là luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của cơ quan quản lý, và các tiêu chuẩn nội bộ về chứng khoán thuộc danh mục giao dịch ký quỹ nên rủi ro thanh khoản rất thấp và chưa từng xảy ra trường hợp mất thanh khoản nào trong việc thanh toán bù trừ và trong giao dịch ký quỹ.

## 24.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Đơn vị: triệu đồng

	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 – 03 năm	Từ 03 – 05 năm	Từ 05 – 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
<b>31 tháng 12 năm 2013</b>							
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>							
Đầu tư kỳ hạn cố định	-	490.811	46.626	64.165	-	-	601.602
Sẵn sàng để bán – Chứng khoán Nợ	-	57.820	3.360	23.360	-	-	84.540
Cho vay và phải thu – Chứng khoán Nợ	-	131.075	43.266	40.805	-	-	215.146
Cho vay và phải thu – Hợp đồng tiền gửi	-	301.916	-	-	-	-	301.916
<b>Đầu tư vốn</b>	<b>234.705</b>	-	-	-	-	-	<b>234.705</b>
Sẵn sàng để bán	81.431	-	-	-	-	-	81.431
Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	153.273	-	-	-	-	-	153.273
<b>Tài sản tài chính khác</b>	-	<b>416.607</b>	-	-	-	-	<b>416.607</b>
Phải thu cổ tức	-	63	-	-	-	-	63
Phải thu thương mại khác	-	359.809	-	-	-	-	359.809
Phải thu khác	-	56.735	-	-	-	-	56.735
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	-	<b>534.918</b>	-	-	-	-	<b>534.918</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>234.705</b>	<b>1.442.336</b>	<b>46.626</b>	<b>64.165</b>	-	-	<b>1.787.832</b>
<b>NỢ TÀI CHÍNH</b>							
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	-
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	331.976	-	-	-	-	331.976
Chi phí phải trả	-	854	-	-	-	-	854
Phải trả, phải nộp khác	-	221.645	-	-	-	-	221.645
<b>TỔNG CỘNG</b>	-	<b>554.476</b>	-	-	-	-	<b>554.476</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 25. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này trên báo cáo tài chính. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính kèm theo.

## 25. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày trong báo cáo tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ VNĐ	Dự phòng giảm giá trị VNĐ	Tổng VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
<b>31 tháng 12 năm 2013</b>				
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>				
<b>Đầu tư kỳ hạn cố định</b>	<b>589.115.520.741</b>	<b>(16.109.679.362)</b>	<b>573.005.841.379</b>	<b>573.339.540.018</b>
Sẵn sàng để bán – Chứng khoán Nợ	73.146.901.371	-	73.146.901.371	74.618.968.782
Cho vay và phải thu – Chứng khoán Nợ	226.076.205.140	(16.109.679.362)	209.966.525.778	205.917.639.817
Cho vay và phải thu – Hợp đồng tiền gửi	289.892.414.230	-	289.892.414.230	292.802.931.420
<b>Đầu tư vốn</b>	<b>358.405.054.844</b>	<b>(123.700.401.967)</b>	<b>234.704.652.877</b>	<b>246.193.222.691</b>
Sẵn sàng để bán	169.756.064.220	(88.324.732.017)	81.431.332.203	81.431.840.703
Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	188.648.990.624	(35.375.669.950)	153.273.320.674	164.761.381.988
<b>Tài sản tài chính khác</b>	<b>453.044.729.410</b>	<b>(36.437.465.943)</b>	<b>416.607.263.467</b>	<b>416.607.263.467</b>
Phải thu cổ tức	62.660.100	-	62.660.100	62.660.100
Phải thu thương mại khác	359.809.340.946	-	359.809.340.946	359.809.340.946
Phải thu khác	93.172.728.364	(36.437.465.943)	56.735.262.421	56.735.262.421
<b>Tiền và các khoản tương đương</b>	<b>534.918.374.257</b>	<b>-</b>	<b>534.918.374.257</b>	<b>534.918.374.257</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.935.483.679.252</b>	<b>(176.247.547.272)</b>	<b>1.759.236.131.980</b>	<b>1.771.058.400.433</b>
<b>NỢ TÀI CHÍNH</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	331.975.838.414	-	331.975.838.414	331.975.838.414
Chi phí phải trả	854.431.819	-	854.431.819	854.431.819
Phải trả, phải nộp khác	221.645.471.538	-	221.645.471.538	221.645.471.538
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>554.475.741.771</b>	<b>-</b>	<b>554.475.741.771</b>	<b>554.475.741.771</b>

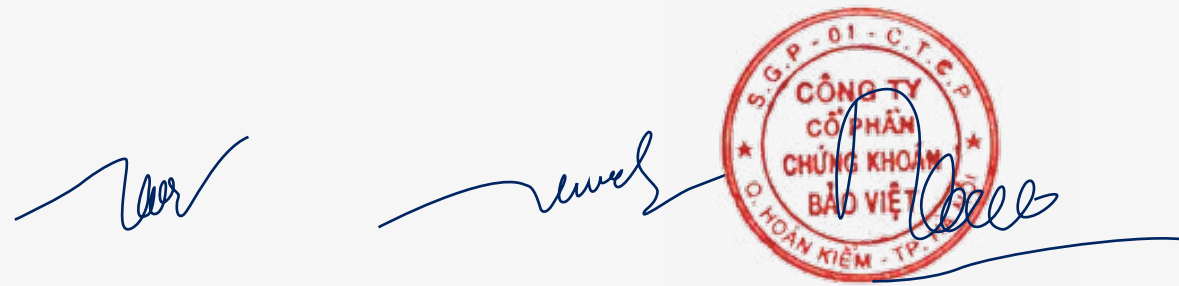
## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

### 26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.



Bà **Vũ Thị Thùy Linh**  
Phó phòng Tài chính Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

Bà **Nguyễn Hồng Thủy**  
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông **Nhữ Đình Hòa**  
Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG)

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) kèm theo được lập phù hợp với Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông **Nhữ Đình Hòa**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
(BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013



Kính gửi: Hội đồng Thành viên  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 24.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) phù hợp với quy định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư số 165/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) đã được lập và trình bày phù hợp với quy định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư số 165/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thuyết minh số 2 và 3 trong Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



**Saman Bandara**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2036-2013-004-1

**Lê Đức Linh**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 1672-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 03 năm 2014

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tại thời điểm: 31 tháng 12 năm 2013  
Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Bà **Nguyễn Hồng Thủy**  
Trưởng phòng Tài chính  
Kế toán

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 03 năm 2014

Bà **Vũ Thu Hòa**  
Phó phòng pháp chế &  
Kiểm soát Nội bộ



Ông **Nhữ Đình Hòa**  
Tổng Giám đốc

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

(BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	CÁC CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	4	110.046.945.679
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	5	44.856.273.716
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	6	60.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		214.903.219.395
5	Vốn khả dụng	7	1.188.020.515.411
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)(%)		553

Bà **Nguyễn Hồng Thủy**  
Trưởng phòng Tài chính  
Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

Bà **Vũ Thu Hòa**  
Phó phòng pháp chế &  
Kiểm soát Nội bộ



Ông **Nhữ Đình Hòa**  
Tổng Giám đốc

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Văn bản pháp quy và các diễn giải được áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC và Thông tư 165/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 226/2010/TT-BTC quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày báo cáo.

**Các cách thức diễn giải được Công ty áp dụng trong trường hợp đặc thù không có hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 226/2010/TT-BTC, thông tư 165/2012/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư 226/2010/TT-BTC.**

### 2.2 Đồng tiền trên báo cáo

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) CHỦ YẾU

### 3.1 Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 226/2010/TT-BTC như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

### 3.2 Vốn khả dụng

Theo quy định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC, vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu sẵn sàng để đáp ứng các nghĩa vụ đến hạn trong vòng 90 ngày.

### 3.3 Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi và được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Vị thế ròng} \times \text{Giá tài sản} \times \text{Hệ số rủi ro thị trường}$$

### 3.4 Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định như sau:



# BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

(BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán x Giá trị tiềm ẩn rủi ro

## 3.5 Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới tháng gần nhất, hoặc 20% Vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi: chi phí khấu hao; dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn; dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn; dự phòng phải thu khó đòi.

## 4. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>			
1. Tiền (VND)	0	357.215.274.257	-
2. Các khoản tương đương tiền	0	177.703.100.000	-
3. Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ	0	-	-
<b>II. Trái phiếu Chính phủ</b>			
4. Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5. Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định	-	-	-
5.1 Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD	3	75.316.375.103	2.259.491.253
Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3	-	-
5.2 Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4	-	-
Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5	-	-

## 4. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>			
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
6. Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	50.193.698.636	10.038.739.727
Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	161.136.111.049	40.284.027.762
7. Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-
<b>IV. Cổ phiếu</b>			
8. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	75.075.354.700	7.507.535.470
9. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	6.232.865.000	934.929.750
10. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	63.994.210	12.798.842
11. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
12. Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	81.369.057.617	40.684.528.809

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

(BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>			
13. Quỹ đại chúng	10	83.245.624.464	8.324.562.446
14. Quỹ thành viên	30	-	-
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>			
15. Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40	781.800	312.720
16. Chứng khoán bị huỷ niêm yết, huỷ giao dịch	50	37.800	18.900
17. Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	-	-
<b>VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>			
Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1. TP_NBB_BOND2009 (*)	10	-	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)</b>			<b>110.046.945.679</b>

## 5. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

	Giá trị rủi ro VND
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.1)	27.162.186.000
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.2)	17.694.087.716
<b>Tổng giá trị rủi ro thanh toán</b>	<b>44.856.273.716</b>

## 5. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)

### 5.1 Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán cho các khoản mục chưa đến hạn thanh toán được xác định như sau:

Loại hình giao dịch	Đối tác thanh toán	Hệ số rủi ro theo đối tác	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro VND
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
			0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
1. Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm (Thuyết minh 5.1.1)	-	-	-	-	27.162.186.000	-	-	27.162.186.000	
2. Cho vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-	
3. Vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-	
4. Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	-	-	-	-	-	-	-	-	
5. Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	-	-	-	-	-	-	-	-	
6. Hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thoả thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-	-	
<b>TỔNG RỦI RO THANH TOÁN TRƯỚC THỜI HẠN</b>								<b>27.162.186.000</b>	

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

(BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### 5. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)

#### 5.1 Rủi ro trước thời hạn thanh toán (tiếp theo)

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

##### 5.1.1 Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay

	Giá trị sổ sách VNĐ	Giá trị tài sản đảm bảo VNĐ	Giá trị tài sản không có tài sản đảm bảo VNĐ	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro thanh toán
Các khoản tiền gửi kỳ hạn	452.703.100.000	-	452.703.100.000	6%	27.162.186.000
	<b>452.703.100.000</b>	<b>-</b>	<b>452.703.100.000</b>	<b>6%</b>	<b>27.162.186.000</b>

##### 5.1.2 Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại

Danh mục	Giá trị bán VNĐ	Giá trị thị trường VNĐ	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro thanh toán VNĐ
<b>Trái phiếu</b>				
TD1114053	54.122.613.945	54.115.060.031	3%	-
TD1318024	21.265.000.000	21.201.315.072	4%	-
BID10306	50.439.000.000	50.193.698.636	20%	-
BID1_206	69.302.100.000	77.178.990.754	20%	-
	<b>195.128.713.945</b>	<b>202.689.064.493</b>		<b>-</b>

##### 5.1.3 Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại

Danh mục	Giá trị bán VNĐ	Giá trị thị trường VNĐ	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro thanh toán VNĐ
Trái phiếu doanh nghiệp	50.986.600.000	77.178.990.754	20%	-
	<b>50.986.600.000</b>	<b>77.178.990.754</b>		<b>-</b>

### 5. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)

#### 5.2 Rủi ro quá thời hạn thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán của các khoản mục đã quá thời hạn thanh toán được xác định như sau:

STT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VNĐ)	Giá trị rủi ro (VNĐ)
1.	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16	-	-
2.	16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32	-	-
3.	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48	-	-
4.	Từ 60 ngày trở đi	100	17.694.087.716	17.694.087.716
<b>TỔNG RỦI RO QUÁ HẠN THANH TOÁN</b>				<b>17.694.087.716</b>

### 6. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu	Giá trị VNĐ
I. Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	122.689.490.895
II. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh 6.1)	(34.526.944.294)
III. Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)	157.216.435.189
IV. 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	39.304.108.797
V. 20% Vốn pháp định của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	60.000.000.000
<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V})</b>	<b>60.000.000.000</b>

#### 6.1 Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

	Giá trị VNĐ
Chi phí khấu hao	5.202.544.370
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(70.574.998.129)
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	28.915.500.000
Dự phòng phải thu khó đòi	1.930.009.465
	<b>(34.526.944.294)</b>

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

(BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

## 7. VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ VNĐ	Khoản tăng thêm VNĐ
A	<b>Nguồn vốn</b>	(1)	(2)	(3)
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại	722.339.370.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần	610.253.166.720		
3	Cổ phiếu quỹ	(228.000.000)		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	14.322.179.098		
5	Quỹ đầu tư phát triển	14.322.179.098		
6	Quỹ dự phòng tài chính	-		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	27.692.557.721		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính (Thuyết minh 7.1)		158.953.459.556	14.815.820.353
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>			<b>1.244.563.813.434</b>

## 7. VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ VNĐ	Khoản tăng thêm VNĐ
B	<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
I	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>			
II	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	
1.	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường (Thuyết minh 4)			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
III	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		(26.189.729.135)	
1.	Phải thu của khách hàng		-	
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2.	Trả trước cho người bán		(7.410.179.850)	
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

(BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### 7. VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng	
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ VND
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-
5.	Các khoản phải thu khác	(18.779.549.285)	
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	(18.779.549.285)	
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		-
V	Tài sản ngắn hạn khác	(1.700.305.713)	
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	(1.350.548.043)	
2.	Thuế GTGT được khấu trừ		
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước		
4.	Tài sản ngắn hạn khác	(349.757.670)	
4.1	Tạm ứng		-
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác	(349.757.670)	
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>		<b>(27.890.034.848)</b>

### 7. VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng	
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ VND
C	Tài sản dài hạn		
I	Các khoản phải thu dài hạn		
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng		-
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ		-
	<b>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</b>		
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-
4.	Phải thu dài hạn khác		-
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-
1.5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>(8.389.397.745)</b>
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	-	
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	-	
1.	Đầu tư vào công ty con	-	
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường (Thuyết minh 4)		
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-
4.	Đầu tư dài hạn khác	-	
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

(BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### 7. VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
V	Tài sản dài hạn khác	(20.263.865.430)		
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo Điều 5 - Thông tư 226			
1C	Tổng			(28.653.263.175)
<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A+1B+1C</b>				<b>1.188.020.515.411</b>

### 5.2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

Giá trị tăng thêm và giảm đi của chứng khoán

Chi tiết giá trị tăng thêm và giảm đi của chứng khoán tại khoản mục đầu tư tài chính được điều chỉnh vào vốn khả dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Thời gian quá hạn	Giá gốc (*) VND	Giá thị trường VND	Chênh lệch VND
<b>Giá trị tăng thêm</b>			
Cổ phiếu niêm yết	22.939.925.350	24.364.240.200	1.424.314.850
Cổ phiếu chưa niêm yết	693.000	1.201.500	508.500
Trái phiếu niêm yết	123.218.250.007	125.510.073.739	2.291.823.732
Trái phiếu chưa niêm yết	97.516.856.504	98.757.790.411	1.240.933.907
Chứng chỉ quỹ	67.745.660.700	77.603.900.064	9.858.239.364
	<b>311.421.385.561</b>	<b>326.237.205.914</b>	<b>14.815.820.353</b>
<b>Giá trị giảm đi</b>			
Cổ phiếu niêm yết	90.052.339.350	56.943.632.200	(33.108.707.150)
Cổ phiếu chưa niêm yết	152.115.162.120	63.789.692.903	(88.325.469.217)
Chứng chỉ quỹ	7.907.950.000	5.641.724.400	(2.266.225.600)
Đầu tư khác	19.143.378.227	-	(19.143.378.227)
Trái phiếu chưa niêm yết	78.488.000.000	62.378.320.638	(16.109.679.362)
	<b>347.706.829.697</b>	<b>188.753.370.141</b>	<b>(158.953.459.556)</b>
	<b>659.128.215.258</b>	<b>514.990.576.055</b>	<b>(144.137.639.203)</b>

(\*) : Giá gốc của trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết bao gồm giá trị ghi sổ của trái phiếu và lãi dự thu tính từ ngày trả lãi gần nhất đến ngày lập báo cáo

### 8. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 yêu cầu phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Bà **Nguyễn Hồng Thủy**  
Trưởng phòng Tài chính  
Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

Bà **Vũ Thu Hòa**  
Phó phòng pháp chế &  
Kiểm soát Nội bộ



Ông **Nhữ Đình Hòa**  
Tổng Giám đốc

Toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 được đăng tải tại địa chỉ:

[www.bvsc.com.vn](http://www.bvsc.com.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3928 8080 - Fax: (84-4) 3928 9888  
Email: [info-bvsc@baoviet.com.vn](mailto:info-bvsc@baoviet.com.vn)

[www.bvsc.com.vn](http://www.bvsc.com.vn)